

diễn đàn

Số 131/ 7.2003

ISSN 1164-2378

F O R U M



“Văn minh tiến bộ” : thời trang chống ô nhiễm - Ảnh chụp trên đường phố Sài Gòn tháng 1-2003 (trước dịch SARS !)

mục lục

2 Bạn đọc và Diễn Đàn

thời sự Việt Nam

- | | | |
|----|---|------------------|
| 1 | Vụ án Năm Cam | Hoà Vân |
| 3 | Tin Tức | |
| 8 | Kinh tế Việt Nam trong bối cảnh vài năm trước mắt | Vũ Quang Việt |
| 11 | 1963, tìm hiểu cuộc “ đi đêm ” | Nguyễn Ngọc Giao |

lịch sử & khoa học & văn nghệ

- | | | |
|----|--------------------------|---------------------------------|
| 15 | Điểm sách | Trần Hữu Dũng & H.V. |
| 17 | Thượng đế thì cười | Nguyễn Khải |
| 20 | Mưa mùa xa (truyện ngắn) | Mai Ninh |
| 24 | Đọc Âm Vọng | Văn Ngọc |
| 26 | Những người cướp lửa | De Villepin
(Đặng Tiến dịch) |
| 28 | Xem Gái Nhảy | Vũ Ngọc Thăng |
| 29 | Lê Văn Thiêm | Bùi Trọng Liễu |

Vụ án Năm Cam

Tội ác và trừng phạt ?

Hoà Vân

Vụ án “ xã hội đen ” Năm Cam tạm chấm dứt với các bản án của toà sơ thẩm ngày 5.6 (xem tin trang 3) : 6 án tử hình, 5 án chung thân...

Gần 100 ngày xét xử, nhiều cuộc tranh cãi căng thẳng và công khai lần đầu tiên được diễn ra tại một toà án CHXHCN Việt Nam giữa những luật sư và công tố viên, người ta có thể ghi nhận bước tiến đáng kể của nền pháp chế VN, nếu...

Trước hết, nếu bên cạnh đó, không còn tồn tại những phiên toà khác, giám giữ, bất chấp quyền lợi hợp pháp của người bị xử, như những phiên toà xử Lê Chí Quang, Phạm Hồng Sơn v.v., những người không vi phạm tội lỗi nào khác ngoài cái tội phản đối sự độc quyền của đảng CSVN.

Nhưng dù cho thời sự không nhắc nhở điều đó, chỉ nhìn riêng trong vụ Năm Cam và phiên toà, thiết tưởng cũng còn nhiều vấn đề cần nêu lên. Ở đây, chỉ xin nêu vài chuyện chung quanh các quan chức dính líu.

Điều trước hết đập vào mắt người đọc bản án là, ngoài tội giết người, những hình phạt nặng nhất được dành cho các bị cáo bị buộc tội đưa hối lộ. Một án tử hình, một án tù chung thân, 4 án 20 năm tù giam... Nhưng người đưa hối lộ thì nhiều và bị phạt nặng, còn người ăn hối lộ thì chẳng bao nhiêu, và hình phạt tối đa cũng chỉ vài năm tù. Số tiền các bị cáo nhận hối lộ bị truy tố chỉ là một phần rất nhỏ của số tiền hơn 1 tỉ đồng mà Năm Cam và gia đình bị truy tố là đã đem hối lộ các quan chức để duy trì hoạt động xã hội đen và để chạy tội khi thấy có dấu hiệu bị điều tra. Có điều gì không ổn trong sự bất đối xứng này ?

Chẳng hạn, trong phần luận tội của hội đồng xét xử, toà bác bỏ các lập luận của luật sư về vai trò của Trần Văn Thuyết, khẳng định vai trò của Thuyết trong hành vi hối lộ là “ đặc biệt nghiêm trọng, số tiền đưa hối lộ đặc biệt lớn, hậu quả gây ra đặc biệt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội ”. Thế nhưng, lại “ chỉ chứng minh được Thuyết đưa cho Trần Mai Hạnh và Phạm Sĩ Chiến tổng cộng 8 500 USD và Nguyễn Thập Nhất 15 triệu đồng ”. Nhưng Thuyết vẫn phải chịu “ hình phạt nghiêm khắc ”, kể cả trong những việc toà không chứng minh được. Trong khi Hạnh và Chiến chịu ít hơn mức hình phạt tối đa của khung hình phạt (cho tội danh này).

(xem tiếp trang 7)

Bạn đọc và Diễn Đàn

Cùng bạn đọc

Khi số báo này đến tay độc giả thì một số đồng bạn đọc, ít nhất ở... châu Âu già nua này, đã hay sắp lên đường nghỉ hè sau một năm lao động (và đình công). Như thông lệ, báo Diễn Đàn ngưng ra tháng 8. Số 132 sẽ lên khuôn vào ngày cuối tháng 8, nên sẽ đến tay bạn đọc khoảng ngày 10.9.

Trong hai tháng hè, bạn đọc có thể theo dõi tin tức và sinh hoạt quan trọng trên internet : www.diendan.org

Chúc bạn đọc những ngày nghỉ an vui và xin hẹn tái ngộ vào đầu tháng 9.

Diễn Đàn

Vịnh Bắc Bộ và Biển Đông

Tôi rất hoan nghênh loạt bài về Hiệp định biên giới Việt Nam - Trung Quốc đăng trên mấy số vừa qua. Những bài ấy đã mang lại những thông tin khách quan để bạn đọc có thể nhận định về những vấn đề vừa quan trọng đối với đất nước vừa thiêng liêng đối với mỗi người Việt Nam. Điều này hết sức bổ ích, nhất là trong tình hình hiện nay. Trong nước thì do những cuộc tranh giành quyền bính, người ta đã tổ chức nhau về việc ký kết hiệp định. Khi những lời đồn đại từ nội bộ lan ra, những cán bộ lão thành chất vấn hay phản đối, thì nhà

nước lặng câm. Những người trẻ hơn và những thanh niên nhiệt tình tìm cách điều tra hư thực thì chặn bắt (như trường hợp nhà thơ Bùi Minh Quốc), khi họ phản đối thì kết án tù (như trường hợp anh Lê Chí Quang). Còn những kẻ tán tận lương tâm, vì một chút quyền lợi riêng tư mà đem những chuyện thiêng liêng ra làm vũ khí sát phạt nhau, thì vẫn cứ phây phây, không những phây phây mà ngênh ngang cao đạo. Trong tình hình như vậy, ở ngoài nước, thử hỏi làm sao dư luận Việt Nam không xông xáo, phản nộ. Các chính khách chính khóa cố nhiên là đục nước béo cò, tân trang lòng ái quốc. Nhưng tôi nghĩ, đằng sau những lời tuyên ngôn ồn ào, trước tiên phải cảm nhận tấm lòng thiết tha với vận nước của đồng đảo cộng đồng người Việt ở hải ngoại.

Nhân đây, tôi cũng đính chính một sai lầm của tác giả khi ông viết rằng cuối thế kỉ XIX (tức là lúc kí kết hiệp định Pháp Thanh), lãnh hải (mer territoriale) còn là một khái niệm xa lạ, phải đợi đến giữa thế kỉ XX, nó mới được hình thành. Sự thật, lãnh hải 3 hải lí đã có từ lâu.

Cuối cùng, tôi cho rằng nếu đúng Hiệp định biên giới trên đất liền 1999 về cơ bản là căn cứ vào Hiệp định Pháp Thanh, và nếu sự phân định Vịnh Bắc Bộ là đúng như tám bản đồ mà quý báo công bố, thì đó là một điều khả quan. Trên đất liền, như vậy là lần đầu tiên Trung Quốc chấp nhận một đường biên giới “do đế quốc áp đặt trong thế kỉ XIX” (thực ra, đường biên giới này cũng chỉ là cụ thể hoá biên giới truyền thống). Trong Vịnh Bắc Bộ, nó sẽ tạo ra sự ổn định cho phép hai bên khai thác tài nguyên như dầu khí. Điều quan ngại lớn nhất, theo thiên ý, là vấn đề Biển Đông. Nếu nước ta không phát triển vững mạnh về kinh tế, không tạo dựng được sự đồng thuận dân tộc về chính trị, thì làm sao bảo vệ được chủ quyền của đất nước ?

V. Đ. (Paris, Pháp)

Xin thành thực cảm ơn ông đã chỉ giáo sai lầm về lãnh hải trong bài viết. Đúng là lãnh hải (mer territoriale) 3 hải lí (trước đây thường gọi là hải phận / eaux territoriales) đã có từ trước. Điều mới, với Công ước về Luật biển của Liên Hiệp Quốc (1982), là lãnh hải được mở rộng ra 12 hải lí. Và quan trọng hơn cả, là quy định về vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lí. Với khái niệm mới này, toàn bộ vùng Vịnh Bắc Bộ (ngoại trừ vùng lãnh hải ven bờ biển) là vùng đặc quyền kinh tế chồng lấn của cả hai bên. Cách giải quyết duy nhất là phân định theo những tiêu chuẩn của Công ước quốc tế, trong đó tiêu chuẩn quan trọng nhất là tỉ số chiều dài bờ biển của hai bên vòng quanh Vịnh.

triển lãm mỹ thuật tại Đức và Italia

ĐÀO DROSTE

Fernoste, Bilder und Skulpturen, Schloss Mochental,
Ehingen/Donau

13.7 (vernissage 11 Uhr) - 31.8.2003

Spirito del Tempo, Video/Installationen, Rapallo (Italien),
Castello sul mare

19.7 (vernissage 18 h) - 20.8.2003

<http://www.daodroste.de/>

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đỗ

Tổng biên tập : Hà Dương Tường

Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao,

Bùi Mộng Hùng (1932-1999), Văn Ngọc

Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý :

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lệ,

Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa,

Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,

Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thuỷ,

Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiến Văn,

Hải Văn, Hoà Văn

Tin buồn

Chúng tôi được tin

Bà Nguyễn Thị Các

đã từ trần ngày 12 tháng 6 năm 2003 tại Thành phố Hồ Chí Minh, thọ 79 tuổi.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng anh Nguyễn Hoàng, chị Mỹ Lộc và toàn thể tang quyến.

TIN TỨC

Sơ thẩm vụ án “ Năm Cam ” : 6 tử hình, 5 chung thân

Ngày 5.6, sau hơn 3 tháng xét xử, Tòa án nhân dân TP HCM đã hoàn tất phiên tòa sơ thẩm đối với 155 bị cáo trong vụ án “ xã hội đen Năm Cam ”.

Trương Văn Cam tức Năm Cam, người cầm đầu tổ chức tội phạm, bị hai án tử hình về các tội giết người (chủ mưu trong vụ án giết Dung Hà) và đưa hối lộ, và 5 án tù khác về các tội cố ý gây thương tích, đánh bạc, tổ chức đánh bạc, tổ chức đưa người khác trốn đi nước ngoài và che giấu tội phạm. Tổng hợp hình phạt với 7 tội danh là tử hình.

Năm người khác bị tử hình và 4 bị tù chung thân là những đàn em của Năm Cam trực tiếp dính líu tới các vụ giết người, trong đó 3 án tử hình dành cho vụ giết hại cảnh sát hình sự Phan Lê Sơn.

Một án chung thân khác dành cho một bị cáo về “ hành vi đưa hối lộ cho nhiều cảnh sát để duy trì hoạt động cờ bạc của tổ chức Năm Cam ”. Trong số còn lại, án nặng nhất là 20 năm tù giam cũng đều dành cho các bị cáo mang tội đưa hối lộ (cộng mấy tội khác nhẹ hơn). Trong số này có Trần Văn Thuyết, “mưu sĩ” của Năm Cam, cũng như vợ và con rể của Năm Cam. Một vài tay chân khác của Năm Cam cũng phải chịu hình phạt 10-15 năm tù về tội đưa hối lộ.

Những quan chức nhận hối lộ hoặc “ lợi dụng chức vụ quyền hạn ” hay “ thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng ”, bị những án nhẹ hơn nhiều. Nguyên phó viện trưởng viện Kiểm sát nhân dân tối cao, ông Phạm Sĩ Chiến bị 6 năm tù. Nguyên uỷ viên trung ương đảng, phó chủ tịch kiêm tổng thư ký hội nhà báo, đồng thời là tổng giám đốc đài tiếng nói VN, ông Trần Mai Hạnh lĩnh 10 năm tù. Nguyên uỷ viên trung ương đảng, giám đốc công an thành phố HCM, trung tướng công an Bùi Quốc Huy, 4 năm. Cả ba bị “ cấm đảm nhiệm chức vụ tại cơ quan nhà nước trong thời hạn 5 năm sau khi mãn hạn tù ”.

Nguyên trưởng phòng Cảnh sát điều tra, nguyên thượng tá công an Nguyễn Mạnh Trung lĩnh án 5 tù. Các sĩ quan công an khác dính líu, vì một hay hai trong 3 tội danh kể trên, các ông Dương Minh Ngọc (nguyên thượng tá), lĩnh án 6 năm tù, Võ Văn Tâm (nguyên đại úy), 4 năm, Lê Minh Hùng (nguyên trung tá), 4 năm...

Cũng trong bộ máy quyền lực của “ chuyên chính vô sản ”, nhưng ở vòng ngoài hơn (?), hai nhà báo Hoàng Linh lĩnh án 12 năm tù, Võ Quang Thắng bị phạt 10 năm tù...

Ngoài ra, tòa còn tuyên phạt tiền bổ sung hơn 1,1 tỷ đồng với các bị cáo Năm Cam, Dương Ngọc Hiệp, Trương Hiền

Bảo... Các bị cáo như Trần Văn Thuyết bị phạt tiền 27 triệu đồng và 59.000 USD, Phạm Sĩ Chiến nộp phạt 27 triệu đồng, Trần Mai Hạnh 8.500 USD. Về phần dân sự, Trương Văn Cam phải bồi thường cho nạn nhân Lê Ngọc Lâm (Lâm “Chín Ngón”) hơn 400 triệu đồng so với gần 2 tỷ đồng gia đình ông Lâm yêu cầu. Bị cáo trong vụ Phan Lê Sơn liên đới trách nhiệm bồi thường cho bà Lê Thị Hạnh (mẹ Sơn) 60 triệu đồng, với số tiền cấp dưỡng 250.000 đồng/tháng. Trước đó, bà Hạnh cùng luật sư yêu cầu bồi thường 725 triệu đồng.

Tòa tiếp tục kê biên nhiều tài sản giá trị lớn để đảm bảo thi hành án. Một số tài sản không liên quan đến vụ án được trả lại cho chủ sở hữu.

Trong thời hạn 15 ngày luật định, có 54 bị cáo, 6 người liên quan và một người bị hại đã gửi đơn kháng cáo, trong đó tất cả những bị cáo nguyên là cán bộ đều kêu oan và/hoặc xin giảm nhẹ hình phạt. Theo một số nguồn tin, Năm Cam đã kháng cáo không nhận tội giết Dung Hà, nhưng cho tới 17g ngày 20.6, tức 7 giờ trước khi hạn kháng cáo chấm dứt, tòa án cho biết chưa nhận được đơn này.

(tổng hợp tin các báo trong nước từ 5 đến 20.6.2003)

Phạm Hồng Sơn bị 13 năm tù

Vì đã dịch ra tiếng Việt một bài viết về “ Dân chủ là gì ” lấy trên trang web của bộ ngoại giao Mỹ, và truyền đi trên mạng Internet, hay vì đã gửi điện thư cho tổng bí thư Nông Đức Mạnh, yêu cầu đảng CSVN mở rộng dân chủ, bác sĩ Phạm Hồng Sơn, năm nay 34 tuổi, vừa bị tòa án nhân dân Hà Nội ngày 18.6 kết án 13 năm tù giam cộng với ba năm quản chế. Anh bị buộc tội làm “ gián điệp ”, theo điều 80 (1c) bộ Luật hình sự Việt Nam.

Thuộc lớp thanh niên lớn lên ở miền bắc, cha, anh đều tham gia kháng chiến chống Mỹ, Phạm Hồng Sơn đã tốt nghiệp đại học y khoa, lại học thêm kinh tế, quản lý, nên đã được nhận vào làm ở các công ty y dược do nước ngoài đầu tư (công ty Thụy Sĩ Alcon năm 1997, rồi công ty Hung Tradewind Asia cho tới năm ngoái, khi anh bị bắt).

Theo tin Thông tấn xã VN ngày 18.6, anh Sơn bị bắt ngày 27.3.2002 và bị buộc tội là từ tháng 7/2000 đến tháng 3/2002, đã liên hệ với các ông Trần Khuê, Hoàng Minh Chính, Lê Chí Quang, Nguyễn Đắc Kính cùng “ thu thập tài liệu, thông tin có nội dung xuyên tạc đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước và thông qua hộp thư điện tử cung cấp cho các đối tượng phản động ở nước ngoài [bản cáo trạng kể tên 8 Việt kiều] để chúng sử dụng vào việc vu cáo Nhà nước Việt Nam vi phạm nhân quyền.”

Anh còn bị buộc tội đã nhận tiền [của các đối tượng nói trên], chuyển cho gia đình anh Lê Chí Quang 100 USD (Anh Quang cũng đã bị kết án 4 năm tù giam và 3 năm quản chế về tội “ tuyên truyền chống nhà nước XHCN VN ” cuối năm ngoái – xem D Đ số 124), anh Nguyễn Vũ Bình 1.000.000 đồng Việt Nam (67 USD) và bản thân “ nhận 150 USD làm kinh phí hoạt động gián điệp ” (có lẽ, trong lịch sử gián điệp hiện đại, chắc chưa có tên “ gián điệp ” nào được trả giá rẻ như vậy !).

Phiên tòa xử anh Sơn, cũng như những phiên tòa khác xử những người thực ra phạm tội duy nhất là đã lên tiếng đòi tự

do, dân chủ – một cách ôn hoà, không bạo động –, là một phiên toà kín, không một đại diện báo chí và nhà quan sát nước ngoài nào được tham dự.

Mười lăm tháng bị giam kín – kể cả người thân trong gia đình cũng không được thăm hỏi – mới được đem ra xử, rồi một bản án 13 năm tù giam cực kỳ vô lý, với một lý do mà đứa trẻ lên ba chắc cũng không tin nổi. Nhất là, chỉ để làm một cái việc vô duyên là “*vu cáo nhà nước*”. Vu cho một nhà nước trăm thứ tội lỗi là... “*chuyện bình thường ở huyện*” trên thế giới này. Vậy phải chăng, cái chứng hoang tưởng nhìn đâu cũng thấy kẻ thù của bộ phận công an chính trị trong nhà nước VN trầm trọng tới mức nó sẵn sàng phản ứng quyết liệt, kể cả với những phương tiện vô đạo nhất, trước những hoạt động rất đổi bình thường nhất của người công dân? Nếu thế, có cần ai “*vu cáo Nhà nước Việt Nam vi phạm nhân quyền*”?

Hay, như nhiều nhà quan sát quốc tế nêu lên, đơn giản hơn và nghiêm trọng không kém, thực ra đây chính là một bản án hù dọa cả xã hội VN : rằng Internet cũng là chỗ bộ máy công an của đảng soi mói, kềm kẹp (chí ít là về mọi trao đổi có tính chính trị), như trên các phương tiện truyền thông khác? Một bản án với ý đồ khoá chặt cái không gian tự do trao đổi, tự do suy nghĩ ngoài vòng kiểm soát, mà Internet có thể mở ra, mà bộ máy không chấp nhận được, dù áp lực của cuộc phát triển kinh tế có đòi hỏi việc sử dụng rộng rãi phương tiện truyền thông hiện đại này.

Trong mọi trường hợp, một bản án không thể chấp nhận được.
(H.V.)

ASEAN đòi Miến Điện trả tự do cho bà Aung San Suu Kyi và những người đối lập

Một ngày trước phiên toà vô đạo xử Phạm Hồng Sơn, ngoại trưởng Việt Nam đã cùng các đồng sự ký vào Thông cáo chung của hội nghị các bộ trưởng ngoại giao ASEAN lần thứ 36 (AMM-36), trong đó điểm 18 ghi rõ yêu cầu khẩn thiết nhà cầm quyền Myanmar sớm bãi bỏ những hạn chế tự do đối với lãnh tụ đối lập, bà Aung San Suu Kyi và những thành viên của Liên đoàn quốc gia vì dân chủ, đảng đối lập do bà lãnh đạo. Đây là lần đầu tiên, trước áp lực quốc tế, ASEAN đã phải bỏ túi cái nguyên tắc “*không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước thành viên*”.

Dễ hiểu là trong bài trả lời phỏng vấn của báo Nhân Dân khi vừa về nước, ngày 19.6, bộ trưởng Nguyễn Dy Niên đã hoàn toàn phớt lờ đi điểm 18 này trong phần nhận định về hội nghị AMM-36, mà chỉ nói chung chung : “*Về tình hình khu vực, hội nghị đã nghe các bộ trưởng ngoại giao Myanmar và Indonesia trình bày về những diễn biến gần đây trong tình hình các nước này. Các bộ trưởng khẳng định nguyên tắc của Hiệp hội là không can thiệp công việc nội bộ của các nước thành viên, đồng thời bày tỏ mong muốn các nước này sớm ổn định tình hình để tập trung vào phát triển đất nước và hội nhập quốc tế.*”.

Trong chương trình của hội nghị, các bộ trưởng còn thảo

Độc báo trong nước

Khi bộ công an đòi treo án luật sư...

LTS : Cho dù bản án đưa ra có thoả đáng hay không, phiên toà xét xử Năm Cam và đồng phạm đã làm nổi bật chức năng của luật sư, đặc biệt trong vai trò phản biện viện kiểm sát. Đến mức cơ quan cảnh sát điều tra của bộ công an đã thấy bị “*xúc phạm*”, “*bôi nhọ*”, và đòi bộ tư pháp và ban nội chính trung ương xét lại “*tư cách*” và “*năng lực*” hành nghề của một luật sư, ông Đặng Văn Luân : bào chữa cho ông Trần Mai Hạnh, luật sư Luân đã cho rằng cơ quan điều tra và công tố có tổ chức “*thông cung*” trong trại giam và “*đạo diễn*” lời khai của một số bị can trước toà án. Tất nhiên, không phải lần đầu tiên cơ quan công quyền có hành động đe dọa và chụp mũ một cách thô bạo những người bào chữa. Song lần này, công luận đã chứng kiến các luật sư phản ứng lại và khẳng định nguyên tắc biện hộ một cách mạnh mẽ – như trong bài báo dưới đây đăng trên **Tuổi Trẻ** với tựa đề : “*quyền biện hộ = quyền công tố*”.

Trong một thiết chế dân chủ, khi mà nền văn minh pháp lý được xác lập ở trình độ cao, quyền biện hộ của mỗi công dân phải được bảo đảm và khai triển tối đa trên mọi chiều kích. Nói cách khác, quyền biện hộ là thước đo trình độ của một nền văn minh pháp lý. Công lý, chứ không phải chân lý (sự thật), là mục tiêu tối thượng của việc thiết lập các định chế tư pháp và bổ trợ tư pháp, bao gồm cả công tố viên và luật sư. Công lý là kết quả của nỗ lực tìm kiếm sự cân bằng giữa một bên là quyền công tố hay buộc tội, và bên kia là

quyền biện hộ hay bào chữa, trong việc đánh giá các chứng cứ về phạm pháp. [...]

Bấy lâu nay trong việc giáo dục công dân, chúng ta thường nhấn mạnh đến quyền lực của các cơ quan công quyền hơn là quyền biện hộ và các quyền tự do khác của công dân. Vì vậy khi thấy một vị luật sư, trong lúc bào chữa cho một bị cáo, dám ‘*to gan*’ chỉ trích cơ quan điều tra và cơ quan công tố hoặc tỏ ý nghi ngờ giá trị chứng cứ của các cơ quan này, người ta vội vàng chụp ngay cái mũ sai phạm đạo đức nghề nghiệp hoặc vi phạm pháp luật cho vị luật sư ấy, và đe dọa tước giấy phép hành nghề luật sư. Tất nhiên, phản ứng trước cái xấu và cái ác điều nên làm, song cũng cần cân nhắc đến quyền tự do cá nhân của một công dân, dù đó là kẻ phạm pháp. Bảo vệ và biện hộ cho những công dân phạm pháp không thể bị đồng hoá với cái xấu và cái ác, càng không thể bị nhìn bằng ánh mắt ác cảm. Trái lại, giúp làm sáng tỏ công lý và tránh oan sai cho công dân thiết tưởng là công việc cao quý, dù khó khăn, mà người luật sư đã vinh dự được xã hội giao phó.

Tại những quốc gia có truyền thống nghề luật sư lâu đời, việc tước giấy phép hành nghề, hay gọi nôm na là “*treo án luật sư*”, chỉ xảy ra khi vị luật sư đó thay vì đặt mình vào vị trí biện hộ cho bị cáo, đã ‘*góp phần*’ cùng công tố viên buộc tội thân chủ của mình với mục đích tìm ra... sự thật ! Lý do đơn giản của chế tài truyền thống này là : khi hành động như vậy, vị luật sư đó đã không hành xử đúng trách nhiệm nghề nghiệp mà xã hội đã kỳ vọng ở anh ta.

Lê Công Định

Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh(Tuổi Trẻ 20.5.03)

luận các biện pháp để “*đổi phó hiệu quả những thách thức to lớn đang đặt ra cho Hiệp hội, đưa ASEAN tiếp tục phát triển*” trước những “*diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và khu vực do hệ lụy của cuộc chiến tranh Iraq, nạn khủng bố quốc tế, bệnh SARS*”. Ngoại trưởng Mỹ Colin Powell đã đích thân tới Phnom Penh ngày 17.6 để làm áp lực với các nước ASEAN tăng cường các chính sách “*chống khủng bố*”.

(tin ND 19.6, Le Monde 18.6 và trang web của ASEAN)

Chủ tịch Thượng viện Pháp thăm Hà Nội

Một đoàn đại biểu thượng nghị viện Pháp do chủ tịch Christian Poncelet dẫn đầu, đã tới thăm Việt Nam tuần cuối tháng 5 vừa qua. Về phương diện chính trị, ông Poncelet đã nhấn mạnh với những đối tác VN, chủ tịch nước Trần Đức Lương, thủ tướng Phan Văn Khải hay chủ tịch quốc hội Nguyễn Văn An, sự nhất trí về quan điểm của hai nước đối với cuộc chiến tranh Iraq: “*Lý của kẻ mạnh không phải là luôn luôn đúng*”, ông Poncelet không ngừng nhắc lại. Ông Poncelet cũng cho biết tổng thống Pháp Chirac sẽ sang tham dự hội nghị tối cao Á – Âu lần thứ 5, tổ chức tại Hà Nội trong năm tới.

Về các quan hệ kinh tế, phái đoàn cũng đã thảo luận với phía VN về dự án một vệ tinh viễn thông trị giá khoảng 200 triệu Euro đang được phía VN nghiên cứu, mà công ty châu Âu EADS là một ứng viên trong cuộc cạnh tranh quyết liệt với nhiều đối thủ Mỹ. Dự án xây dựng nhà quốc hội mới thay nhà Ba Đình hiện nay cũng được đề cập trong các cuộc trao đổi. Trong ba hồ sơ lọt vào vòng cuối của cuộc tuyển lựa, trên nguyên tắc sẽ kết thúc vào cuối tháng 6 này, có hai là của các kiến trúc sư Pháp, và một của Đức. Ngoài ra, ông Hoàng Đức Nghiê, chủ tịch thành phố Hà Nội, cũng đã trình bày một dự án đường xe điện mà VN muốn Pháp giúp thực hiện.

Tại TP HCM, ông Christian Poncelet đã làm việc với thành uỷ về một dự án một trường đại học Pháp ngữ, chuyên về một số lĩnh vực công nghệ như dầu khí, vận tải..., và đã dự lễ khánh thành ban ung thư trong bệnh viện Pháp-Việt.

(theo Le Monde 31.5 và The Saigon Daily Times 2.6.2003)

Hợp tác Việt Nam - châu Phi

Một hội thảo “*Việt Nam - châu Phi : Cơ hội hợp tác và phát triển trong thế kỷ 21*” đã được tổ chức lần đầu tiên tại Hà Nội trong ba ngày 28 đến 30/5, với sự tham dự của đại diện 23 quốc gia châu lục Đen và 10 tổ chức quốc tế.

Phát biểu khai mạc hội thảo, thủ tướng Phan Văn Khải nhấn mạnh, sự tương đồng về lịch sử, kinh tế, xã hội là những thuận lợi lớn để thúc đẩy mạnh mẽ mối quan hệ trên nhiều lĩnh vực giữa VN và các nước châu lục đen. Thủ tướng cho rằng, cùng với những thành tựu của 17 năm đổi mới ở VN, các bên có cơ hội phát triển hợp tác về mọi mặt, đưa quan hệ kinh tế, thương mại lên ngang tầm về chính trị.

Châu Phi là thị trường có sức tiêu thụ lớn và không khó tính, một số nước có giá trị thương mại nhập khẩu cao như Maroc 10 tỷ USD/năm, Nam Phi 29 tỷ USD/năm. Trong các năm 1991-2002, kim ngạch thương mại song phương đạt gần 200 triệu USD. Riêng năm 2001, VN xuất sang châu Phi 170

triệu USD, trong đó 60 % là gạo. Hiện có hơn 3 500 lao động Việt Nam làm việc tại châu lục này.

Tuy nhiên, theo ông Khải, VN cũng như nhiều nước châu Phi đang còn trong giai đoạn phát triển thấp trên nhiều phương diện. Sự hiểu biết lẫn nhau còn hạn chế, đặc biệt là về hệ thống kinh tế, hệ thống thanh toán, tập quán kinh doanh, nhu cầu và khả năng trong từng lĩnh vực cụ thể... Vì vậy, Thủ tướng kêu gọi các bên tạo động lực mới, xác định hướng đi và cách làm mới để phát triển mọi mặt nhất là về thương mại, đặc biệt thông qua hợp tác chặt chẽ và dành cho nhau những điều kiện ưu đãi hơn.

Đáp lại, bộ trưởng Công thương Namibia Jesaya Nyamu đã kêu gọi đẩy mạnh hợp tác nam – nam, thúc đẩy một trật tự kinh tế chính trị thế giới mới bình đẳng và công bằng, đồng thời tăng cường và mở rộng hợp tác ra nhiều lĩnh vực mới.

Ngày cuối hội thảo, VN đã ký 4 hiệp định song phương với các nước Namibia (hiệp định thương mại và hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư); Sudan (hiệp định hợp tác nông nghiệp) và Sierra Leone (hiệp định hợp tác kinh tế - thương mại, văn hóa và công nghệ Việt Nam). Ngoài ra, Việt Nam còn tiến hành ký bản ghi nhớ hợp tác song phương trong lĩnh vực nghề cá với Sudan.

Thông qua Hội thảo, đại diện nước chủ nhà và các quốc gia châu lục đen khẳng định sẽ tạo thuận lợi để doanh nghiệp các bên tham gia Diễn đàn doanh nghiệp Á - Phi lần thứ 3 tổ chức tại Dacca, Senegal vào tháng 10 tới. (theo VnExpress, 28-30.5.2003)

Doanh nghiệp nhà nước : hàng chục nghìn tỷ đồng nợ xấu

Chính phủ mới đây đã cho thành lập ban hướng dẫn xử lý nợ tồn đọng của các doanh nghiệp nhà nước tại các ngân hàng quốc doanh, mà theo số liệu chính thức đã lên đến 15 000 tỉ đồng. Hiện nay, trên tổng số 5 800 doanh nghiệp nhà nước, có đến hơn 3000 doanh nghiệp làm ăn thua lỗ : cụ thể hơn, ông Trịnh Công Thắng, phó tổng giám đốc Ngân hàng công thương Việt Nam, cho biết chỉ có khoảng 1000 doanh nghiệp nhà nước làm ăn có lãi và có khả năng trả nợ ngân hàng. Cộng thêm các khoản nợ giữa các doanh nghiệp giữa nhau, Thời báo Tài chính Việt Nam tuy không công bố con số cụ thể nhưng cho biết là các nợ xấu của doanh nghiệp nhà nước lên đến ‘hàng chục nghìn tỉ đồng’.

Theo văn bản hướng dẫn của chính phủ, các doanh nghiệp nhà nước không cân đối được tài chính sẽ được xem xét cho giãn nợ, khoan nợ quá hạn trong thời hạn từ 3 đến 5 năm. Còn các doanh nghiệp bị lỗ, không còn khả năng thanh toán thì sẽ được xoá nợ lãi vay ở mức không quá số lỗ còn lại. Nhưng liệu các biện pháp khoan nợ và xoá nợ này sẽ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vực dậy hay kéo dài tình trạng làm ăn thua lỗ. Trong phiên họp chính phủ tháng 5 vừa qua, thủ tướng Phan Văn Khải có phát biểu : ‘Từ nay trở đi, không chấp nhận việc các doanh nghiệp làm ăn thua lỗ để nhà nước phải gánh chịu ; không tiếp tục bao cấp các doanh nghiệp làm ăn thua lỗ kéo dài’. Song các tuyên bố này, những doanh nghiệp nhà nước đã nghe khá nhiều lần.

Theo đề án của chính phủ đưa ra cho các năm 2003-2005, 2 620 doanh nghiệp nhà nước, tức 61% doanh nghiệp hiện có, sẽ được sắp xếp lại. Tuy nhiên, một cuộc hội nghị cuối tháng năm vừa qua cho biết có đến 19 tỉnh thành, bộ ngành và 10 tổng công ty chưa thực hiện chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước nào trong năm tháng đầu năm. Hội nghị còn cho thấy, ở nhiều địa phương và ngành, các lãnh đạo không cho cỗ phần hoá doanh nghiệp hay tiến hành chậm vì muốn ‘giữ quốc doanh’. Chính phủ đã phải hăm dọa : ‘Những giám đốc doanh nghiệp nhà nước không thực hiện sắp xếp đúng tiến độ sẽ bị xử lý nghiêm khắc’. Song, trong khi đề án sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp nhà nước còn đang dở dang thì, theo nhận xét của ông Vũ Quốc Tuấn, chuyên viên kinh tế thuộc ban nghiên cứu của chính phủ, ‘mấy trăm doanh nghiệp nhà nước mới lại được xây dựng, mà có những doanh nghiệp xây xong đã thấy rõ là kém hiệu quả’. Ông Tuấn cho rằng ‘những sai lầm trong chủ trương đầu tư mới là vấn đề lớn cần được làm rõ’. [Thời báo Kinh tế Sài Gòn 22.5 ; Tuổi Trẻ 15, 30 và 31.5]

Cá tra, cá ba sa VN đã mất thị trường tại Mỹ ?

Ngày 17.6, bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã ra quyết định cuối cùng, theo đó các doanh nghiệp (DN) chế biến và xuất khẩu (XK) cá tra, cá ba sa phiê đông lạnh của VN bán phá giá vào thị trường Mỹ với biên độ cao tới mức từ 36,84 đến 63,88 % : Cty Agifish bán phá giá tới 44,76 %, Cty Cataco bán phá giá 45,55 %, Nam Việt : 52,90 %, Vinh Hoan : 36,84 % và các Cty khác bán phá giá tới 63,88 %. Tuyên bố nêu trên sẽ cho phía Mỹ quyền áp đặt thuế suất chống bán phá giá đối với các DN XK thủy sản VN.

Theo thứ trưởng bộ Thương mại Lương Văn Tự, đoàn điều trần do bộ Thương mại dẫn đầu vẫn đang tiếp tục điều trần về vụ kiện ở Mỹ cho tới khi Ủy ban Thương mại quốc tế Mỹ (ITC) đưa ra quyết định cuối cùng về vấn đề này, vào ngày 31.7 tới đây. Mặt khác, bộ Thương mại cùng bộ Thủy sản và các DN đã đẩy mạnh kế hoạch mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm cá tra, cá ba sa phiê đông lạnh vào thị trường EU, Nhật, Australia..., khuyến khích tăng tiêu thụ trong nước. Do đó, theo ông Tự, dù bị phía Mỹ áp đặt, nhưng VN không thụ động trong kế hoạch tiêu thụ cá tra, cá ba sa cho nông dân.

Theo thứ trưởng bộ Thủy sản Nguyễn Việt Thắng, 6 tháng đầu năm nay kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt khoảng 988 triệu USD. Dự kiến, con số 1 tỷ USD sẽ đạt sớm hơn so với năm ngoái 20 ngày.

(Theo báo Lao Động 07.06 và Thanh Niên 18.6.2003)

Xe buýt mới : chưa khai thác đã hư hỏng

Với mục đích giảm ùn tắc xe cộ đồng thời tăng an toàn giao thông, thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành đề án khôi phục và phát triển hệ thống xe buýt công cộng, đầu tư hàng nghìn tỷ đồng vào xe mới hiệu Transinco của Tổng công ty cơ khí giao thông vận tải. Riêng Thành phố Hồ Chí Minh đã ký một hợp đồng mua 1318 xe buýt trị giá 864 tỉ đồng. Tuy nhiên, những Transinco đầu tiên đưa vào khai thác vào tháng 5 vừa qua đã phải ngưng hoạt động ngay vì trở nên nguy hiểm cho hành khách.

Các xe mới bộc lộ hàng loạt khuyết điểm : máy xe bị cháy côn, vỏ xe bị nổ, hộp số trên sàn xe bị bong, tấm kính ở cửa và cửa sổ bị rớt, tấm trần bị dột nước, ghế nệm bị rách v.v. Tại Thành phố Hồ Chí Minh, sáu vụ tai nạn đã xảy ra trên các xe buýt mới này. Tổng giám đốc Transinco, ông Nguyễn Văn Khoa, đã phải công nhận “ *sự cố xe buýt chất lượng chưa cao* ” (sic !). Ông giải thích : do thời gian sản xuất quá ngắn, xí nghiệp lắp ráp đã nói lỏng các yêu cầu kỹ thuật, sử dụng vật dụng tùy tiện, kiểm tra thiếu chặt chẽ. Ông thú nhận rằng “ *toàn bộ khâu chạy thử trên đường bị bỏ qua* ”. Thành phố Hà Nội đã quyết định trả lại toàn bộ 36 xe dột đầu.

Rút kinh nghiệm sự cố này, Tổng công ty cơ khí giao thông vận tải cho biết đã cách chức giám đốc xí nghiệp lắp ráp xe buýt, quản đốc phân xưởng nội thất và trưởng phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm, và kỷ luật 45 cán bộ công nhân. Đồng thời, Tổng công ty phê bình tổng và phó tổng giám đốc, và khiển trách giám đốc và phó giám đốc của Công ty cơ khí ô tô, trách nhiệm thực hiện các hợp đồng với Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với công luận, trách nhiệm không chỉ ngừng ở cấp độ đó. Sở dĩ Tổng công ty cơ khí giao thông vận tải đã có thể lắp ráp xe dối, không đảm bảo chất lượng, coi thường an toàn của hành khách, đó là do chính quyền cho nó thế độc quyền cung cấp xe buýt bằng cách trợ giá, ưu đãi người mua xe Transinco. Như phó giám đốc sở giao thông công chánh TPHCM thú nhận : ‘Trong nhiều văn bản chỉ đạo của cấp trên, Transinco là đơn vị duy nhất cung cấp xe’. Trong khi Thành phố Hồ Chí Minh có những doanh nghiệp sản xuất xe tại chỗ, các hợp tác xã xe buýt ‘không có chọn lựa nào khác, vì phải mua xe Transinco thì mới được trợ giá lãi suất vay và được trả trong vòng 10 năm’. Nếu không trả lại cho người mua xe quyền chọn lựa sản phẩm thì, theo một nhà bình luận, ‘không phải chỉ có những chiếc xe Transinco đứng đường, mà cả chương trình phát triển xe buýt Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh sẽ bị thử thách vì hành khách chưa kịp tin đã phải thất vọng’. [Tuổi Trẻ 14, 15, 17, 21 và 26.5.03]

Đua ô tô trái phép ở TP HCM

Rạng sáng ngày 25.5, đường Điện Biên Phủ, quận Bình Thạnh, bỗng nổi lên tiếng gầm rú của 6 chiếc ô tô, đèn xe màu xanh đỏ sáng quắc dưới gầm, nhạc trong xe phát ra chói tai, phóng với tốc độ kinh hoàng. Ngồi sau tay lái là những “ công tử ” trẻ măng. Đây là lần đầu tiên xảy ra đua ô tô trái phép trong thành phố. Ngay sau khi nhận được tin, đội tuần tra giao thông số 1 (Phòng CSGT TP HCM), cùng sự hỗ trợ của Cảnh sát 113, đã phục kích tại khu vực đầu cầu Điện Biên Phủ, vây bắt được 4 chiếc xe. Hai chiếc còn lại chạy thoát. Trong khi đang bị lập biên bản, Nguyễn Quốc Cường (sinh năm 1982) đưa hối lộ cho lực lượng cảnh sát 400 USD. Hành vi đưa hối lộ này cũng bị lập biên bản.

4 chiếc xe bị bắt giữ đều là những chiếc xe loại đắt tiền nhất hiện có : Mercedes thể thao, BMW 325i, BMW 323i, Lexus LS4000 và đều đã được chế, lắp pô tăng tốc.

Chiều ngày 28/5, cảnh sát điều tra Công an TP HCM đã khởi tố và chính thức thực hiện lệnh bắt tạm giam 6 bị can về hành vi đua ô tô trái phép. Trong số này có cả hai đối tượng đã

chạy thoát khi cảnh sát giao thông vây bắt. Một đối tượng khác cũng bị bắt mấy ngày sau.

(theo VnExpress)

Cháy hai tàu chở dầu

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 17-6 tại khu vực gần Cầu cảng Công ty PetroMekong (Tổng công ty Petro Việt Nam) thuộc khu công nghiệp Nam Hưng Phú (TP Cần Thơ), hai chiếc tàu vận chuyển dầu, gồm tàu chở dầu và một sà lan đã bốc cháy lớn.

Cán bộ và nhân viên cầu cảng Công ty PetroMekong đã dùng hóa chất chống cháy phun hết cầu cảng nhằm ngăn đám cháy lây lan lên bờ và sang khu vực kho xăng dầu lớn ở gần đó. Cảnh sát phòng cháy chữa cháy đã điều động hai tàu chữa cháy đến kịp thời khống chế và dập tắt lửa trên hai chiếc tàu, xà lan bị cháy. Chiếc xà lan bị cháy nặng và chiếc tàu chuyển dầu cũng bị cháy, nhưng nhẹ hơn. Đến khoảng gần 15 giờ, đám cháy đã được dập tắt.

Được biết đám cháy không có thiệt hại về tính mạng. (Tin tức)

TIN NGẮN

* Hai công ty xây dựng tại TP HCM vừa cho hay sẽ tạo cơ hội cho các khách hàng **người Việt hiện sinh sống tại VN có thể mua nhà tại 86 lô đất ở một khu biệt thự thành phố Houston, Mỹ**. Mỗi lô đất này rộng 350m², giá 32.000 USD (tương đương 500 triệu đồng) và nếu mua cả biệt thự thì giá là 120.000 USD !

* Ở trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh, giá đất đã lên đến 3000 USD /m² tại đường Lê Thánh Tôn, 4000 USD/m² tại đường Hai Bà Trưng, 5000 USD/m² tại đường Nguyễn Huệ... Theo các chuyên viên, **giá đất đang tăng một cách điên rồ**, gây trở ngại không ít cho hoạt động kinh tế với có nguy cơ quá bong bóng đầu cơ này nổ tung trong thời gian tới.

* Chính phủ đã cho thành lập “ **Quỹ hỗ trợ, vận động cộng đồng người Việt ở nước ngoài** ” nhằm hỗ trợ các hoạt động thông tin văn hoá phục vụ cộng đồng kể cả của cá nhân và hội đoàn người Việt Nam ở nước ngoài, đồng thời vận động Việt kiều về nước làm việc, hợp tác khoa học hay đầu tư kinh tế. Được nhà nước cấp số tiền ban đầu là 7 tỉ đồng, quỹ này sẽ được nhận tiền từ cá nhân và tổ chức, trong và ngoài nước đóng góp.

* Công ty điện lực VN vừa ký kết với hai tổ hợp các công ty Nhật, một do Mitsubishi, và một do Nisscho Iwai và Toshiba cầm đầu, hai hợp đồng **đại tu nhà máy thủy điện Đa Nhim**. Mỗi hợp đồng trị giá 15 triệu đô la, do chương trình viện trợ của chính phủ Nhật tài trợ. Đập Đa Nhim xây năm 1962, hoạt động từ năm 1964, có công suất 160 MW.

* Theo Ủy ban quốc gia về dân số, gia đình và trẻ em, hiện nay tỉ lệ **đẻ con trai quá nhiều so với con gái**. Một đợt nghiên cứu ở 16 tỉnh thành cho thấy có 115 bé trai ra đời so với 100 bé gái, trong khi tỉ lệ tự nhiên là 106/100. Nhà nước đã ra lệnh cấm phá thai vì biết thai là trai hay gái.

* **Hồ Xuân Hương bị ô nhiễm do tảo độc**. Các nghiên cứu sinh của ĐH Đà Lạt đã tiến hành lấy mẫu phân tích nhiều

mẫu tảo xuất hiện ở hồ Xuân Hương và khẳng định đây không phải là tảo lam mà là loài tảo độc có tên Microcystis aeruginosa. Loại này có thể gây rối loạn tuần hoàn gan, sốt xuất huyết và tạo các khối u.

* **Trong tháng 7 sẽ xét xử vụ án “ com tù ” ở Bình Thuận**. Năm người tham gia đánh chết ông Nguyễn Văn Hương tại quán “com tù” Thu Thanh sẽ phải ra trước vành móng ngựa tại TAND tỉnh Bình Thuận. Cả 5 cùng bị VKSND tỉnh Bình Thuận truy tố về tội giết người.

* **Công ty dầu khí Zarubezhneft** của Nga vừa quyết định **rút ra khỏi liên doanh khai thác mỏ dầu Đại Hùng** với Petro Vietnam, vì cho rằng lượng dầu khai thác được của mỏ này (200 ngàn tấn trong năm qua) không kinh tế. Zarubezhneft vẫn hợp tác với Petro Vietnam trong liên doanh Vietsopetro để khai thác các mỏ Bạch Hổ và Rồng, cũng ở ngoài khơi Côn Đảo, nhưng đã rút ra khỏi dự án xây nhà máy lọc dầu Dung Quất.

Tội ác và Trừng phạt ? (tiếp theo trang 1)

Hoặc giả, toà đã nghe theo hội đồng xét xử đề nghị “ *căn cứ vào quá trình công tác, thành tích cống hiến* ” của các bị cáo vốn là quan chức để “ *lượng hình* ” ?

Đề nghị này được thẩm phán lập lại với hầu hết các cán bộ liên can, nên có thể coi như lý do chính của những hình phạt nhẹ mà họ được hưởng, so với các tội nhân trong băng đảng của Năm Cam.

Trong một loạt bài viết khi phiên toà khởi sự (cuối tháng 2), mang tựa chung “ **Tội ác và trừng phạt** ”, báo Nhân Dân đặt câu hỏi : “ *Thứ suy nghĩ : Vì sao với đồng lương công chức nhà nước mà Bùi Quốc Huy, Trần Mai Hạnh, Phạm Sĩ Chiến, Nguyễn Thập Nhất, Dương Minh Ngọc, Nguyễn Mạnh Trung... đều có nhà cao cửa rộng, cộng với nhiều tài sản giá trị hàng tỉ đồng ?* ”. Bài báo cũng nêu rõ điều mọi người đều biết qua nhận thức gián tiếp, Trương Văn Cam và đồng bọn có thể hoành hành và tồn tại lâu như vậy “ *là do một số cán bộ thoái hoá, biến chất, bị mua chuộc, trở thành đồng lõa, che chắn, tiếp tay cho chúng* ”. Bài báo, cũng như phân luận tội của hội đồng xét xử trong phiên toà, nêu ra nhiều ví dụ hiển nhiên về những hành vi này, nhưng không một quan chức nào trong số bị ra toà bị truy tố về tội *đồng lõa* với nhóm Năm Cam. Cao nhất là họ bị buộc tội nhận hối lộ và “ *lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ* ”, rồi... được giảm khinh vì quá trình công tác !

Trong hàng mấy chục bài báo viết về vụ án mà người viết bài này đã đọc, hình như không có bài nào nhắc đến việc hồi đầu kháng chiến chống Pháp, chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề nghị kết án tử hình một sĩ quan quân đội vì phạm tội nặng, đi ngược lại đề nghị “ *giảm khinh vì quá trình công tác* ” của nhiều người lãnh đạo khác. Theo chủ tịch HCM, chính vì ông này là cán bộ cao cấp nên phải xử nghiêm để làm gương.

Hai thời điểm, hai cách xử. *Tội ác và trừng phạt* ?

Như người dân trong nam vẫn nói : “ *vậy mà không phải vậy* ” vậy !

H.V.

Việt Nam trong bối cảnh phát triển kinh tế thế giới vài năm trước mắt

Vũ Quang Việt

Chiến tranh Mỹ chiếm đóng Iraq kết thúc nhanh chóng làm các nhà kinh tế thở phào. Giá dầu trở lại mức bình thường, nền kinh tế thế giới đã không phải trải qua cuộc khủng hoảng. Tuy vậy nhìn về tương lai, kinh tế vẫn không mấy sáng sủa. Tháng tư vừa qua, tổ chức OECD của các nước phát triển cao tiên đoán vào năm 2004 kinh tế Mỹ sẽ đạt tốc độ tăng 4 %, kinh tế khu Euro 2,4 % và Nhật là 1,1 %. Cùng thời gian này IMF dè dặt hơn một chút xíu, tiên đoán kinh tế Mỹ tăng 3,9 %, khối Euro 2,3 % và Nhật 1 %. Dự luận chung của các nhà kinh tế ở Mỹ là kinh tế Mỹ sẽ tăng, nhưng thấp hơn, khoảng 3,2 %. Thế nhưng vào cuối tháng 5 này, tình hình kinh tế thế giới tỏ vẻ yếu kém hơn, đặc biệt là ở các nước phát triển. Quý đầu năm 2003, kinh tế Mỹ chậm lại. Âu châu coi như không tăng, thậm chí kinh tế một số nước châu Âu suy thoái. Hoà Lan giảm 1,2 %, Đức giảm 0,9 %, Ý giảm 0,4 %, Đan Mạch giảm 0,1 %, Pháp chỉ tăng 0,3 %.

Khả năng lớn là kinh tế Mỹ tăng 2.5 % năm 2003 và có thể không hơn 3 % năm 2004. Kinh tế Nhật tất nhiên tiếp tục khó khăn, khả năng đạt 1 % là cao. Tình hình như trên cho thấy các nước Đông Nam Á cũng sẽ gặp khó khăn vì phải dựa vào xuất khẩu sang các nước đang phát triển cao. Như bảng sau cho thấy thị trường các nước phát triển là rất lớn. Chỉ riêng thị trường Pháp, tính theo GDP là 4,1 % cũng lớn hơn thị trường Trung Quốc là 3,4 %. Và lại thị trường Pháp là thị trường tiêu thụ hàng nhập, ngược lại Trung Quốc phải dựa vào thị trường nước khác.

Đồng Mỹ kim hiện nay giảm giá so với đồng Euro (hơn 14 % năm qua) và còn có khả năng giảm giá nữa nếu như thiếu hụt cán cân thanh toán của Mỹ tiếp tục cao. Mức thiếu hụt này ở mức báo động kể từ năm 1999. Mức thiếu hụt này lên đến 3,9 % GDP năm 2001, 4,8 % năm 2002 và hiện nay ở mức trên 5 %. Nếu như đồng USD không phải là đồng tiền mọi nước sẵn sàng dùng làm phương tiện để dành thì kinh tế Mỹ đã khủng hoảng trầm trọng. Việc mất giá của đồng USD có hy vọng đưa xuất khẩu của Mỹ tăng hơn và nhập khẩu giảm. Giảm nhập, hoặc mức tăng nhập thấp xuống của Mỹ sẽ làm nền kinh tế các nước châu Âu đang khó khăn sẽ khó khăn hơn. Nhưng việc Mỹ để đồng USD tiếp tục giảm giá nhằm giải quyết kinh tế của mình sẽ gây căng thẳng với các nước phát triển khác vì sẽ gây trì trệ trong phát triển ở các nước này do khả năng xuất khẩu vào Mỹ giảm. Hơn nữa, chiến lược giảm giá đồng USD không phải không có nhược điểm. Nó có khả

năng chuyển chiều đầu tư vào Mỹ mà hiện nay đang cần đến tư bản nước ngoài.

Kinh tế Mỹ, đầu tàu nền kinh tế thế giới, chiếm 31 % GDP thế giới, nói chung vẫn chưa hẳn qua khỏi ảnh hưởng của suy thoái trên thị trường chứng khoán và thị trường công nghệ thông tin, đặc biệt ngành điện thoại. Như đã nói, Mỹ thiếu hụt cán cân thanh toán ở mức báo động trên 5 %, thiếu hụt ngân sách ở mức 4,6 % GDP. Mới đây Bush giảm thuế \$350 tỷ trong vòng 10 năm, đưa khả năng thiếu hụt ngân sách kéo dài trong tương lai dù nền kinh tế có tăng trưởng cao hơn. Việc giảm thuế Liên bang, đưa đến việc giảm khả năng cứu trợ thiếu hụt ngân sách tiểu bang và thành phố. Ngân sách các tiểu bang hiện nay ở mức thiếu hụt từ 10-25 % tổng ngân sách. Chi tiêu ở địa phương đang phải giảm và đóng góp thuế và phí kể cả giáo dục sẽ phải tăng. Nói chung Bush hy vọng cắt giảm thuế cho người giàu sẽ đẩy mạnh đầu tư và phát triển. Kinh tế tăng nhanh đưa đến thuế thu nhiều hơn và đưa đến cân bằng ngân sách. Cùng lý luận này được đem ra áp dụng thời Reagan, đưa đến tăng thiếu hụt thay vì giảm. Kinh tế Mỹ phát triển mạnh

Tỷ trọng GDP trên thế giới và tốc độ tăng trưởng (*)

Kinh tế thế giới	100,0	3,0	
1. Các nước phát triển cao			
Mỹ	31,2	2,4	1,9
Nhật	15,1	0,3	0,0
Tây Âu	26,3	0,9	0,0
Đức	5,9	0,2	-0,9
Anh	4,5	1,6	0,0
Pháp	4,1	1,2	0,3
2. Các nước đang phát triển			
Đông và Nam Á trừ Nhật	9,4		
Trung Quốc	3,4	8,0	7,0
Nam Triều Tiên	1,5	6,1	
Ấn Độ	1,5	4,9	2,6
Asean	1,9	4,2	
Đông Âu	1,2	2,9	
Liên bang Nga	1,2	4,3	
Trung Đông	3,5	4,5	
Nam Mỹ	6,6	-0,1	
Phi châu	1,7	3,4	

Chú thích : (*) Các con số trên cột 1 là tỷ trọng GDP thế giới năm 2000, cột 2 là tốc độ tăng GDP năm 2002, và cột 3 là tốc độ tăng GDP quý I năm 2003

Nguồn : Liên Hợp Quốc, Eustat, UK.

thời 8 năm Clinton là vì ảnh hưởng của các chính sách xóa bỏ độc quyền, kiểm soát giá, tạo cạnh tranh của nhà nước trong hàng loạt các hoạt động như chuyên chở, bưu điện, điện thoại, thông tin, v.v. và đầu tư đổ dồn vào công nghệ thông tin chứ không vì chính sách thuế.

Một lý do mà kinh tế Mỹ không suy thoái trầm trọng trong thời gian qua là sức tiêu thụ của dân chúng vẫn tăng, trong khi đầu tư của các công ty giảm. Mức tiêu thụ tiếp tục tăng, dù ở mức thấp hơn, một phần lớn là do lãi suất rất thấp so với lịch sử lãi suất hàng vài chục năm nay. Lãi suất thấp khuyến khích tiêu thụ vì người Mỹ thường chi tiêu vào các món hàng lâu bền, lớn tiền thông qua tín dụng. Nhưng đây lại là mối lo cho tương lai kinh tế Mỹ: thiếu hụt ngân sách đòi hỏi nhà nước phát hành trái phiếu nên tạo áp lực tăng cầu trên thị trường tín dụng. Hiện nay Ngân hàng Dự trữ Liên bang sẵn sàng mua để kìm lãi suất. Nhưng không thể tiếp tục như thế mãi vì việc bơm tiền ra mãi ở mức cao sẽ gây lạm phát. Đồng thời nó giảm khả năng đáp ứng nhu cầu tín dụng của khu vực tư nhân. Khi lãi suất bị đẩy lên cao hơn, sức mua nhà cửa sẽ bị giảm, khả năng suy thoái về giá trị nhà, nguồn để dành và đầu tư lớn nhất của đại đa số gia đình Mỹ sẽ khó tránh khỏi. Điều này sẽ có ảnh hưởng lớn hơn nhiều đối với sức tiêu thụ của dân chúng so với suy thoái của thị trường chứng khoán. Giá nhà giảm một nửa là hoàn toàn có khả năng vì giá cả của thị trường địa ốc đã lên rất cao trong 5 năm qua, chẳng khác gì giá thị trường chứng khoán, nhưng cho đến giờ vẫn chưa được điều chỉnh. Các nhà kinh tế Mỹ, kể cả Thống đốc Ngân hàng Dự trữ Liên Bang cũng đã cảnh báo về khả năng giảm phát này.

Tuy nhiên cũng có tín hiệu tốt về phát triển. Trở lại nguồn gốc của suy thoái vừa qua, tức là thị trường công nghệ thông tin trong đó có công nghệ điện thoại và máy tính. Sự quá đà trong đánh giá kiểu đàn lũ đã làm thị trường này lên giá vùn vụt. Các nhà quảng cáo tài chính, nhằm quyến rũ đầu tư vào cổ phiếu công nghệ thông tin, đã tiên đoán là doanh thu điện thoại tăng 20 % một năm Thực tế nó tăng trung bình năm 7,2 % trong thời gian 1996-2001, chỉ đạt 1,6 % năm 2001, và không tăng năm 2002, mặc dù là lượng sử dụng internet tăng gấp đôi mỗi năm. Do quá hồ hởi như vậy, các công ty vay mượn nhằm mua lẫn nhau, làm đẩy giá thị trường cũng như gian dối. Kết quả là hàng loạt công ty phá sản trong đó có 15 công ty lớn như Worldcom (tài sản 104 tỷ), Global Crossing (tài sản 31 tỷ), Adelphi (tài sản 22 tỷ). Tổng số trái phiếu (bonds) mất do phá sản là 163 tỷ. Đầu tư vào thị trường thông tin giảm hẳn trên toàn thế giới ; ở các nước phát triển OECD, đầu tư năm 2000 là 230 tỷ thì năm 2002 chỉ có 90 tỷ. Công nghệ máy tính cũng giảm. Á châu đặc biệt là Đài Loan, Mã Lai, Singapore là nguồn cung cấp vi mạch cho Mỹ và các nước khác do đó bị ảnh hưởng trầm trọng. Bỗng chốc không còn thấy báo chí nói về “ nền kinh tế mới ”. Khủng hoảng đưa đến việc sắp xếp lại doanh nghiệp và tạo đà phát triển trong tương lai. Đầu năm 2003, ở Mỹ dấu hiệu tăng đầu tư đã có nhưng vẫn còn yếu. Ngoài ra, do nắm được Iraq, đe dọa về giá dầu lửa cao sẽ không còn trong tương lai. Do đó khả năng đạt tốc độ phát triển ở Mỹ 3 % năm 2004 là cao và nền kinh tế thế giới nói chung dù không lấy gì làm phấn khởi lắm cũng không tệ đi nếu như cuộc giảm phát giá nhà không xảy ra hoặc xảy ra.

Châu Âu sẽ tiếp tục khó khăn hơn Mỹ nhưng sẽ đỡ khó khăn hơn nếu kinh tế Mỹ mạnh lên.

Khu vực các nước Đông Nam Á sẽ tiếp tục gặp khó khăn trong những năm tới. Đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào Á châu đã có tăng vào năm 2002 nhưng vẫn còn thấp so với thời cao điểm 1996-1999. Và đầu tư này chủ yếu tập trung vào Trung Quốc. Việt Nam đạt tỷ lệ tăng trưởng tương đối cao năm 2002 (7 %) là do chính sách tăng cầu nội địa, nhất là đầu tư, sẽ tiếp tục không có hy vọng thu hút nhiều đầu tư nước ngoài như thời trước năm 1997. Tăng cầu tất nhiên cũng có giá của nó; đó là thiếu hụt cán cân thanh toán và ngân sách lên đến mức báo động, do đó không thể kéo dài. Giá dầu có thể giảm xuống khoảng \$20 một thùng, do đó sẽ ảnh hưởng đến thu ngân sách nhà nước, hiện nay đã ở mức cao là 5 %. Khả năng xâm nhập vào thị trường Mỹ nói chung là khó khăn. Khó khăn này không phải do Việt Nam không có hàng xuất khẩu vào Mỹ mà do các nhóm quyền lợi ở Mỹ gây ảnh hưởng chính trị đối với chính phủ Bush nhằm bảo vệ thị trường. Các tiểu bang có nuôi cá trê và tôm sẽ nhằm bảo vệ cá tôm, công đoàn sản xuất hàng may mặc sẽ bảo vệ hàng may mặc. Do các áp lực trên, bộ Thương Mại Mỹ đã quyết định quota hàng may mặc ở mức thấp là 1,65 tỷ năm 2003 và chỉ tăng 7 % một năm. Họ cũng ra quyết định hành chính cho là nền kinh tế Việt Nam là một nền kinh tế “ phi thị trường ”. Một quyết định hành chính nhằm lấy phiếu trong cuộc bầu cử tới. Ta cần biết là, đã bị coi là phi thị trường thì hệ quả đương nhiên về nguyên tắc là giá cả ở Việt Nam không tự do, ngầm hiểu là do nhà nước áp đặt, do vậy, mọi hàng hóa đều có thể bị Mỹ coi là “ phá giá ” dù không ai ở Việt Nam định ra giá này cả. Nói tóm lại, Việt Nam sẽ tiếp tục gặp khó khăn với các áp lực bảo vệ thị trường này. Lực lượng chính trị chống Việt Nam về tôn giáo và nhân quyền sẽ kết hợp với lực lượng bảo vệ thị trường có khả năng làm khó khăn hơn quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Mỹ, nhất là trong hai năm tới, trước cuộc bầu cử Tổng Thống. Những khó khăn chỉ có thể giảm bớt nếu như quan hệ thương mại Việt Mỹ được giải quyết theo luật, tức là trên cơ sở Hiệp định Việt Mỹ đã ký thay vì trên cơ sở quyết định hành chính tùy tiện của bộ Thương Mại Mỹ hoặc là Việt Nam trở thành thành viên của Tổ chức Thương Mại Quốc tế (WTO).

Nói chung kinh tế Việt Nam chưa có gì khởi sắc để làm các nhà đầu tư nước ngoài chú ý. Việt Nam cần làm gì?

Thứ nhất là nên học bài học xử lý bệnh SARS trong hoạt động kinh tế. Hợp tác quốc tế, đồng thời minh bạch thông tin vừa qua đã giúp gây uy tín rất lớn cho Việt Nam một cách “ bất ngờ ” vì từ trước đến nay người ta luôn luôn hoài nghi về thông tin của nhà nước Việt Nam đưa ra. Nên theo hướng đó để công bố minh bạch các thông tin kinh tế, trong đó có thông tin về ngân hàng và thanh toán quốc tế. Thật ngạc nhiên là trong kỳ họp quốc hội vừa qua, hình như không có đại biểu nào đặt câu hỏi về tỷ lệ về nợ xấu mà Thống đốc Ngân hàng NN báo cáo đã giảm từ 14 % xuống 7 %. Bản báo cáo của Ngân hàng Thế giới (Vietnam Banking Review, tháng 6, 2002, www.worldbank.org.vn, mục 73 và 119) tỏ ra bi quan hơn nhiều về hoạt động ngân hàng. Họ cho rằng NHNN vẫn không theo chuẩn hạch toán quốc tế IAS, không kiểm toán mọi ngân hàng, chỉ xếp một phần không trả được vào nợ xấu, và thiếu

các chuẩn mực khác đến mức nhóm kiểm toán quốc tế được thuê kiểm toán không thể thực hiện được nhiệm vụ. Cũng mới đây các cán bộ Việt Nam ở nước ngoài được lệnh kêu gọi người nước ngoài đầu tư vào thị trường chứng khoán ở trong nước. Chương trình này sẽ không thể khởi động được chừng nào thông tin về hoạt động tài chính của các công ty đã có sẵn trên thị trường không được công bố hàng quý và hàng năm. Cho đến nay chưa thấy các thông tin này được in thường xuyên trên Thời báo Kinh tế Sài Gòn : một điều bình thường ở các nước khác. Cái thấy được là thông tin về công ty Bibica khai lỗ thành lời.

Thứ hai là cần nhìn lại chính sách về tỷ giá hối đoái, đồng VN cao giá so với đồng Mỹ, do đó có tính khuyến khích nhập khẩu hơn xuất khẩu. Chính vì thế mỗi khi kinh tế chuyển phát triển ở mức cao hơn là thiếu hụt cán cân thanh toán trở nên trầm trọng. Năm 2002, mức thiếu hụt cán cân thương mại đã trở lại thời trước 1996, lên tới \$US 2 tỷ, trên 16 % xuất. Riêng năm tháng đầu năm 2003, thiếu hụt trong cán cân thương mại đã lên trên 2 tỷ. Đây là một tỷ lệ không thể kéo dài nếu như Việt Nam không muốn rơi vào hố nợ nước ngoài và mất khả năng chi trả.

Thứ ba là nên xét lại và theo dõi chặt chẽ chính sách bơm tiền (cho quốc doanh là 50 % và không biết là bao nhiêu cho các doanh nghiệp có phần hùn lớn của quốc doanh) nhằm chạy theo tốc độ tăng GDP cao. Tình trạng không minh bạch về thông tin sẽ làm cho việc theo dõi chính sách tiền tệ và tài chính khó khăn, đặc biệt liên hệ tới việc phân tích hiệu quả tiền vay cho nơi được vay, mục đích cho vay. Theo Thông tấn xã Việt Nam (9/6/2003), tốc độ tăng tín dụng năm 2002 là 31 %, và có khả năng vượt 34 % năm 2003 trong khi nền kinh tế chỉ tăng 7 %. Vấn đề đáng ngại không phải là việc tăng tín dụng khi nền kinh tế có khả năng phát triển mạnh do thị trường Mỹ mở rộng cho hàng Việt Nam, nhưng là đáng ngại khi ngân hàng quốc doanh đã than phiền là họ bị ép buộc thực hiện các chính sách kinh tế xã hội của nhà nước. Chương trình giải quyết nợ của IMF và World Bank đối với Việt Nam đã giải quyết 11 ngàn tỷ trong số 23 ngàn tỷ nợ xấu. Tình hình cho vay như hiện nay có khả năng đẩy mạnh số nợ xấu trong tương lai và tạo ra những công trình xây dựng không đạt tiêu chuẩn. Chỉ riêng chương trình xây nhà máy đường, với giá thành sản phẩm gấp đôi giá đường thế giới đã là nguồn gốc gây ra 3,8 ngàn tỷ nợ xấu. Đẩy mạnh tín dụng kích cầu cũng đồng thời tạo ra thiếu hụt cán cân thương mại với nước ngoài khi đồng Việt Nam được giữ giá cao như đã nói ở trên và khi nhập khẩu tạo cơ hội dễ nhất cho quan chức kiếm ăn.

Thứ tư là nên phát huy hơn nữa vai trò của kinh tế tư nhân. Cải cách doanh nghiệp quốc doanh là vấn đề không thể thành công dù trước mắt hay lâu dài. Quốc doanh sẽ còn là nguồn gốc làm băng hoại chất lượng và niềm tin vào chính quyền. Việt Nam trong vài năm nay được đánh giá là tham nhũng nhất thế giới, chỉ đứng trên hạng Indonesia. Thông tin hàng ngày cho thấy rất nhiều các công trình nhà nước, kể cả công trình trọng điểm, vừa bị ăn cắp, vừa thiếu chất lượng và ngày càng ở mức cao hơn. Công trình trọng điểm xây dựng Nhà Máy Lọc Dầu Dung Quất được dư luận thế giới nhòm ngó vì được quyết định bởi các lý do ngoài kinh tế, thế nhưng vẫn

không tránh khỏi tham nhũng mới đây. Do đó kinh tế Việt Nam chỉ có hy vọng phát triển vững mạnh nếu như kinh tế tư nhân phát triển vững mạnh, được bảo đảm cạnh tranh với các doanh nghiệp quốc doanh.

Và cuối cùng thứ năm là cần phát huy hoạt động kinh tế phục vụ nhu cầu nội địa của kinh tế trong nước. Điều này không có nghĩa là bảo vệ thị trường nhưng là không chỉ nhằm vào phục vụ hàng xuất khẩu. Kinh tế Việt Nam trong thời khủng hoảng tài chính Á châu năm 1997, đứng vững cũng vì sức tiêu và đầu tư ở trong nước. Việt Nam là một thị trường lớn đa dạng, chỗ khởi điểm thử thách. Nếu như hàng hóa cho nhu cầu trong nước không rẻ và không có chất lượng cao thì Việt Nam khó lòng thâm nhập vào thị trường nước ngoài, ngoại trừ làm gia công hàng cho nước ngoài như hiện nay. Công nghệ thông tin không chỉ nhằm gia công cho nước ngoài (dù có muốn chắc cũng không thể tìm ra thị trường) mà phải đặt trọng tâm phục vụ nhu cầu trong nước và tăng năng suất. Kinh nghiệm nước Úc cho thấy, họ không làm ra sản phẩm phần mềm nào đáng kể, cũng không sản xuất phần cứng, nhưng công nghệ thông tin đã giúp họ tạo sức cạnh tranh và tăng năng suất đáng kể. Úc là nước có có hiện tượng tăng năng suất lao động đáng kể từ công nghệ thông tin.

Vũ Quang Việt 6/1/2003

Tài liệu tham khảo:

1. IMF, World Economic Outlook, April 2003, www.imf.org
2. OECD, OECD Economic Outlook, No. 73, www.oecd.org
3. World Bank, Vietnam Banking Review, www.worldbank.org.vn
4. United Nations, National Accounts Statistics: Analysis of Main Aggregates, 2003.

Cần một cơ chế giải ngân ODA nhanh gọn hơn

Theo ông Klaus Rohland, giám đốc Ngân hàng Thế giới (WB) tại VN, tại Hội nghị nhóm tư vấn các nhà tài trợ diễn ra tháng 12/2002, thế giới cam kết dành 2,5 tỷ USD vốn ODA cho VN trong năm nay, tuy nhiên, trong 4 tháng đầu năm, số giải ngân thực tế mới chỉ đạt khoảng 20%. Ông cho biết, 5 nhà tài trợ WB, ADB, Cơ quan hợp tác phát triển quốc tế Nhật Bản (JBIC), Cơ quan phát triển Pháp (AFD) và quỹ KFW, đều đánh giá nguyên nhân chính của tình hình đó là do sự phức tạp về thủ tục nhận viện trợ tại VN.

Hiện nay, toàn bộ lượng vốn ODA được chính phủ VN quản lý và phê duyệt. Bộ Kế hoạch và đầu tư chia các dự án có vốn ODA thành 15 loại và sử dụng 15 mẫu hồ sơ khác nhau cho các nhà tài trợ. Hoàn tất các thủ tục này sẽ chiếm một lượng thời gian khá lớn.

WB đang phối hợp với văn phòng Chính phủ và cơ quan chuyên môn của một số bộ bàn thảo một cơ chế mới, trong đó chính phủ phân cấp cho các bộ, ngành và địa phương chủ động quyết định giải ngân, ít ra là đối với các dự án nhỏ. (theo VnExpress 17.6.2003)

40 năm sau, nhìn lại (2)

1963 : tìm hiểu cuộc “ đi đêm ” giữa Sài Gòn và Hà Nội

NGUYỄN NGỌC GIAO

40 năm qua, những cuốn sách và những bài báo đề cập đến các sự kiện năm 1963 thường rải rác nói tới những cuộc tiếp xúc bí mật giữa hai chính quyền Sài Gòn và Hà Nội. Thực hư ra sao, tiếp xúc tới mức nào, ý đồ của các bên hữu quan là gì, và các cuộc tiếp xúc có tác động tới diễn biến tình hình hay không, đó là những câu hỏi mà bài này tìm cách trả lời bằng cách đối sánh các chứng từ với nhau, và đối sánh chúng với những hồ sơ lưu trữ một phần đã được giải mật trong những năm qua.

Những huyền thoại

Để phân biệt thực hư, trước hết hãy thanh lí một số huyền thoại có tính chất hư cấu.

Trước hết là một cuộc gặp giữa ông Ngô Đình Nhu và ông Phạm Hùng (ủy viên Bộ chính trị Đảng Lao động Việt Nam, phó thủ tướng chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà) năm 1963. Một nhà sử học (1) đã khẳng định có cuộc gặp này và viện dẫn hồi kí của William Colby. Ông trùm CIA viết gì trong hồi kí ? “ *Mấy năm về sau, tôi nghe kể từ một tướng lĩnh cao cấp Nam Việt Nam, một người lãnh đạo cuộc đảo chính chống Diệm và Nhu (...). Viên tướng này khoe đã nghe nói rằng, tuy ông ta không chứng kiến trực tiếp, đúng là năm 1963 Nhu đã gặp Phạm Hùng, người lãnh đạo nỗ lực Cộng sản ở miền Nam* ” (2). W. Colby là giám đốc Cục tình báo CIA từ 1973 tới 1976. Ở thời điểm 1963, ông ta làm vụ trưởng Vụ Viễn Đông của CIA sau 3 năm liền làm thủ trưởng chi nhánh CIA ở Việt Nam (1959-62). Năm 1968, Colby trở lại Việt Nam với hàm đại sứ, cố vấn bên cạnh tướng Westmoreland, cho tới năm 1971. Tóm lại, Colby là một tay trùm tình báo lão luyện, có hơn 10 năm kinh nghiệm về Việt Nam, có khả năng và quyền tham khảo các hồ sơ lưu trữ của CIA. Vậy mà, một cuộc gặp giữa hai nhân vật hàng đầu của chế độ Việt Nam cộng hoà và chế độ Việt Nam dân chủ cộng hoà, ông ta chỉ “ nghe ” một người “ nói ” là “ đã nghe nói ”. Cũng phải nói thêm, Colby kể lại cuộc gặp này với mục đích nhét vào miệng ông Phạm Hùng một câu khâm phục áp chiến lược để kết thúc chương sách nói về kế hoạch này (kế hoạch mà Ngô Đình Nhu coi là “ quốc sách ”, và Colby khiếm tốn khoe chính ông ta mới là cha đẻ của nó). Ông trùm tình báo cũng đủ tinh khôn để viết thêm một câu thận trọng : “ *Giai thoại này có thể là chuyện bịa* ”. Không biết Colby muốn nói ông tướng “ bịa ” ra cuộc gặp, hay chính ông đã “ bịa ” ra ông tướng. Nhưng bịa là cái chắc. Bịa tới nữa kia : năm 1963, người lãnh đạo Trung ương cục miền Nam là ông Nguyễn Văn Linh, tiếp theo (từ 1964 đến 1967) là ông Nguyễn Chí Thanh, sau khi tướng Thanh từ

trần, ông Phạm Hùng mới vào Nam đảm nhiệm chức vụ này.

Một huyền thoại nữa là : cuộc đảo chính ngày 1.11.1963 nhằm ngăn chặn một sự thoả hiệp giữa chính quyền Diệm-Nhu và đối phương. Một trong những người khẳng định dứt khoát điều này là tướng Đỗ Mậu (trước đảo chính là đại tá, phụ trách an ninh quân đội) :

“ *Ấm mưu thoả hiệp với chính quyền CS Hà Nội của chế độ Diệm là một trong những động cơ quan trọng, nếu không nói là động cơ quan trọng nhất, thúc đẩy quân đội cùng với toàn dân đứng lên làm cuộc cách mạng 1-11-63 để ngăn chặn và trừng phạt dòng họ Ngô Đình dâng miền Nam cho Cộng Sản* ” (3).

Đây là một câu văn đậm đà tính chất tuyên ngôn (*cách mạng, quân đội cùng với toàn dân...*) không mấy quan tâm tới sự thật lịch sử. Nó cũng tương tự như tuyên bố của tướng Tôn Thất Đính, bộ trưởng nội vụ, mấy ngày sau cuộc đảo chính. Chỉ cần đưa ra vài nhận xét :

* Tác giả không nằm trong hạt nhân đầu tiên của cuộc đảo chính (gồm các tướng Dương Văn Minh, Trần Văn Đôn, Lê Văn Kim). Còn Tôn Thất Đính, người được Diệm cử làm tổng trấn Sài Gòn, mãi tới những ngày chót mới tham gia đảo chính sau khi bị “ *khích tướng* ” (không được tổng thống cử làm bộ trưởng nội vụ và được nhóm đảo chính hứa hẹn).

* Trong các cuộc tiếp xúc của ba tướng này với người của CIA (Lucien Conein, Rufus Phillips...) được đại sứ Cabot Lodge uỷ nhiệm để xúc tiến đảo chính (từ tháng 7 đến ngày 1.11.1963), mục tiêu ngăn chặn chính quyền Diệm-Nhu “ *thoả hiệp với Cộng sản* ” không hề được bên nào nêu ra (4).

* người duy nhất nêu vấn đề này lên là tướng Nguyễn Khánh (tư lệnh Quân khu II) trong cuộc gặp nhân viên CIA ở Pleiku ngày 26.8.1963 để thoải thác hành động, “ *còn chờ động thái của Nhu đối với Hà Nội* ” (5). Hai tháng sau, Nguyễn Khánh tham gia cuộc đảo chính mà không đả động gì tới “ *động thái của Nhu* ” nữa. Phải đợi đến cuối tháng giêng năm 1964, nghĩa là 3 tháng sau cuộc đảo chính thành công, Nguyễn Khánh mới đưa tin Mai Hữu Xuân và nhóm “ *trung lập thân Pháp* ” chuẩn bị đảo chính để xin Mĩ bật đèn xanh cho chính ông ta lật nhóm Dương Văn Minh (6). Như vậy, có thể giả định có căn cứ rằng câu chuyện “ *lá bài trung lập* ”, điều đình với “ *cộng sản* ” đối với tướng Khánh chỉ là cách nói để vừa lòng Mĩ.

* quan trọng hơn cả, hồ sơ lưu trữ của Nhà trắng và Bộ ngoại giao Mĩ đều cho thấy : khả năng chính quyền Diệm - Nhu “ *thương lượng bí mật với Hà Nội* ” tuy một hai lần được nêu lên trong các dự thảo kế hoạch phòng hờ, nhưng không bao giờ được coi là hiện thực và không hề là nhân tố (dù là thứ yếu) được nêu lên trong các cuộc thảo luận quyết định đảo chính kéo dài suốt ba tháng 8-9-10 năm 1963.

Lửa và khói

Như vậy là câu chuyện ông Ngô Đình Nhu tiếp xúc trực tiếp và bí mật với “ *phía bên kia* ” cũng như câu chuyện chính quyền Diệm-Nhu muốn bắt tay với miền Bắc để đòi Mĩ rút đi (hoặc rút bớt) chỉ là những huyền thoại được tạo dựng sau đó nhiều tháng và nhiều năm, với những mục đích khác nhau,



Mieczyslaw Maneli

nhưng cũng để lí giải.

Tuy nhiên, tục ngữ Việt Nam có câu *không có lửa sao có khói*. Thế mà, từ đầu năm 1963, và nhất là trong suốt mấy tháng hè, Sài Gòn và đặc biệt giới ngoại giao ở Sài Gòn xôn xao những lời đồn và những “tin mật” về các cuộc tiếp xúc qua trung gian của đại sứ Pháp Roger Lalouette, khâm mạng Tòa Thánh Vatican Salvatore d’Asta, đại sứ Ấn Độ Ram Godurdhun, chủ tịch Ủy hội quốc tế (cơ quan do Hiệp định Genève 1954 đặt ra) và nhất là Mieczyslaw Maneli, đại sứ trưởng đoàn Ba Lan trong Ủy hội.

Chưa ai khai thác hồ sơ lưu trữ của Bộ ngoại giao Ấn Độ để biết đại sứ Ram Godurdhun cụ thể đã làm gì. Qua các công trình nghiên cứu đã xuất bản cho đến nay, dường như sự đóng góp của ông tóm gọn vào hai việc :

* cùng với đại sứ Pháp Lalouette thúc đẩy ông Ngô Đình Nhu liên lạc với chính quyền miền Bắc, và đề nghị đại sứ Ba Lan (một nước xã hội chủ nghĩa) đóng vai trung gian (dưới đây sẽ nói về vai trò này).

* kể lại rằng trong một cuộc tiếp kiến, chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói với ông ta về ông Ngô Đình Diệm (bằng tiếng Pháp) : “ *Il est, à sa manière, un patriote* ” (Ông ấy yêu nước theo kiểu của ông ta) – (dưới đây, chúng tôi sẽ phân tích thái độ của miền Bắc).

Vai trò của khâm mạng d’Asta dường như cũng không đi xa hơn việc “biên đạo” cho cái bắt tay giữa Ngô Đình Nhu và Maneli trong cuộc chiêu đãi chiều ngày 25.8.1963 của quyền ngoại trưởng Trương Công Cừu (thay thế Vũ Văn Mẫu từ chức sau cuộc tấn công chùa chiền của các Lực lượng đặc biệt đêm 20.8). Đại sứ của Vatican còn phải tập trung vào việc điều tổng giám mục Ngô Đình Thục về Roma và làm những động tác cần thiết để dư luận không (hay bớt) đồng hoá Giáo hội Roma với “chế độ Công giáo gia đình trị đàn áp Phật giáo”.

Ồn ào và kì lạ hơn cả là Roger Lalouette, đại sứ Pháp ở Sài Gòn. Như đã nói ở trên, Lalouette đã thúc đẩy đồng sự Ba Lan đặt vấn đề với Hà Nội và khuyến khích Ngô Đình tiếp Maneli. Việc này đòi hỏi sự kín đáo tối thiểu, nhất là ở thời điểm mà dư luận rất chú ý tới tuyên bố của tướng De Gaulle. Tổng thống Pháp long trọng yêu cầu “nước ngoài” chấm dứt can thiệp quân sự ở Việt Nam, mọi giải pháp phải dựa trên các nguyên tắc độc lập, thống nhất và “trung lập”. Nói De Gaulle là nói “ma lực của ngôn từ”. Và khi lời nói không có lá bài tương xứng thì “ma lực” chỉ có thể xuất hiện khi ở trên chiếu bạc, các tay chơi đã cạn túi hoặc muốn đổi luật chơi. Ở Việt Nam năm 1963, tình huống đó chưa xảy ra. Nên tuyến bố ngày 29.8 của lão tướng chỉ nhằm “prendre date” (đánh dấu thời điểm). Ngày hôm sau, Alphand, đại sứ Pháp ở Washington, thừa nhận Pháp trước mắt “không có giải pháp nào” để đề nghị cả (7).

Hồ sơ lưu trữ của Bộ ngoại giao Pháp cho thấy các “hoạt động môi giới” của đại sứ Pháp dường như đều là những “sáng kiến cá nhân” không xin phép, thậm chí không báo cáo (thí dụ như việc ông đã tự tiện đưa đồng liêu của mình là Tổng đại diện Pháp ở Hà Nội (ghé Sài Gòn nghỉ hè) tới gặp ngoại trưởng Trương Công Cừu). Lại ồn ào nữa (một loạt bài báo Mĩ nói tới vai trò “môi giới trung lập hoá” của ông xuất hiện đầu tháng 9.63), nên ngày 10.9, Lalouette bị ngoại trưởng Couve de Murville triệu về Pháp (8).

Vai trò trung gian giữa chính quyền hai miền rốt cuộc chỉ còn một mối : đại sứ Ba Lan Maneli. May thay cho các nhà sử học, Maneli là một nhà luật học, được chính quyền Ba Lan cử vào Ủy hội quốc tế với tư cách một luật gia chứ không phải là với tư cách cán bộ chính trị hay ngoại giao. Sau hai nhiệm kỳ ở Việt Nam, ông trở lại giảng dạy ở Trường đại học Warsaw. Vì những bài giảng và bài viết không “đúng lập trường xã hội chủ nghĩa” ông bị cách chức rồi di cư sang Mĩ dạy học ở Queens College (New York). Cho nên, Maneli không phải là một người “vượt màn sắt chọn tự do”, viết sách vì “cảm thù cộng sản từ trong máu” hay/và làm vừa lòng Mĩ. Chứng từ của ông (9) do đó là một tài liệu đáng tin cậy, ít nhất là đáng tin cậy như một chứng từ trung thực (và cũng như mọi chứng từ trung thực, nó cần được kiểm chứng).

Maneli cho biết trong một cuộc gặp thủ tướng Phạm Văn Đồng và bộ trưởng ngoại giao Xuân Thuỷ (đầu tháng 7.63) : “ *Tôi hỏi nên làm gì nếu Ngô Đình Nhu mời tôi nói chuyện. Họ trả lời ngay lập tức : nhận gặp và lắng nghe. Tôi lại hỏi họ có muốn tôi nói gì (với Nhu). Họ trả lời : ‘Tất cả những gì đồng chí biết về lập trường của chúng tôi trong sự trao đổi và hợp tác kinh tế và văn hoá (giữa hai miền). Một điều chắc chắn là : Mĩ phải rút đi. Trên cơ sở chính trị ấy, chúng tôi có thể thương lượng bất cứ điều gì’*”. Maneli hỏi thêm về khả năng một chính phủ liên hiệp ở miền Nam hay một hình thức liên bang Bắc Nam, ông Đồng trả lời (có mặt chủ tịch Hồ Chí Minh) : “ *Trên cơ sở độc lập và chủ quyền của Việt Nam, mọi điều đều có thể thương lượng. Hiệp định Genève đã đặt ra nền tảng pháp lí và chính trị : không có căn cứ hay quân đội nước ngoài trên lãnh thổ đất nước chúng tôi. Như thế, chúng tôi có thể đi tới thoả thuận với bất luận người Việt Nam nào* ” (10).

Trở vào Sài Gòn, Maneli đợi Lalouette và d’Asta sắp xếp cuộc gặp Ngô Đình Nhu. Như đã nói trên, họ bắt tay nhau lần đầu trong cuộc chiêu đãi ngày 25.8 (ngày hôm đó, sinh viên Sài Gòn xuống đường phản đối cuộc tấn công chùa chiền 20.8, Cabot Lodge xuất hiện tại cuộc chiêu đãi nhưng chưa chính thức là đại sứ vì chưa trình quốc thư ; tin đồn sẽ có đảo chính ngày 1 hay 2.9).

Ngày 2.9 (Quốc khánh Việt Nam dân chủ cộng hoà !), Ngô Đình Nhu tiếp riêng Maneli tại văn phòng ở đình Gia Long. Như các cuộc hội kiến khác của anh em Diệm-Nhu với bất luận người nước nào, phần lớn thời giờ dành cho lời độc thoại tràng giang đại hải. Ông Nhu nói những gì, phần dưới sẽ nói tới, nhưng riêng về vấn đề hiệp thương, thì theo chứng từ của đại sứ Ba Lan, ông ta chỉ vồn vện hai ý : 1. “ *Tôi không phản đối đàm phán và hợp tác với miền Bắc, và như ông biết, nhiều nhà ngoại giao phương Tây đã đề nghị với tôi. Ngay trong*

những trận giao tranh tàn ác nhất, người Việt Nam cũng không quên ai là người Việt, ai là ngoại quốc. Nếu có bắt đầu đối thoại trực tiếp, thì có thể tiến tới xích lại gần. Và Ủy hội quốc tế - cũng như bản thân ông - sẽ có thể đóng vai trò tích cực ở đây”, 2. “ Trong tương lai gần, tôi không dự liệu điều gì có thể dẫn tới nói chuyện trực tiếp, nhưng sớm muộn có thể sẽ hé ra khả năng ” (11).

Vòn vẹn có thể thôi, và đó là lần cuối cùng đại sứ Ba Lan gặp Ngô Đình Nhu. Xin nhắc lại, đó là ngày 2.9.1963. Nghĩa là N-60 : đúng 2 tháng sau, anh em ông Diệm và ông Nhu bị bắn và đâm chết trong chiếc xe thiết giáp M.113. Sự thật, số phận của họ đã được định đoạt gần mười ngày trước đó, trong bức điện mang số 243 (ngày 24.8.63) của Bộ ngoại giao Mỹ gửi Sứ quán ở Sài Gòn (xem một bài sau).

Nhìn từ Hà Nội

Tiếc rằng hồ sơ lưu trữ về năm 1963 ở Hà Nội vẫn chưa được mở ra cho các nhà nghiên cứu (một thủ đô đồng bệnh bí mật nữa là Vatican). Tập *Thư vào Nam* của ông Lê Duẩn tập hợp những lá thư của bí thư thứ nhất Đảng cộng sản VN gửi Trung ương cục Miền Nam trong thời gian 1961-1975, là một cứ liệu quý báu, nhưng có một lỗ hổng lớn : 1963-1964. Các tài liệu mật của Trung ương cục mà Mỹ bắt được và bắt đầu công bố chủ yếu cũng chỉ đề cập tới đấu tranh vũ trang và chính trị, nhưng không nói gì tới các cuộc tiếp xúc (gián tiếp hay trực tiếp). Báo cáo của CIA cho biết nhiều lần Ngô Đình Nhu khoe có liên lạc với tướng này tướng nọ của Quân giải phóng, nhưng rõ ràng là bịa đặt để “ trộ ” CIA (và trộ không thành).

Tuy nhiên, lá thư của ông Lê Duẩn gửi ông Nguyễn Văn Linh tháng 7.1962 (ngay sau Hiệp định về chính phủ liên hiệp ở Lào), đối chiếu với những tuyên bố chính thức, cho phép ta hình dung ra những nét lớn trong nhận định và chủ trương của lãnh đạo ĐCS :

“ Trong quá trình phát triển của chiến tranh, nếu đánh lâu dài mà không thể thắng được ta, thì đến một lúc nào đó, có khả năng Mỹ phải thay Diệm hoặc buộc phải thương lượng với ta và chấp nhận chính phủ liên hiệp. Nhằm chủ động đón khả năng đó, ta nên liên hệ với những nhân sĩ tiến bộ có uy tín, có cảm tình với cách mạng, nhưng chưa bị lộ với địch, để sử dụng vào việc đấu tranh lập chính phủ nhiều thành phần sau này (Phải thuyết phục họ tìm cách bên ngoài có quan hệ với Mỹ, nhưng phải hết sức giữ bí mật cho họ vì có thể họ sợ quan hệ với Mỹ sẽ mất uy tín, và bị ta hiểu lầm) ” (12).

Rõ ràng là sau hội nghị Genève về Lào (1962), ĐCS coi chính phủ liên hiệp là khả năng tối ưu cho một giải pháp ở miền Nam, mặc dầu không thể coi giải pháp Lào là một “ mô hình ” :

“ Tình hình miền Nam nước ta có khác với Lào. Vấn đề đặt ra ở đây là phải hạn chế sự can thiệp ngày càng tăng của đế quốc Mỹ, là không cho địch biến ‘ chiến tranh đặc biệt ’ thành ‘ chiến tranh cục bộ ’, mở rộng chiến tranh ra cả nước, và ta phải biết thắng địch trong ‘ chiến tranh đặc biệt ’, trong phạm vi miền Nam ” (sdd, tr 62).

Hồ sơ lưu trữ của Bộ chính trị ĐCSVN chắc sẽ mang lại

những tình tiết thú vị, bất ngờ. Nhưng về cơ bản, ngay từ bây giờ, có thể nhận định không mấy sai lầm là, năm 1963 :

* lãnh đạo ĐCSVN muốn hạn chế mức tham chiến của Mỹ và mong muốn đi tới giải pháp chính phủ liên hiệp

* nắm mọi vận hội đàm phán với chính quyền Ngô Đình Diệm trong chiều hướng ấy, hay ít nhất, làm tất cả để khoét sâu những mâu thuẫn giữa chính quyền này (hay chính quyền nào thay thế nó) và chính quyền Mỹ.



Ngô Đình Nhu

Nhìn từ Washington

Lúc đó, và bây giờ càng thấy rõ hơn : chính quyền Kennedy (mặc dầu đã có những đề nghị của thượng nghị sĩ Mike Mansfield, đại sứ Mỹ ở New Delhi Charles Bohlen...) và sau ngày 1.11.63, chính quyền Johnson, tuy không thống nhất về mức độ tham chiến, hoàn toàn nhất trí trong quyết tâm “ chiến thắng ” (Win the War). Đối với họ, một giải pháp “ chính phủ liên hiệp ” (mặc dầu Kennedy đã phải chấp nhận ở Lào) chỉ là “ đầu hàng cộng sản ” một cách trá hình. Cái ý chí ấy, phải tới năm 1968 mới bị bẻ gãy.

Năm 1963, ý chí “ Counter Insurgency ” (đập tan chiến tranh giải phóng) còn nguyên vẹn. Và nguyên vẹn là niềm tin vào những báo cáo thắng lợi quân sự, kế hoạch áp chiến lược thành công của tướng Harkins và Bộ chỉ huy Mỹ gửi về Washington (phải đến tháng 12.1963, Nhà Trắng mới bắt đầu hiểu ra rằng áp chiến lược đã sụp từng mảng lớn, rằng tình hình quân sự đã “ xấu đi nghiêm trọng ” không phải từ cuộc đảo chính 1.11, hay từ mùa hè, mà từ đầu năm 1963, cụ thể là từ trận Ấp Bắc (2.1.1963) (13).

Nhìn từ Dinh Gia Long

Cái nhìn về tình hình, Nhà Trắng hoang tưởng một, thì dinh Gia Long hoang tưởng mười. Nhà báo chủ chiến tới cùng, người ủng hộ chính quyền Ngô Đình Diệm tới giờ chót, là Jo Alsop, tới Sài Gòn đầu tháng 9.63 với mục đích “ giải độc dư luận Mỹ về vụ Phật giáo và những thông tin bí quan về quân sự ” đã không tin nổi tai mình khi nghe ông Nhu “ nói toạc rằng mình mới là ông chủ thực sự của chính phủ Việt Nam trong khi ông ta không còn nhận thức gì được nữa về cái thế giới ở bên ngoài Dinh Gia Long ”, và càng tá hỏa hơn khi ngồi nghe ông Diệm đọc thoạ (14).

Ta hãy nghe ông Ngô Đình Nhu đọc thoạ trước mặt đại sứ Ba Lan Maneli trong cuộc gặp ngày 2.9.1963 :

“ Tôi tiến hành một cuộc chiến tranh mà mục đích là chấm dứt chiến tranh một cách vĩnh hằng ; tôi chiến đấu chống Cộng sản thực sự là để kết liễu chủ nghĩa tư bản duy vật. Tạm thời tôi buộc phải hạn chế tự do để rồi mang lại tự do dưới dạng thức vô hạn của nó. Tôi cũng cố kị luật cũng là để đi tới mục tiêu bãi bỏ những ràng buộc bên ngoài của nó. Tôi tập trung hoá Nhà nước là để dân chủ hoá và giải tập trung Nhà

nước. Ông thấy đó, tôi là môn sinh của Hegel về biện chứng pháp”.

“ Người Mĩ và Việt cộng tưởng đâu rằng áp chiến lược chỉ đơn thuần là những cơ cấu quân sự, chiến thắng rồi, không cần nữa, sẽ đẹp đi. Cả Mĩ lẫn Việt cộng đều nhầm cả vì họ đi từ những tiền đề duy vật chủ nghĩa. Áp chiến lược là định chế cơ bản của nền dân chủ trực tiếp. Một khi phát triển và đơm hoa kết trái rồi, áp chiến lược sẽ là những hạt nhân thực thụ của tổ chức quốc gia, còn Nhà nước thì, như Marx nói, sẽ tiêu vong ”.

Cố nhiên, cũng như nhà báo Mĩ Alsop, ông đại sứ Ba Lan Maneli “ không tin nổi tai mình ”, sợ mình nghe lầm, hay là ông “ đặc cố ” lỗ miệng dùng ngôn ngữ mác-xít. Thấy người đối diện trở mặt ngạc nhiên, Ngô Đình Nhu phải nhắc lại, nhấn mạnh hơn :

“ Đúng như vậy đó. Tôi đồng ý với kết luận cuối cùng của Marx : Nhà nước phải tiêu vong – đó là điều kiện cho sự toàn thắng tối hậu của dân chủ. Lẽ sống của tôi là làm sao để tôi trở thành không cần thiết nữa ” (15).

Mọi bình luận về lời trường thiên độc thoại trong bầu không khí siêu thực ấy lại càng thừa. Có cần thêm, là một thông tin : ngay chiều hôm đó, Ngô Đình Nhu thông báo cho Mĩ về cuộc gặp Maneli. Cũng như ông là người tung ra tin đồn, hôm nay là “ thương lượng bí mật với Bắc Việt ”, mai là “ điều quan trọng là tách Việt cộng khỏi ảnh hưởng Bắc Việt ”. Bộ trưởng Phủ tổng thống Nguyễn Đình Thuần thổ lộ với sứ quán Mĩ là Nhu hút thuốc phiện. Sau này, tướng Trần Văn Đôn phủ nhận. Không biết ai đúng, chỉ biết chắc là ông Nhu say sưa với những chiến thắng tưởng tượng vừa bày ra những mưu ma chước quỷ để hù dọa ông tướng đang rục rịch đảo chính và làm sãng ta với Mĩ bằng câu chuyện “ đi đêm ” với Hà Nội. Đi đêm thì có ngày gặp ma. Không đi đêm mà mộng du thì có ngày thành ma. Đó là ngày 2.11.1963. Sau đó ít hôm, Cabot Lodge nói với nhà báo David Halberstam : “ Nếu hai anh em nhà ấy còn sống, thì ta sẽ kẹt chứ ? Bất cứ thằng cha căng chú kiết phản động nào trên thế giới cũng sẽ mang ra xài để phá ta ” (16).

NGUYỄN NGỌC GIAO

(1) Vũ Ngự Chiêu, *Tướng Dương Văn Minh và Đệ Nhất Cộng Hoà* http://www.giaodiem.com/doithoaiIII/vnchieu_two.htm

(2) William Colby, *The Lost Victory*, Contemporary Books, Chicago, 1989, tr. 102-103 ; có thể tham khảo bản tiếng Pháp *Vietnam histoire secrète d'une victoire perdue*, Perrin, Paris, 1992, tr 118.

(3) Hoành-Linh Đỗ Mậu, *Việt Nam Máu lửa quê hương tôi*, Tác giả xuất bản, Hoa Kỳ, 1987, trang 665).

(4) Hồ sơ lưu trữ Bộ ngoại giao Mĩ : *Foreign Relations, 1961-1963, Volume III, Vietnam*, January-August 1963 (có thể tham khảo trên mạng ở trang <http://www.state.gov/r/pa/ho/frus/kennedyj/iii/>)

(5) Hồ sơ đã dẫn, tài liệu số 294.

(6) Điện của chi nhánh CIA Sài Gòn gửi CIA trung ương ngày 28.1.64 (xem <http://www.state.gov/r/pa/ho/frus/johnsonlb/i/>)

(7) Bị vong lục về cuộc gặp giữa quyền ngoại trưởng Ball và Alphand, đại sứ Pháp tại Washington, 30.8.1963. Xem tài liệu số 28 trên <http://www.state.gov/r/pa/ho/frus/kennedyj/iv/8202.htm>



Cả ngày chủ nhật 27.10.1963, Ngô Đình Diệm mời đại sứ Henry Cabot Lodge đi kinh lý và chuyện trò. Hôm sau (ảnh trên) họ khánh thành Lò nguyên tử Đà Lạt.

Bốn ngày sau, nổ ra cuộc đảo chính.

Sự thật, số phận của anh em họ Ngô đã được quyết định trong một thị Washington gửi Cabot Lodge từ ngày 24.8 (xem một bài sau).

Của đảng tụi, mùa xuân 1963, chính phủ Pháp cũng đã kín đáo chuẩn bị lá bài Trần Văn Hữu và để tiện bề tranh thủ một số nhân sĩ Việt Nam ở Pháp, đã trục xuất (không công bố) bác sĩ Nguyễn Khắc Viện. Những hồ sơ lưu trữ đã được giải mật của Phủ tổng thống và Bộ ngoại giao cho thấy một vài động tác, nhưng xem ra cũng thuộc loại “ lực bất tòng tâm ”.

(8) Ellen J. Hammer, *A Death in November / America in Vietnam*, 1963, E. P. Dutton, New York, 1987, tr. 232. Không nên dùng bản dịch Việt ngữ xuất bản tại Mĩ, sai và thiếu nhiều.

(9) Mieczyslaw MANELI, *War of the Vanquished*, translated from the Polish by Maria de Görgey, Harper & Row, New York, 1971.

(10) Báo cáo ngày 10.7.63 gửi về Bộ ngoại giao Ba Lan và Sứ quán Liên Xô ở Hà Nội, sdd. tr. 127-128.

(11) sdd, tr. 146.

(12) Lê Duẩn, *Thư vào Nam*, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1985, tr.65.

(13) Xem hồ sơ đã dẫn của Bộ ngoại giao Mĩ, tháng 12.1963.

(14) Joseph Alsop, *In the Gia Long Palace*, báo *New York Herald Tribune*, September 20, 1963 (in lại trong cuốn *Reporting Vietnam, Part One*, The Library of America, 1998, tr. 92).

(15) Maneli, sdd, tr. 145-146.

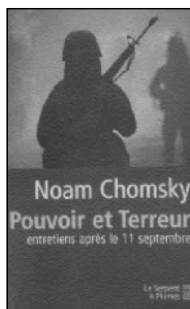
(16) Neil Sheehan, *L'innocence perdue*, Seuil, Paris, 1990, tr. 312 (nguyên tác tiếng Mĩ : *A Bright Shining Lie*, Random House Inc., New York, 1988).



Noam Chomsky *Pouvoir et Terreur*

nxb Le Serpent à Plumes, Paris 2003.

Đây là quyển sách thứ năm của Chomsky sau “ sự kiện 11.9 ” được xuất bản bằng tiếng Pháp, do cùng nhà xuất bản Le Serpent à Plumes. Quyển sách nhỏ này (149 trang, khổ bỏ túi 10x18) bao gồm một cuộc nói chuyện với nhà điện ảnh John Junkerman được dựng trong cuốn phim tài liệu cùng tên mà Junkerman quay về đề tài khủng bố và chính quyền Mỹ dưới mắt Chomsky, kèm theo trích dẫn nhiều bài thuyết trình của Chomsky ở nhiều nơi trên nước Mỹ sau ngày 11.9.2001, và những cuộc đối thoại với người nghe trong các buổi đó.



Noam Chomsky là một nhà ngữ học tài danh hàng đầu trên thế giới, nhưng ông còn được biết đến nhiều hơn với những hoạt động không mệt mỏi chống áp bức, chiến tranh từ mấy chục năm nay. Từ chiến tranh Việt Nam, Cam Bốt, qua các cuộc đàn áp thảm sát ở Đông Timor, sang Nicaragua, Guatemala, Salvador, Nam Phi, rồi Trung Cận Đông... Qua những câu hỏi của Junkerman, người đọc sẽ tìm lại những phân tích sắc sảo của ông về một cơ chế tiềm ẩn của những thời sự đẫm máu ấy : quyền lực độc tôn của những cường quốc. Chomsky không nhân nhượng với bất kỳ một thế lực đàn áp nào, song chủ đề và thời điểm của những bài nói trong cuốn sách dĩ nhiên liên quan nhiều hơn tới cường quốc số một hiện nay : Hoa Kỳ (và Israel). Qua những ví dụ về chính sách của Hoa Kỳ, không ngần ngại hỗ trợ những chính thể độc tài đẫm máu nhất (mà những tội ác khủng khiếp thường chỉ được lướt qua rất nhanh, nếu không là hoàn toàn duyệt bỏ bởi các phương tiện truyền thông), Chomsky đề nghị Hoa Kỳ áp dụng cho chính mình những tiêu chí đạo lý mà nó đòi hỏi ở những nước khác. Theo ông, đó là câu trả lời đơn giản và hữu hiệu nhất để chống “ khủng bố quốc tế ” !

Một đề nghị, một phương châm ứng xử mà nhiều chính quyền khác chắc cũng nên nghĩ tới...

Cuốn sách nhỏ này cho tới nay hoàn toàn bị các phương tiện truyền thông Pháp tẩy chay. Nhưng để biết những lý do sâu xa của “ vấn nạn Chomsky ” đối với trí thức Pháp hiện nay, xin mời bạn tìm đọc bài viết của Jean Bricmont trên tạp chí Le Monde Diplomatique số tháng 4.2001 (<http://www.monde-diplomatique.fr>).

H.V.

lê thị diễm thúy *The Gangster We Are All Looking For*

Alfred Knopf, New York, 2003
176 trang, 18 USD

Như e.e.cummings, lê thị diễm thúy viết tên mình không dùng chữ hoa (chẳng vì lý do nào cả, cô cho biết). Cô sinh ở Phan

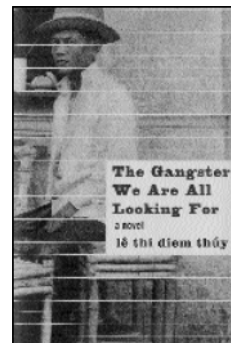
Thiết năm 1972, theo cha đến nam California (Mỹ) lúc sáu tuổi. Trước đây nhiều người biết diễm thúy như một tác giả tự diễn những vở kịch một người. *The Gangster We Are All Looking For* (“ Tên Găngxtơ Mà Mọi Chúng Tôi Đang Tìm Kiếm ”), nguyên tác tiếng Anh, là quyển tiểu thuyết đầu tay của cô.

Khác với Monique Trương (xem Diễn Đàn số 130), không gian câu chuyện của lê thị diễm thúy rất Việt Nam : một gia đình ‘thuyền nhân’ sang Mỹ vào cuối thập niên 70. Người xưng ‘tôi’ trong tiểu thuyết là một bé gái, con của nhân vật ‘gangster’ trong tựa truyện. Tác phẩm bắt đầu khi bé còn dưới mười tuổi, và ngưng vào lúc em trở thành một thiếu nữ đã ‘thoát ly’ gia đình. Thế giới của bé xoay quanh người cha (tự gọi là ‘gangster’ vì cuộc sống ngoài vòng pháp luật của anh ta lúc còn trẻ), và sau đó có mẹ (đến Mỹ sau cô và cha). Cô bé nhìn cha mẹ, nhớ lại người anh (bị chết đuối ở Việt Nam), và quan sát lảng giềng trong những năm lớn lên ở San Diego. Tên gangster giờ đã trở thành một người đàn ông nhụt chí, ít nói, say thường hơn tỉnh, và hầu như luôn luôn giận dữ, chua cay.

Lê thị diễm thúy viết về những kinh nghiệm mà người Việt sang Mỹ sau chiến tranh đều chia sẻ ít nhiều: những cái ‘job’ lao động chân tay, cuộc sống từ chung cư này đến chung cư khác. Văn diễm thúy cần kiệm, giản dị, nhưng súc tích. Cô có con mắt của một họa sĩ. Ấn tượng diễm thúy là thủy triều, là bờ cát, là mặt trời vùng biển của Phan Thiết, của nam Cali. Nó không mượt mà, dài dòng, nhưng gọn, lảng, và sạch như những hòn sỏi. Cô viết như một võ sĩ quyền anh với những cú thọc nhẹ, ngắn, liên tục, rồi đột nhiên làm độc giả chơi với bằng một câu văn lộng lẫy, một nhận xét tinh tế bất ngờ. Tiếc thay những khoảnh khắc đó hơi ít, khá thưa.



Tiểu thuyết nổi bật với hình ảnh của ‘nước’ (diễm thúy dùng tiếng Việt đôi chỗ trong tác phẩm) bằng bạc xuyên suốt : nước bể, nước mưa, nước hồ tắm, và nước Việt Nam. Năm chương của quyển truyện đến với người đọc như những đợt sóng dồn dập liên tiếp : chương đầu nhấp nhô, và càng về sau thì đợt sóng mỗi chương càng dài, càng mạnh, càng cao. Những lúc khác, quyển truyện làm liên tưởng đến một chiếc xuồng tam bản trôi trên nước. Không ai biết nó từ đâu đến, và sẽ đi đâu. Gió không mạnh, sóng chỉ lộ nhỏ, nhưng bầu trời thì mông mênh, và thấp thoáng xa xa là màu đen của đêm.



Tuy là tự truyện của một cô bé gốc Việt, *The Gangster We Are All Looking For* gây nhiều rung cảm không vì tính khác lạ ngoại lai của nó, nhưng bằng cách khơi dậy những tình huống chung của phận người. Đàng khác, kể chuyện qua con mắt của một em bé là một hạn chế thấy rõ ở đây, vì nó không cho phép tác giả viết xa hơn những gì mà một cô bé tuổi ấy có thể cảm nghĩ. Nói cách khác, không thể đi quá sâu vào nội

(xem tiếp trang 19)

NGUYỄN KHẢI

Thượng đế thì cười

Con người suy nghĩ còn Thượng đế thì cười
(ngạn ngữ Do Thái *)

Diễn Đàn trích đăng dưới đây hai chương trong 31 chương hồi kí **Thượng đế thì cười** của Nguyễn Khải. Tác phẩm này đã được đăng liên tiếp trong ba số tạp chí Nhà Văn (tháng 11, 12. 2002 và tháng 1.2003) và hiện được công bố nhiều kì trên mạng talawas (<http://www.talawas.org>).

21

Nhà thơ lớn của dân tộc Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiều cũng là một ông tổ của hần nhưng khác chi. Chi cụ Thiều thuộc ông tổ Sảng quốc công Nguyễn Văn Lễ, là con thứ năm của Hoàng quốc công Nguyễn Công Chuẩn được xếp vào hàng công thần Bình Ngô khai quốc, được ban quốc tính Lê. Còn chi của hần thuộc ông tổ Châu quận công Nguyễn Như Hiếu là con thứ ba của cụ Chuẩn. (...) Cụ Thiều là cháu ngoại của Chúa, được ở trong phủ Chúa từ nhỏ, thuộc dòng dõi cành vàng lá ngọc, có tài cả văn lẫn võ, lại am hiểu cả nhạc và hoạ mà không được Chúa trọng như các cháu bên nội. Ông là người vừa hám công danh lại cũng ham chơi, có máu văn nghệ mà. Nhưng nhà cầm quyền cần người trung thành, tận tụy, sai đâu làm đấy, không cần bằng cấp gì, văn chương gì như đám kiêu binh lấy từ trong Thanh ra cả hạn. Nên Trịnh Sâm xem ông như một vật trang trí trong phủ Chúa, chỉ dùng vào những việc vui, văn thơ, đàn hát và trông nom việc trang trí trong nội phủ. Ông là cháu gọi Trịnh Doanh là cậu, là anh em con cô con cậu với Trịnh Sâm mà không có vai vế gì ở lục phiên cả, lại là người có tài ăn nói, chắc cũng hay ngứa miệng nói năng ngông nghênh gì đó, thiếu gì chuyện để nói ở cái thời Trịnh Sâm, Đặng Thị Huệ và ông em đa dâm, hiếu sát của bà ta. Nên nhà Chúa mất lòng, tỏ ra lạnh nhạt với ông, và không mời ông tham dự những buổi yến tiệc trong cung vua phủ Chúa, về sau cũng không được tự do ra vào nơi cung cấm nữa. Tới năm 1782, sau nhiều năm lận lộn trong bể hoạn ông mới được thăng chức Tổng binh Đồng tri, Đồng tri là cùng xem xét, tức chỉ là ông phó tổng binh thôi, rồi đưa đi dẹp loạn ở miền thượng du thuộc Hưng Hoá, giáp mặt với quân biên viễn nhà Thanh. Cái chức Lưu thủ Hưng Hoá không phải là thăng mà là giáng, là bị biếm, là đi đây, vì đã có câu, quan ngoài nhất phẩm không bằng quan trong nhị tam phẩm. Còn cái tước hầu của ông ngày ấy cũng chẳng phải sang trọng gì. Đến một anh Tàu bốc thuốc cho Trịnh Cán còn được phong hầu nữa là. Nhưng ông đâu có chịu ở liền trên đó mà hay bỏ nhiệm sở về chơi bời ở Tây Hồ sớm tối cùng nhóm bạn rượu, bạn thơ lúc bàn về thời thế, lúc bàn về nhân tình thành nhóm “ tứ linh tứ hữu ” được người kinh kỳ tặng hai câu thơ :

*Quần cư Nam Việt ốc Tây Hồ
Thi tửu ngang tàng hảo trượng phu.*

Đã là hảo trượng phu thì không thể làm hảo gia nhân được.

* theo lời dẫn của Milan Kundera trong *Diễn văn Jerusalem* (Nguyễn Ngọc dịch)

Ân sủng của nhà Chúa với ông chấm dứt từ đây, đã làm nhà thơ thì không thể làm đây tớ, muốn làm đây tớ thì không nên mơ mộng đến văn thơ. Xưa nay người của phú quý không thể là người của đạo lý, vừa muốn làm quan to lại muốn làm cả thi hào, tham thế ! Nên ông mới mượn lời của cung nữ đã từng được vua yêu chúa dấu bỗng chốc bị bỏ quên mà than thở nhớ tiếc cái thời vàng son ấy :

*Ngày sáu khắc tin mong, nhận vắng
Đêm năm canh tiếng lắng, chuông rền
Lạnh lùng thay giấc cô miên
Mùi hương tịch mịch, bóng đèn thâm u !*

Tiếng kêu bi thương của cô cung nữ - Nguyễn Gia Thiều rên rỉ suốt 356 câu thơ, chả có câu nào muốn dứt hẳn cái quá khứ nhớ nhớp của kẻ tới đòi, kẻ giúp vui để trở về với cuộc đời tự do như bản tính của một nhà thơ đòi hỏi. Nên vẫn còn : *Đề chùng nghĩ tiếng tiểu đòi - Nghiêng bình phấn mốc mà đôi má deo*. Trong phá viết ông là người không thích vinh hoa phú quý, tự xưng là Hi Tôn Tử và Như Ý Thiên, lấy thi từ cảm kỳ, nghiên cứu Phật học, Lão học làm vui. Nhưng đọc thơ của ông hần chẳng tin một tí nào về sự đánh giá ấy. Một người đã vào cõi ung dung tự tại, không nhuốm chút bụi trần nào thì làm sao viết nổi những câu thơ da diết những nhớ thương, những luyến tiếc những ngày vui đã qua :

*Đêm hồng thúy thơm tho mùi xạ
Bóng bội hoàn nháp nhá trắng thanh
Mây mưa mấy giọt chung tình
Đình trầm hương khoá một cành mẫu đơn.*

Trong thơ có mùi của quyền quý, có cả mùi của da thịt, một người lòng đã dừng dừng trước mọi cảm dỗ thì cảm thế nào được những tình ấy, dùng thế nào được những chữ ấy. Và cả những câu oán hờn như nghiêng răng mà viết, như đã chất chứa bao nhiêu thống khổ, bao nhiêu căm tức mà viết :

*Gót danh lợi bùn pha sắc xám
Mặt phong trần nắng râm mùi dàu
Nghĩ thân phù thế mà đau
Bọt trong bể khổ, bèu đầu bến mê.*

Tiếng thở dài của cô cung nữ - nhà thơ mới tội nghiệp làm sao, mới tầm thường làm sao !

*Mỗi phú quý như làng xa mã
Bả vinh hoa lừa gã công khanh
Giác Nam kha khéo bất bình
Bùng con mắt dậy thấy mình tay không.*

Đọc thơ của Ôn Như Hầu hần cứ lấy làm lạ tại sao ông có thể nhập vào da thịt, vào tận chỗ sâu thẳm trong tâm hồn cô cung nữ bị đấng quân vương ruồng bỏ tài tình đến vậy, như ông viết về thân phận của chính ông, nói thế cũng chưa đủ, như chính ông đã từng là đàn bà, đã từng là cung nữ. Ngay cả lối cấu trúc câu thơ cũng khác nhiều với *Kiểu*, với *Chinh phụ ngâm* trật tự các từ ngữ cứ xáo trộn cả lên khiến người đọc phải ngạt thở, phải quận gan quận ruột : “ *Mùi tục luy lười tê tàn khổ - Đường thế đồ gót rổ kỳ khu* ” - “ *Cuộc thành bại hầu căn mái tóc - Lốp cùng thông như đức buông gan* ”. Đã từng là đàn bà ư ? Đã từng là cung nữ ư ? Lại có thể thế được sao ? Lại nhĩ ! Khó hiểu nhĩ ! Phải tới năm hần đã ngoài bốn mươi tuổi tình cờ được nghe một chuyện cũng hơi bất ngờ đối với hần, dân

dần hẳn mới vỡ lẽ...

Cách đây đã ba chục năm, một lần về công tác tại tỉnh N. hẳn vừa bước vào văn phòng tỉnh uỷ thì gặp ngay anh M. là thường vụ tỉnh uỷ phụ trách tuyên huấn, anh liền kéo hẳn ra ngoài hành lang, nói nhỏ : “ Này, mình dặn cậu, nếu ông Đ. (bí thư tỉnh uỷ) có hỏi cậu về cái vườn hoa mới làm lại của tỉnh uỷ thì cứ khen là rất đẹp nhá, đừng có sáng kiến này nọ mà khổ bọn văn phòng ”. Thì ra có một ông nhà báo khi được bí thư tỉnh uỷ hỏi đã nói : “ nếu có thêm vài khối đá đặt rải rác chỗ này chỗ kia thì sinh động hơn ”. Thế là ngày hôm sau văn phòng phải lấy một cái xe tải lên tận một huyện giáp núi khuân đá về đặt vào vườn hoa theo lệnh của người lãnh đạo cao nhất tỉnh. Anh M. lại kể có lần Ban thường vụ tỉnh uỷ ra một quyết định, cũng đã bàn bạc với ông già, ông già cũng đã đồng ý rồi, đột nhiên lại bảo nên hoãn, chưa nên làm. Thường vụ hỏi lại nếu không làm thì sẽ trả lời với Ban chấp hành ra sao thì ông nín thinh rồi bỏ hộc vung vàng xách cặp về. Thường vụ liền cử anh M. đến tận nhà bí thư lấy tình chú cháu mà thuyết phục (ông Đ. là bạn tù với ông già của anh M.). Ông bí thư buông màn nằm quay mặt vào tường, M. phải gọi mấy lần ông vẫn không lên tiếng. Ông già lão thành cách mạng về già trở lại tính trẻ, hay hồn hay dỗi như đàn bà. M. phải tụt dếp vén màn, ngồi vào trong giường lay vai bí thư nói như nói với một giá đồng cô : “ Cháu đây mà, chú quay lại nói chuyện với cháu đi nào...” Ông nói gắt : “ Chúng mày đã quyết định thì cứ thế mà làm, hỏi han gì, tao cũng sắp được nghỉ ngơi rồi ”. Đỗ dành cả giờ mà cũng phải biết cách dõ, giọng ông già mới dịu lại nhưng vẫn còn một chút hờn : “ Được rồi, cứ thế mà làm, làm không xong đừng có đem tôi ra làm cái bung xung nhá ! ”.

Thì ra một người được quyền lực nuông chiều quá lâu dễ biến tính thành đàn bà, thành thái hậu để được tận hưởng những cái ve vuốt làm mê muội con người của quyền lực, lúc vui lúc giận, lúc ban ơn, lúc trách phạt theo cái yêu cái ghét tức thời, lúc bảo nên làm, lúc lại bảo không nên làm, chỉ phút trước phút sau ngay những người cộng tác kề cận cũng không thể nhận ra những dấu hiệu khác thường để biết trước. Nguyễn Gia Thiều cũng thế, ông đã được đứng quân vương - quyền lực chọn làm cung nữ, làm ái phi từ thuở mới lọt lòng, thuộc dòng máu tôn quý nhà Chúa, lớn lên là chàng thanh niên văn võ song toàn, bước đường công danh như đã mở sẵn từ mọi hướng, bước đến là tới, với tay là có. Ấy là lúc cô cung nữ - Nguyễn Gia Thiều, người đàn bà trong Nguyễn Gia Thiều được phô bày mọi vẻ yêu kiều trước cái nhìn tán thưởng của nhà Chúa, như ông đã viết : “ *Thôi cười nọ lại nhẵn mày liễu - Ghẹo hoa kia lại dẫu gót sen - Thân này uốn éo vì duyên - Cũng cam một tiếng thuyên quyền với đời...* ” Nhưng đứng quân vương - quyền lực cũng là người hay chóng chán : Chơi hoa cho rửa nhệ tàn lại thôi. Ông ta rất thích thay người, thay là thay, rất tàn nhẫn rất lạnh lùng : “ *Giết nhau chẳng cái lưu cầu - Giết nhau bằng cái u sầu độc chưa* ” - “ *Tiếng thuy điện cười già hoá gắt - Mùi quyền môn thẩm rất nên phai* ”. Đó là cái giá phải trả của những người trót được đứng tối cao quyền lực yêu và để lọt vào mắt xanh.

Đã cảm đến thế, đã oán đến thế, nghĩ rằng người bị đuổi phải tòm lợm cái mùi phú quý cho đến chết, nào ngờ vẫn thèm lắm, vẫn tiếc lắm, đã phấn mốt má deo mà không hết hy

vọng :

*Phòng khi động đến Cửu trùng
Giữ sao cho được má hồng như xưa*

Hai câu thơ kết thúc của khúc ngâm rằng hay thì hay thật là hay... về phương diện văn chương là cái nghề của hẳn, hẳn phải nhận là tuyệt hay vì nó quá thật. Nhưng nhìn lại con người thì hẳn hơi xấu hổ vì hai câu thơ ấy như được buột viết ra trong lúc thẳng thốt, không kịp che giấu những cái tâm thường, yếu đuối của một kiếp người. Bao nhiêu lời dạy hàm súc của các triết nhân, bao nhiêu chiêm nghiệm đau đớn của một đời người vẫn không ngăn được sức sống mãnh liệt của thói quen : lắng nghe tiếng lăn bánh của cỗ xe phú quý, tiếng gọi của đấng quân vương - quyền lực đêm đêm mỗi lần chột tỉnh giấc...

22

Cuối cùng thì hẳn cũng nhận ra hẳn là ai rồi. Hẳn đã trở thành đàn bà, thành thái hậu từ lâu rồi, tuy hẳn chỉ có một tí quyền hành nào ngoài xã hội nhưng vẫn là một quyền uy tối thượng trong gia đình. Hẳn đã trở thành cung nữ của đấng quân vương quyền lực với những vui buồn thất thường, những thưởng phạt tùy thích, cả những lời nói thiếu cân nhắc, gập gềnh nói nấy với vợ với con và càng ngày hẳn càng thích xét nét những việc nhỏ nhặt, cay nghiệt trong cách xử sự, và muốn mỗi lời nói của mình phải là một mệnh lệnh không cho phép ai cãi lại hoặc dám làm ngược lại. Thoạt đầu hẳn nghĩ những biến tính đó là một biểu hiện của tuổi già. Nhưng khi tiếp xúc với bạn bè, với Hội nghề nghiệp, với quân đội là quê cũ của hẳn thì càng già hẳn càng biết cách nhường nhịn, biết ngưỡng mộ những ý định đẹp, những hành động đẹp, biết làm lành với những người vốn ghét mình, biết nhận lỗi và sửa lỗi, biết nghe một cách thản nhiên mọi lời chế giễu hoặc đúng hoặc sai, không giận đã đành mà cũng không thấy cần thiết phải nói lại, cứ như một tu sĩ sắp bước vào cõi “ ngộ ”. Là vì ở ngoài đời hẳn vốn lạ với quyền lực, cũng thích nhưng là thích gọi là, không mê, để thì nhảy vào chơi, rắc rối quá là nhảy ra liền, cũng có nhớ, có tiếc nhưng cái tính lười cố hữu đã lấp kín ngay lập tức cái khoảng nhớ theo thói quen ấy. Cũng có một lần hẳn đã được quyền lực để mắt và cho gọi hầu nhưng hẳn đã già mất rồi. Già rồi còn được gọi ra nhận chức phó tổng thư ký Hội Nhà văn, do có chân lãnh đạo một đoàn thể mà được mời ứng cử đại biểu Quốc hội và lại trúng cử Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất nước nhưng hẳn không có ý định làm một đại biểu nhân dân chân chính mà chỉ muốn được tiếp tục làm nghề, lấy Quốc hội là một thực tế mới lạ để hẳn tìm hiểu và quan sát. Đi họp vài lần hẳn mới nhận ra các đại biểu ôm cặp đi họp gánh trên vai họ nhiều trách nhiệm lắm, vì dân hai phần ba, còn một phần ba là vị họ. Vì Quốc hội còn là nơi giao dịch, thương lượng, quyết định nhiều việc mà theo hệ thống các tổ chức nó buộc phải thông qua có khi phải kéo dài cả năm, cả mấy năm. Ở Quốc hội mỗi đại biểu có quyền gặp các Bộ trưởng, các Tổng Cục trưởng, thậm chí gặp cả Thủ tướng tương đối dễ dàng, dễ dàng làm quen, dễ dàng nói chuyện, dễ dàng thỉnh cầu vì họ đều là những đại biểu của nhân dân cả. Có một nữ đại biểu giám đốc một xí nghiệp lớn, khoe với hẳn trong một buổi sáng cô đã xin được năm chữ ký tắt của các nhân vật hết sức khó gặp. Hàng ghế của thành phố Hồ Chí Minh là hàng ghế thứ hai và thứ ba sau hàng ghế đầu của các

vị lãnh đạo Đảng và Nhà nước, hẳn lại được ngồi ở hàng ghế thứ hai vì hẳn là người làm công tác quản lý một đoàn thể. Ngồi ở vị trí đó hẳn được tự do quan sát các vị lãnh đạo khi ngồi họp, chẳng để làm gì cả, chỉ để quan sát thôi. Hẳn vốn thích quan sát các nhân vật nổi tiếng trong mọi sinh hoạt bình thường của họ mà. Còn việc thứ hai thì hoàn toàn bất ngờ, hẳn trở thành nhân viên chuyển thư của các hàng ghế sau tới tận tay từng vị lãnh đạo ngồi ở hàng ghế trên cùng. Thư của ai hẳn không thể biết, chỉ biết người ngồi ở hàng ghế sau bấu vào vai hẳn, một lá thư đưa qua vai và một lời dặn nhỏ : “ Họ bảo nhờ ông đưa tận tay cụ X.”, rồi cụ Y, rồi cụ Z, đưa nhiều lần quá đến nỗi đã có vị quay lại hỏi đùa : “ Này, cậu nhận thêm cái việc này hỏi nào vậy ? ”. Nếu các vị ấy lại sinh ngờ hẳn đã nhận tiền những người nhờ vả thì hẳn biết nói sao ? Kỳ họp thứ hai của khóa 8, họp cuối năm, hẳn có làm quen với một bí thư huyện uỷ tên là K, do sự giới thiệu của một người bạn khác. Ông bí thư này cũng đã từng là quân nhân thời đánh Mỹ, về nhà đi buôn mấy năm rồi mới ra làm việc lại, tuổi ngoài bốn chục, là người nhìn xa trông rộng, cách nghĩ, cách nói rành mạch, quyết liệt, không từ nan bất cứ một việc gì có lợi cho địa phương mình. Ngay trong lần gặp làm quen, anh ta đã hỏi hẳn về ông chủ tịch thành phố cũng là trưởng đoàn đại biểu Quốc hội và có ý muốn mời ông chủ tịch một thành phố lớn nhất nước, đông dân nhất nước tới thăm huyện của anh ta vừa để thắt chặt tình đoàn kết Bắc Nam vừa tìm đối tác làm ăn cho huyện nhà. Rồi anh ta cười : “ Huyện của tôi cũng là một huyện biết hoà nhập nhanh vào nền kinh tế thị trường bằng các hàng hoá nông nghiệp của mình ”. Trước khi chia tay ông bí thư huyện còn nhắc lại lời mời, thành tâm lắm, tha thiết lắm. Hẳn cũng tình thực nói lại với trưởng đoàn, trưởng đoàn xem lại lịch làm việc những ngày nghỉ họp, nói : “ Có lẽ phải đợi kỳ họp sau vậy, những ngày nghỉ tới không có buổi nào rảnh ”. Hẳn nói lại với ông bí thư huyện uỷ quá nhiệt tình với miền Nam, và nhắc lại lời cảm ơn cùng lời hẹn sẽ tới thăm huyện của anh vào kỳ họp sau của ông chủ tịch thành phố. Anh ta liền nhìn hẳn bằng cặp mắt trống rỗng rồi hạ một câu khiến hẳn phải sững sờ : “ Tôi muốn mời ông ấy đến huyện vào dịp này là muốn nhờ ông giúp tôi đưa mấy vạn mét pháo vào thành phố nhân dịp Tết. Chứ sang năm mới đến chơi thì còn chuyện gì để nói ! ”. Hẳn đứng chết sững một lúc vì hãi quá, sau đó lại mừng quá. Vì nếu ông chủ tịch lại tin lời hẳn tới thăm huyện của K., rồi tiệc tùng, rồi quà cáp, rồi diễn văn và đáp từ về tình anh em ruột thịt giữa hai miền, người lớn hỗ trợ cho kẻ bé, anh lớn hỗ trợ cho em nhỏ, cuối cùng xin ông anh giúp thăng em đưa vài vạn mét pháo phi pháp vào thành phố nhân dịp Tết thì ông anh biết nói sao ? Dứt khoát là ông anh sẽ từ chối thẳng thừng, chẳng nề nang gì một thằng bí thư huyện uỷ mới quen biết đã giở trò lấu cá. Sau đó ông sẽ tự hỏi cái thằng nhà văn có vẻ ngốc nghếch kia đã nhận của thằng bí thư huyện uỷ bao nhiêu tiền nếu vụ làm ăn này trót lọt ? Nhà văn kiếm cò pháo, hay nhĩ, đẹp mặt nhĩ, có thanh minh cả một khoá quốc hội cũng chả ai chịu hiểu cho ! Thế là hẳn liền có ngay một phương châm sống sau hai kỳ họp Quốc hội : “ Sống là phải cảnh giác, chớ vội tin vào những lời nói quá đẹp mà chết có ngày ”. Làm đại biểu Quốc hội thì nên đề phòng, chớ có vội tin nhưng là nhà văn thì cứ phải tin, phải yêu, phải hy vọng vào tất cả những ai mà hẳn có dịp tiếp xúc, đâu vẫn biết rành rành những thói xấu của họ, những cái tâm thường của họ. Đã là con người, lại là người đang sống ở một thời mọi cơ chế bao

cấp dần dần bị dỡ bỏ để chuyển đổi tất cả thành hàng hoá, tất cả đều có thể mua và bán một cách tự do đâu có nhiệm phải thói xấu của nền kinh tế thị trường cũng là chuyện tất nhiên, chuyện bình thường. Nên hẳn vẫn viết về cuộc đời của K, trong một truyện vừa *Người làng pháo* lý thú. Vì K. là một mẫu người rất tiêu biểu cho cái thời bây giờ, sỗ sàng, lì lợm, quyết liệt, tháo vát, biết cách tổ chức mọi thứ đang có trong tay thành hàng, thành tiền hết sức thân diệu. Có nghĩa là những người tốt của thời nay, những người có thể làm giàu cho huyện mình, cho tỉnh mình, nhìn cho kỹ cũng có lắm trò ma quỷ, có tính Tuy Kiên lắm. Muốn giữ cho họ khỏi sa vào tội lỗi thì pháp luật phải chặt chẽ, thi hành pháp luật phải nghiêm minh, cơ chế quản lý xã hội phải khoa học, hiện đại, báo chí phải được tự do phát hiện và tố cáo mọi hành vi lừa đảo, tham nhũng, *phải dùng những công cụ của thời bây giờ để quản lý những người của thời bây giờ* .

Trong suốt một nhiệm kỳ Quốc hội khoá 8 hẳn chỉ phát biểu có một lần về những điều bổ sung cho Luật Báo chí. Hẳn đề nghị Quốc hội xem xét cho ra báo tư nhân và nhà xuất bản tư nhân để đảm bảo quyền tự do ngôn luận, tự do xuất bản của một xã hội văn minh. Hẳn vừa ngồi xuống thì bà T. cũng là đại biểu của thành phố Hồ Chí Minh, nguyên là một nữ luật sư danh tiếng của Sài Gòn trước đây, một thượng nghị sĩ trong phe đối lập với chính quyền Thiệu, đứng lên phản đối liền. Bà nói, đại ý, rằng hẳn chưa từng sống trong xã hội tư bản nên mới ngộ nhận là ở đó có tự do báo chí ! Không có đâu ! Danh nghĩa là báo của tư nhân nhưng nguồn tài trợ thường xuyên để nuôi sống nó luôn luôn là của các tổ chức chính trị, tôn giáo, nghề nghiệp đây quyền lực. Họ mới là những ông chủ đích thực của tờ báo, quyết định xu hướng chính trị của nó, còn các nhà báo chỉ là những người làm công ăn lương mà thôi. Theo bà, hãy tổ chức những tờ báo hiện có của các đoàn thể thành những cơ quan ngôn luận thật sự có uy tín, có đông đảo bạn đọc cũng đã tốt lắm rồi. Bà vừa dứt lời tiếng vỗ tay đã vỡ ra vang dội và kéo dài khắp hội trường. Bà là một trí thức yêu nước, đi học và hành nghề ở nhiều nước tư bản từ nhỏ tới già nhưng lại có lập trường của một người cộng sản. Còn hẳn là đảng viên cộng sản chính gốc lại hòa theo những đòi hỏi của nhiều người được xem là rất đáng ngờ về quyền được ra báo và mở nhà xuất bản tư nhân. Ông chủ quyền lực bắt đầu ghét hẳn từ ngày ấy, đã muốn đuổi hẳn ra khỏi cơ quan quyền lực từ ngày ấy. Rồi hẳn lại ngủ gật nữa. Trong những phiên họp tranh cãi sôi nổi về một từ, một câu trong những điều luật bổ sung của Bộ luật Hình sự, thì hẳn ngủ gục, đầu vẫn ngay, lưng vẫn thẳng nhưng đầu óc đã trống rỗng, mờ mịt, người ngồi cạnh phải hích nhẹ hẳn mới bừng tỉnh. Một ông nghị gật như các báo vẫn chế giễu các ông nghị bản xứ thời Pháp thuộc. Té ra hẳn được vào Quốc hội là do sự hiểu nhầm từ cả hai phía. Phía lãnh đạo thì nghĩ rằng hẳn đi nhiều, biết nhiều và cũng đọc nhiều ắt hẳn sẽ có nhiều ý kiến mới lạ để đóng góp với nhà nước. Còn hẳn cũng nghĩ do có cơ hội quen biết thêm nhiều nhân vật nổi tiếng của nhiều ngành nghề, lại được tham gia bàn bạc những việc trọng đại của cả nước ắt hẳn sẽ viết được nhiều bài báo rất lý thú như những bài báo đã viết trong năm 1974 chẳng hạn. Suốt một nhiệm kỳ năm năm, đi về bằng máy bay mỗi năm bốn lượt, lại hai tháng họp Quốc hội, nuôi ăn, nuôi ở, lại chiếm một chỗ ngồi ở cơ quan quyền lực tối cao, rút cuộc hẳn chẳng làm được tích sự gì, nói có một lần lại nói sai,

đến một bài báo về đất thép Củ Chi thời đánh Mỹ như hán đã hứa với bà con ở đó cũng không có nốt. Hán đã ngưng lăm, lại càng ngưng khi một bạn đồng nghiệp làm tạp chí *Người đại biểu nhân dân* của Quốc hội hỏi hán : “ Tại sao anh lại ít nói thế nhỉ ? Gần hết một khoá Quốc hội mà anh không nói được một câu nào để bọn em nhớ ? ” Biết nói thế nào nhỉ ? Hán đã ngồi nhâm chỗ, có thể thôi ! Chỗ của hán là quán trọ, bến phà, bến xe, sân phơi hợp tác xã, lán ở của công nhân nông trường, những khu nhà tập thể của gia đình quân nhân, ở bờ ở bụi, nghe đủ chuyện vui chuyện buồn, chuyện hay chuyện dở của thiên hạ, ngứa miệng thì góp vào một đôi câu, sáng gặp bạn trẻ tối gặp bạn già, lúc thì bàn luận nhân tình thế thái, lúc thì nói láo nói lếu về mọi sự ở đời. Một ngày sống thoả mãn, tràn đầy, càng nói càng thông minh, càng nghĩ càng nảy sinh, lăm điều sâu sắc, chữ nghĩa gọi chữ nghĩa, hình ảnh gọi hình ảnh, dưỡng chất nuôi sống ngòi bút của hán trong bấy nhiêu năm chủ yếu là ở môi trường đó, chứ có bao giờ ở trong các cuộc họp ! Ở các cuộc họp hán chỉ ngáp thoi, vầy vầy bực phếch, đứng xa cũng ngửi thấy mùi tanh, còn thả hán vào nước, nước ao, nước rạch, cống rãnh được tuốt, hán lại vùng vẫy nhào lộn, vầy vầy sáng loé, môi mép toe toét, tung bọt giỡn sóng, là cá sấp hoá rồng chứ đâu phải là con cá ươn như khi ngồi họp.

Nguyễn Khải



(tiếp theo trang 15)

tâm. Hấp lực của câu chuyện phải nương tựa vào ngoại cảnh của người kể. Và ở đây, trong phương diện này, lê thị diễm thúy đã ‘may mắn’ có một ngoại cảnh súc tích ngoài tưởng tượng.

Rất tiếc là nhiều độc giả ngoại quốc (nhất là Mỹ) đến với nhà văn (gốc) Việt hiện đại với đời hỏi ở tác giả một thông điệp nào đó về chiến tranh, thậm chí về chế độ. Nhiều nhà phê bình Mỹ đã đọc *Gangster* qua lăng kính này, và cho rằng, so với các tác giả Mỹ, cái đặc sắc của diễm thúy là ở chỗ cô “ cho thấy ” người Mỹ là phụ thuộc trong đời sống của đông đảo người Việt. Tuy đó là lời khen, nhưng nó phản ánh một cách đọc quá chủ quan dân tộc, quá kể cả. Không nên đọc và đánh giá *Gangster* như một tác phẩm về Việt Nam, càng không phải một tác phẩm về Mỹ và Việt Nam. Nó là tác phẩm về một nhóm người bị bung rã từ một văn hoá này sang một văn hoá khác, là một quyển tiểu thuyết chiến tranh phi chiến tranh.

Song phải nói rằng *Gangster* là một cuốn sách chưa lớn, thiếu kích thước của sự già dặn trong tuổi viết, tuổi đời. Người đọc có cảm tưởng như diễm thúy đang hấp tấp trích đăng nhật ký những ngày thơ ấu của cô. Tác giả có thực tài. Song vội vã. Viết cho xong để bước sang một quãng đời mới. Lê thị diễm thúy là một nhà văn nhiều tiềm năng, nhưng *Gangster* là một tiểu thuyết chưa phát hiện hết những tiềm năng ấy. Người đọc hồi hộp mong chờ những sáng tác kế tiếp của cô.

Trần Hữu Dũng

Dayton, 15 tháng 6, 2003

Từ nay, địa chỉ điện tử của báo Diễn Đàn là

diendan@diendan.org

Trang nhà của Diễn Đàn trên mạng internet từ nay là :

<http://www.diendan.org>

Tại đây, ngoài số báo hàng tháng, các mục sổ tay, sách mới... được cập nhật hoá thường xuyên.

Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên :

Địa chỉ :

Email :

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ tháng (số)

Kèm theo đây là ngân phiếu : €

Giá mua 1 năm báo (11 số)

Pháp (các tỉnh, lãnh thổ DOM TOM) : 40 €

Châu Âu ngoài Pháp : 45 €

Các nước ngoài Châu Âu : 50 €

Bạn đọc ở **Pháp** có thể chuyển thẳng vào trương mục của Diễn Đàn : CCP 4.414.16 W PARIS.

Châu Âu thuộc khối liên hiệp Âu châu UE : có thể ra bưu điện chuyển thẳng số tiền 45 € vào trương mục CCP số 30041 00001 0441614 W 020 76 của Diễn Đàn.

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 45 € cho ông Trần, Am Stadtpark 6, D-92237 SULZBACH-ROSENBERG, hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung) DIENDAN-FORUM (Bank: SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto: 380 48 94 76, blz 752 500 00).

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70FS/năm) vào trương mục JOURNAL DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1. Xin viết thư để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bulletin de versement virement*).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt 15\$ US, xin gửi ngân phiếu tương đương (bằng zloti) đề tên CHWISTEK và gửi về tòa soạn, hoặc chuyển vào trương mục của M. CHWISTEK, Bank : SLASKI - ODDIZIAL GLIWICE,

Numer Banku :10 50 12 85, Numer Konta : 22 55 95 51 85, Pesel : 480 91 64 10 10

Bạn đọc ở **Canada** xin gửi séc 70\$ CND đề tên ông DUNG TRAN và gửi về MR TRAN, 4817 Lalande Blvd, Pierrefonds, QUEBEC H8Y 3H4.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 50\$ US đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về tòa soạn (DIENDAN, B.P. 50, 92340 BOURG LA REINE, France).

Úc và các nước khác : xin gửi 50 € bằng *money order* đề tên Diễn Đàn về địa chỉ tòa soạn (DIENDAN, B.P. 50, 92340 BOURG LA REINE, France).

DIỄN ĐÀN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE)

FAX : 33 1 43 68 91 44 (quốc tế), 01 43 68 91 44 (Pháp)

Mai Ninh

Mưa Mùa Xa

Mùa ấy tôi về phố phường lao đao giữa những cơn mưa đập nút mái nhà và trận nắng rơm túa nước nôi dưới manh áo. Nhiều năm qua, nhiều lần đi lại, từng mùa trôi nhưng hình ảnh một mùa ấy hình như là điều gì thuần nhất, keo kết thành biểu tượng bất biến trong tôi khi nói đến một chuyến về. Hóa ra bỗng dưng mùa ở đây bao gồm vừa thời gian, không gian, hình ảnh, âm thanh và kỷ niệm tình cảm nhận được cho đi, từ bao thứ ấy.

Không kể ra cứ ngỡ mình quên, chẳng nhắc lại cứ tưởng trí nhớ đã vỡ bung như bong bóng nước rơi xuống sân sau ngôi nhà đỏ ngói tuổi lên năm lên sáu mỗi lần mưa giạt từ tàn cây gòn ngắt ngưỡng. Mưa Sài Gòn độ nhỏ rất rõ mùa, từ tháng tư dương lịch trở đi bầu trời đang chói nắng chợt dần lên mây xám. Sấm đùng đùng vài tiếng, gió chẳng biết từ đâu nổi lướt qua đọt cây rồi là xuống hắt tung mấy tấm áo quần phơi ngang sợi dây kẽm. Chỉ kịp chạy ra giũ vội vào nhà, thế là độp độp trên mái ngói những hạt nước đầu oi bức. Mưa đe dọa mưa cầm chừng mưa nặng nề như thế một đôi tuần cho tới cuối tháng, bấy giờ mới được ào ào tuôn xuống hả hê. Nhớ về thời thơ nhỏ, tôi luôn thấy khuôn sân gạch tàu đỏ sậm này tung tăng những bong bóng nước, chúng nhảy nhót trong mắt đứa bé ngồi chồm hổm trên bệ gạch, tay sẵn sàng chiếc thuyền giấy và cây dũa tre làm chèo. Rồi mưa mạnh hơn, làn nước xối xả tuôn đổ chan hòa. Con thuyền ra khơi, cây dũa đẩy đưa khều chống, nhưng trong tích tắc dòng nước đẩy tuột ra xa, con thuyền vụt vào lòng rãnh cuối sân theo cùng những chiếc lá ngâu chưa tới kỳ đã rụng. Mưa giữ chân tuổi thơ bằng trò chơi như thế cho đến ngày, theo đà xây cất của khu phố sầm uất, căn nhà trệt thấp sau vòm cổng bị đập đi và thay thế bằng lừng lững mấy tầng lầu cao với ban công, sân thượng. Không rõ tôi có vui sướng hơn với ngôi nhà to lớn hẳn ra, nhưng vương sân gạch với lu sành mẹ hứng nước mưa pha trà cùng các hòn gạch đen đũi dùng luộc bánh chưng vào mỗi chiều hai mươi chín Tết thui thui một góc, cả mái hiên xèo những viên ngói cũ cho con sẻ non trốn mưa, rúc rúc rĩa lông rĩa cánh xong ngơ ngác nhìn trời là hình ảnh chất chiu của thời tôi thơ ấu.

Rồi tôi, cô bé mười ba bấy giờ biết những chấn động đầu tiên trong đời qua màn mưa phả suốt đêm giới nghiêm, ngập ngựa những tờ truyền đơn ướt nát, những manh biểu ngữ rách bướm và gậy gộc lẫn nhang đèn vung vãi trên vỉa hè sau cuộc biểu tình tuyệt thực rầm rộ trước nhà, loa phóng thanh rền rĩ niệm kinh suốt buổi chiều. Lấn trong tiếng nước đập rộn rã vào cửa liếp và những chậu kiểng mẹ trồng thay hàng dâm bụt với góc tấm ruột xanh từng chùm đã đốn đi, thỉnh thoảng rú lên hụ còi xe quân cảnh tuần tiểu chạy rút giữa lòng đường. Trò tôi chơi thuở ấy là những ván cờ tướng với một anh chàng sinh viên trong phong trào Phật Giáo chống chính quyền. Mẹ cho anh trốn trong nhà một thời gian. Ngoài những khi lén đi đâu rồi về, anh đọc, anh dịch và viết những tờ truyền đơn mà

tôi chỉ đọc qua lời lẽ đã vô cùng ngưỡng mộ. Giữa các lúc đó anh dạy tôi đánh cờ. Bàn cờ nhiều lần bắt thần bị lừa hất vào gầm giường cùng lúc với thân thể gầy gò của anh, khi chợt vọt lên từ dưới lầu hay trên sân thượng một tiếng động khác thường. Nhưng một buổi chiều giữa cơn mưa rạt xém con đường, tôi đi học về đến cửa thì anh cũng ở đó bước ra, người khoác chiếc áo mưa rộng, mũ chụp giấu gần hết khuôn mặt. Thấy tôi, anh sững lại, giơ vội một bàn tay nhưng rồi hạ xuống nói rất nhanh : “ Bàn cờ vẫn dưới gầm giường, em giữ lấy ” . Sau này tôi mới biết bà cô tôi dọa mẹ, “ Cho nó trốn mà lính xét nhà bắt được, hốt cả con bé đi thì cứ gọi là hết đời ” . Tối đó tôi ghi một dấu hỏi thật to chống lên những nét vẽ xước số dọc và ngắt quãng, tượng trưng một mảnh mưa vào cuốn sổ bìa xanh gọi là nhật ký.

Sau những năm tháng đó, chiến tranh hiện rõ hơn nhưng vẫn còn mênh mênh mơ hồ, vương vất chất lãng mạn của các cô học trò thành thị mười sáu mười bảy bắt đầu ngấm ngấm thương vay nhỏ lệ vì “ đêm nghe tiếng đại bác ” (*), những cô bé mới bước vào tình yêu bằng hai bàn “ tay nhỏ che trời rét ” (*), dù rét Sài Gòn chỉ đủ làm quân đội cánh lá. Cho đến bất ngờ súng đêm mừng một Tết giữa mùa khô nổ ran thay tiếng pháo. Tôi riu người sau cửa sổ căn phòng lầu thượng, những tấm áo quan vội vã chạy ra từ khu xóm đông đúc bùng lửa khói, xé bên kia con đường rộng, lúp túp mấy kẻ bươn bả theo sau. Bất chợt vang rân tiếng hô hoán, một chiếc quan tài ghép ván thô sơ bị chặn lại đập tung, rơi xuống trên vỉa hè những khẩu súng trường đen đúa, dăm đàn bà và mấy đứa nhỏ đang lếch thếch kêu khóc cùng ba thanh niên khiêng áo quan co chân chạy nhưng không thoát, liền bị thúc súng còng tay, đẩy lên xe nhà binh đã lổn nhổn đứng ngổ một số người mặt mũi áo quần lạ lẫm hỗn độn. Đoàn người khăn gói chạy loạn tiếp tục lướt qua những căn nhà mấy tầng mặt tiền bê tông đá ộp mà các thanh cửa sắt cao đã kéo kín thành trì. Chiến tranh không ngờ bắt thần xuất hiện như đám mây đen sừng giông và gió chụp phủ cả thành phố từ bấy lâu vốn tượng trưng sự bình an cuối cùng của tôi vừa qua năm mười bảy.

Hơn hai mươi năm sau, tôi đặt chân trở lại nền đất quê hương dưới những vạt mưa Ngâu tháng bảy oi nồng. Hành khách khệ nệ tay xách nách mang nặng nề, đi bộ từ chân máy bay vào dãy nhà có bảng ghi nơi đến. Nước nhỏ rờn trên những đầu người và cả trên bím tóc vàng hoe của mấy con búp bê mặc váy voan xòe xanh đỏ thoáng chốc đã ướt mem cụp vào thảm hại. Mấy người đàn bà đi làm hay đi học ở Đông Âu vừa than trời vừa che chắn bao nhiêu thứ hàng và đồ chơi đem về bán hoặc cho con cháu. Người đàn ông luống tuổi ngồi cạnh trên máy bay đã chẳng ngừng chép miệng khi qua cửa sổ thoáng thấy màu đỏ sông Hồng ngập ngựa. Dù nghĩ rằng mình dư bình tĩnh, ruột tôi vẫn thắt, ngực nặng nề. Câu hát “ Trời hành con lụt mỗi năm ” (***) từng nghe có phải là đây ? Lạy trời, đừng giông bão, đừng gây nạn lụt chặn con đường trở lại làng quê xưa. Tôi, con bé sinh ra ở Sài Gòn, gọi hộp quẹt thay bao diêm, hột dịch thay trứng vịt, rời quê hương bố mẹ trên chuyến tàu cuối cùng vào Nam mùa di cư ấy ở bến Hải Phòng. Ông bác giàu có, con đàn cháu đống nhưng vẫn thích đùa ghẹo đứa cháu gái Nam kỳ “ đi lấy cho bác cái hộp...hộp ghọt để châm thuốc lào ” , ở mỗi lần nó từ Sài Gòn theo mẹ về quê. Sau 54, tôi thường hỏi mẹ bao giờ mình về thăm bác, dù trí nhớ chỉ còn lờ mờ dáng người chấp tay sau lưng, đứng đĩnh hiên từ, ông chính là hình ảnh xứ Bắc của tôi cùng với hương hoa bưởi

toả lan suốt khu vườn. Cũng khu vườn ấy tôi trở về bây giờ thiếu phụ, buổi chiều xanh xanh ánh lá cây ngọc lan tím mướt sau trận mưa hôm qua. Ngồi lại ở mảnh sân đất nện đọng bùn và loáng thoáng vài viên gạch dấu tích một nền xưa, tôi lặng nhìn gian giữa ngôi nhà người con trai trưởng của bác. Tôi cố mở hết những cánh cửa của từng khoang trí nhớ mà mình vẫn tự hào về khả năng ghi giữ thật lạ lùng các hình ảnh tuổi lên bốn lên ba. Nhưng moi móc bao nhiêu thì tấm phản gỗ nhọt nhạt màu, kê trước cái tủ thờ phủ vải điều cùng những bức ảnh im lìm trên đó, với đôi liễn bạc thếp sổ dọc hai cột nhà cũng không lóc lên sự quen thuộc nào. Nhìn mái ngói chành chao khắp khảnh tôi chẳng tìm đâu ra dáng mềm mại mà đỉnh đặc của ngôi nhà chính trong khu vườn năm xưa. Căn nhà ấy trong ký ức lớn nhường bao sao bây giờ u tối, bé thấp gần như sấp bò trên mặt đất. Mắt trẻ nhỏ thấy gì cũng to tát hay cái nhìn thiếu phụ hẹp dần theo năm tháng ? Người con của bác nay đã tuổi ông ngày nào nhưng gầy rộc vẫn đứng sau lưng thỉnh thoảng, hình như lúc này hiểu được câu hỏi trong tôi, anh cất tiếng :

“ Đây là nhà anh chị cô ạ, ngôi nhà cô về ngày bé không còn của gia đình mình từ khi bố anh bị đầu tở. ”

Hai tiếng ấy cuối cùng đã bật ra trên môi anh, run run như lời mẹ mỗi lần nói tới là tức tởi xót đau : Bác Chánh bị trời gở ở sân đình, con Ngoan xắn quần xĩa xối :

“ Thằng kia, mày có biết tao là ai không ? ”

“ Dạ thưa chị Ngoan tôi biết, chị là đứa bé sơ sinh người ta bỏ rơi trước cổng nhà, tôi đem về nhận làm con, nuôi chị đến ngày nay ” .

Tôi còn đang xúc động, có tiếng chào nhẹ nhàng, một người đàn ông trung niên trông già dặn dặt xe đạp vào sân, mắt nhìn tôi mở lớn, môi nhếch cười. Bỡ ngỡ không nhận ra nhưng tôi đoán ngay chẳng thể là ai khác hơn thằng cháu Q của tôi mấy mươi năm trước. Trong phút giây hình ảnh ba người : tôi, Q thằng cháu nội cưng của ông bác cùng bốn tuổi ngày ấy và chị Ngoan hiện ra trên con đường vào làng này, dưới cơn mưa. Hai đứa bé rủ rê nhau đi đến nhà một người bác họ phải băng qua cánh đồng, nhưng Q vốn sợ bò. Tôi đoán chắc với Q là mình không ngán và bò ở giữa ruộng xa đường đi, lại nữa hai đứa cùng nắm tay nhau thì chẳng còn gì phải sợ. Đâu ngờ nửa chừng trời đổ mưa, chúng tôi co núp dưới một túp lều chưa được bao lâu bỗng có tiếng bò rống bư bư sau vách rạ. Thế là hai đứa ba chân bốn cẳng vùng chạy. Nhưng thằng bé Q chừng quá hãi, chỉ vài thước rồi không nhấc nổi chân, đứng ì dưới làn nước tuôn dầm trong khi tôi vẫn cầm đầu băng băng, mặc cho Q gào đằng sau “ Bố cái con cô N, mày bỏ ông ”. Bất ngờ một bàn tay to chụp lấy gáy tôi nhắc lên, cùng giọng quen thuộc chị Ngoan ken kết “ Đây, chạy đi đâu con ranh ”. Sau đó tôi có dãy dựa thế mấy cũng không thoát khỏi, chị Ngoan kéo lết tôi đi và bế thằng Q đặt vào một bên thúng, chị ta ở chợ về. Mẹ thuật lại, khi vất đựcch tôi ướt mèm như chuột trên thềm cửa trước mặt bác, chị lớn giọng kể tội, bác bật cười “ Nó con gái bắt nó che chắn thằng con trai là thế nào, Tày nó cười cho ” . Dù từ đấy tôi không ưa chị Ngoan, nhưng tôi vẫn không thể tưởng tượng được đe dọa nông nổi nào khiến chị nhẫn tâm đứng giữa sân đình giạt giọng tố khổ một người như bác. Có phải vì người trong làng không ai chịu đứng ra kết án ông là địa chủ tàn ác nên chị bị chỉ định hi sinh làm mồi cho một phong trào đấu tranh giai cấp ? Nghe nói sau đó chị Ngoan bỏ làng đi biệt, rồi mấy năm qua một hôm người ta thấy trên núm đất chôn bác cắm một bó hoa dại. Có người

ở sát bên nói rằng đêm ấy vắng nghe tiếng khóc đàn bà khấn khứa : Con cát cỏ ngậm vành, xin thầy tha tội. Giờ, chỉ còn lại đây tôi và Q đã hai con, nụ cười mỉm của Q khiến tôi yên lòng về trí nhớ của mình. Hoá ra những kỷ niệm thời nhỏ xíu ấy Q không quên như tôi, những thứ chỉ nói ra rằng mình nhớ đã thấy lạ lùng. Hỏi Q có còn sợ bò, Q đáp nhẹ “ Cháu chỉ sợ người ”.

Sau bữa cơm với gia đình anh chị, tôi trở về Hà Nội. Trời lại hội con vùn vùn. Những làng mạc đi qua trũng hơn trong màn nước. Tôi nhận ra mưa càng làm lộ liễu sự khốn khó và mưa ngoài cửa xe cũng đang từ từ dội trôi lớp màng ảo tưởng để tôi thấy rằng cuộc hành hương không những chẳng bốc bay thêm được náo nức chờ đợi ở một chuyến về, không khơi mở được bao uẩn khúc vẫn tụ đọng trong tiềm thức mà trút sâu, thất thêm vào tâm trí những bận lòng, lấn cấn hơn những câu hỏi bấy lâu vẫn đặt ra cho chính mình. Khi từ già, da bàn tay sạm khô của Q ọm xước lòng tay tôi. Đứng lại với nhau ở cái nơi gọi là đầu làng chỉ có giặng cây sắn xoè lá xanh tươi, Q bỗng nói “ Bố cháu can đảm lắm mới sống sót được những năm tháng đó và nuôi anh em cháu học hành xong xuôi. Có học bao năm bên ấy, có nghĩ trở về làm được gì không ? ”. Xúc cảm nhất thời bùng dậy, tôi đã mạnh miệng trả lời, tôi sẽ không bỏ Q lại bên bờ ruộng như mấy chục năm về trước. Thế mà, không bao nhiêu cây số, về tới Hà Nội vừa lọt vào thành phố lù mù, người đi người lại loi ngoi bì bõm, tôi đã thấy chặc khó lòng đi đến đâu kia con đường Láng nước dâng trên đầu gối, để chỉ giản dị làm nốt một thăm viếng người thân.

Tôi lên con tàu ở trạm ga Huế khi trời vừa tạm ngưng một đám mưa chạy rạt từ mạn núi ra biển. Mưa giỡn chơi như thế hơi kỳ lạ giữa hạ đang bức nóng trên mặt nước sông Hương. Tấm vé tàu đổ đèo Hải Vân xuống Đà Nẵng chỉ nhỉnh hơn giá ba tô bún bò đầu con đường ở trọ. Anh chị em bạn bè thân sơ kẻ đạp xe, người xinh xịch trên honda cũ mèm kèm hai bên chiếc xích lô đổ tôi xuống cửa nhà ga chộn rộn những người gánh gồng bị tụt. Chị bạn Huế mẹ vốn quen đi đứng chặm rãi khoan thai thoáng hoảng hốt kéo tay áo, e rằng tôi không chịu đựng nổi năm giờ di chuyển giữa người vật ngổ ngang. Một người đi, năm bảy người đưa tôi lên toa tàu có quạt, đặc biệt dành cho người du lịch không hàng hoá. Tôi hơi ngượng khi đám bạn bè tiễn mình ôn ào leo cả lên xe. Lách trước mặt một ông cụ già ngoài bìa, tôi ngồi xuống cạnh cửa sổ. Băng ghế gỗ cứng trải chiếu chiếu cói vừa vụn. Chưa yên chỗ thì chị bạn vừa xuống tàu đã vội leo lên đưa cho chai nước lọc và chiếc ly giấy ọp ẹp. Những người còn lại tụ dưới cửa sổ dặn dò, đi đường cẩn thận, đừng ăn uống lung tung mà đau bụng, tới nơi cứ đợi ở ga đừng leo xe ôm...Tiếng còi hụ chuyển bánh, một anh còn vội vã mua cho chiếc quạt giấy, biết đâu nhờ quạt máy hư. Tôi quẹt nhẹ hai giọt nước mấp cuối mi khi bóng họ đã nhỏ dần, mờ đi trong làn mưa lại phun toả không gian ngoài con tàu cũ kỹ.

Hai mươi cây số một giờ, xe lửa bò giữa làng mạc và những mảnh đất nửa đồi nửa ruộng. Trời mưa nhưng không khí hầm bức, và đúng như tiên đoán của anh bạn, chiếc quạt máy gần băng ghế tôi ngồi chao quay vài phút sau khi con tàu khởi hành rồi dừng lại. Tôi mỗi mệp nhắm mắt thiếp đi. Khi chợt thức dậy, một thoáng gió nhẹ qua tai, ông cụ ngồi bên cầm chiếc quạt giấy phẩy cho tôi cử chỉ nhẹ nhàng. Tôi nói cảm ơn và ông hỏi “ Cháu từ ngoài vô ? ”. Chẳng rõ tại sao tôi lúng túng, không muốn nói với ông cụ tôi là Việt kiều, cái âm kiều

tôi không thích cả từ ngày bé, chẳng hạn Hoa kiều. Giản dị là thế chăng? Hay cũng vì trực nhớ lời dặn dò của chị bạn Huế “ Thời buổi ni cẩn thận, đi đường một mình đừng để người ta chú ý, biết mình ngoại quốc về ”. May thay tôi chưa biết phải nói dối hay không thì ông cụ đã tiếp “ Lần đầu đi chơi, bạn bè lo lắng nhiều hỉ ”. Tôi vui mừng đáp một tiếng Vàng gọn gàng, cũng hơi ngượng ngùng thấy ý chừng ông cụ tưởng tôi là con cháu nhà giàu từ Hà Nội vào Nam du lịch. Nhìn qua cửa định hỏi tàu đã đi đến đâu thì chẳng ngờ khung cảnh ấy hiện ra trước mắt, ngoài tưởng tượng. Hai bên đường rầy ngổn ngang những ngôi mộ chen chúc nằm trong, ở ngoài, chính giữa, bên trái bên phải những nóc nhà sơ sài tường vách. Trời bốn năm giờ chiều u uẩn đã đành nhưng chưa bao giờ tôi thấy mưa phù phàng tàn nhần dột trên trần thế như vậy, dù cơn mưa này nào xối xả bằng bao nhiêu trận đã từng đổ xuống.

Những tia nước làm tan hoang mái lá, làm xiêu lệch mái tôn, làm mảnh vách lở nghiêng muốn sụp nhào lên ụ đất có cây thánh giá cắm leo heo. Mắt tôi chạy theo dòng tóc cô gái đang tắm gội, cô mặc nguyên quần áo ướt sạt sạt, ngửa mặt hứng nước toé tươm từ một đòn tre vắt ngang hai nắm mô cùng châu vào cái cô đang ngồi tựa. Xa hơn, hai ba người đàn ông trần lưng đập đá dưới một miếng tôn. Máy chi đàn bà hi hục đào mương, các dòng nước chạy lòng vòng quấn quanh mộ kia sang mộ nọ. Xe lửa trườn đi, dứt tôi từ tùm nhà với mô này đổ sang tùm khác. Nhấp nhô ngôi mộ xây xi măng mang tấm bia sát cạnh cửa căn nhà, đâm thẳng góc vào một mộ khác chỉ là nắm đất vun vun nằm dọc theo hàng hiên. Sự hỗn độn cho tôi cảm tưởng xác người đã đổ xuống nằm đâu người ta an táng ngay vị trí ấy, không dời đi, không sắp xếp lại. Và bao nhiêu căn nhà như túp lều này, mọc trên chính bãi chôn người cũng thể hiện những cuộc đời tả tơi, không thể tơ hào một xếp đặt nào cho đời sống. Bao câu hỏi tại sao, nào bức bối băn khoăn nào bất mãn từ lúc đặt chân về trên xứ sở này còn nên chăng, còn là quyền của tôi đâu khi tôi không phải là người đang sống lẫn lộn giữa tha ma và trần thế.

Tôi mở mắt thao láo, ngóng về phía trước, ngoái lại đằng sau. Ông cụ bên cạnh lặng thinh từ bấy lâu bất chợt cất tiếng “ Đoạn ni coi như tiếp nối “ Đại lộ kinh hoàng ” trước kia đó cháu ”. Tôi điếng lặng. Tất cả xác người nằm trong mô mà vạt phá toang đất phủ nhất loạt vùng đứng dậy, những thân thể thương tích máu me nghiêng ngả, ồn ào tán loạn hoà nhập vào đám người đang đập đá đào mương, vào những đứa trẻ bụng ỏng vào các cô gái tóc dài rũ rượi. Họ đi nhau bước đi, chạy với theo con tàu. Họ hợp thành đoàn đi đòi quyền sống. Trùng trùng một dãy Trường Sơn xương sống nước Việt, vẫn thiên thu lừng lững đằng sau để ngó xuống dưới chân bao nhiêu máu thịt rơi đổ trên cát bồng ruộng cần. Những linh hồn chết vướng vạt bơ vơ, những linh hồn sống dật dờ xoay sở.

Sài Gòn ngày đầu tiên, cảm giác trống hoang dù phố phường ô ạt người và xe gắn máy tủa ra sau trận mưa mau của buổi chiều tháng tám. Tôi đi ngang con đường cũ chơ mắt tìm ngôi nhà thơ thiếu mẹ đã bán đi, những cánh cửa đã đổi màu xanh nhưng chiếc lan can ngày xưa tôi đứng trên nhìn xuống đợi gánh chè khuya xuất hiện đâu con ngõ vẫn đấy, song song dọc dọc mấy thanh sắt đan nhau. Những sợi mưa từng óng ánh xuyên qua đèn đường rồi rớt trên chiếc áo tôi bà cụ già mà giọng rao chè quen thuộc ngân nga ngọt lịm, chẳng biết đã bao năm. Cả con phố xưa nghe nói không còn mấy người ở lại. Năm tôi mười tám, họ đến tiễn con bé sắp đi học bên Tây.

Ngay cả cô gái bán ba đường Tự Do thuê một phòng trong căn nhà năm tầng gần cận, tuy chẳng quen biết gì nhưng nghe ai nói nên thoáng gặp tôi ở lề đường cũng nắm cánh tay lác lác, chúc mừng “ đi Tây rồi ở lại bên í cho nó sướng em a, chứ như chị thế này...cả đời cóc dấm nhìn ai ”. Nhưng nghe đâu, cuối tháng tư 75 cô được ông bố Mỹ cấp lên máy bay trước cả mọi người và vài năm sau cô đeo vàng trở lại khu phố, cô ghé thăm mỗi nhà xem ai mất ai còn ai đi ai ở và rộng lượng giúp đỡ người này kẻ nọ. Con cháu tôi khoe cô đẹp như tiên cô nói cười rổn rảng, không quên hỏi thăm con bé du học ngày nào có về VN và làm được gì không ?

Tôi, con bé đã về mà chẳng biết nên làm gì để được, đứng trú mưa trước công viên Lê văn Tám. Giọt nước chảy ròng ròng miệt đan thành tấm màn lung linh biến ảo, những cái thấy thực tại nhập nhòa quá khứ. Các thân sao già thẳng tắp hai bên con đường dẫn hút vào sâu nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi ẩn kín, đang vút bay lên trời nhường chỗ cho những thân non còn thấp, cây mới được trồng nên khu đất khơi khơi trống trải lạ lùng. Băng đá rải rác cùng cầu tuột trò chơi trẻ em màu sắc vuông tròn chông chéo lên bia mộ trước kia nhiều chiều tôi vào đây ôn bài thi, lá đã thả bóng lấp loáng trên các phiến đá hoa cương hay vân thạch. Những ngôi mộ giàu sang thời ấy nghỉ ngơi ngay trung tâm thành phố, lắng yên ngán nấp trong cây cỏ dù mưa hay nắng, không ngửa nghiêng lặn đạn như mả và người trên chặng đường tàu tôi mới đi qua. Gương mặt trên các tấm bia trong nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi dấu già trẻ, Việt hay Tây, với tôi đều an tĩnh. Tôi ngồi giữa họ không sợ hãi, cùng mảnh giấy nguệch ngoạc các công thức, các hàm số phương trình, tôi ngoáy cong cong mái tóc và vành môi chúm chím một cô gái nằm dưới chỗ tôi ngồi đã mười bảy năm. Trên tấm ảnh, cô không cười nhưng cặp mắt lá dăm này quá giống chị Bé ở trong nhà mấy năm về trước.

Chị Bé mười sáu, má chị thường đem gạo từ Sóc Trăng lên Sài Gòn đong cho mẹ tôi. Một hôm bà ta bảo tên phường trưởng hiếu sắc chặn đường chị Bé dọa nạt sẽ tố cáo ba chị theo Mặt Trận, nên bà lo ngại xin cho chị lên Sài Gòn lánh nạn. Tên là thế nhưng chị không bé, không thấp lùn mà người vừa cao vừa nẩy nở, hai bàn tay con nhà nông thô cứng. Mỗi khi giúp tôi cọ lưng chị xát thật mạnh tưởng tróc da. Ít nhất chị Bé dội nước ba lần một ngày, chị nói ở quê lội sông suốt buổi. Về thành phố chẳng còn sông chị đâm thềm tắm mưa. Bề quạt đầu máng xối ra khỏi vai nước, cũng mặc nguyên quần áo như cô gái bên đường xe hỏa xuyên bãi tha ma, chị Bé ưỡn người dưới dòng nước ô ạt. Đôi lúc ánh chừng thấy vướng víu, chị lột tấm áo bà ba, rồi đảo mắt một vòng quanh khoảng sân, yên bụng chẳng có ai chị tụt luôn chiếc quần, cả tấm thân uốn căng như con cá cong tươi lóng lánh. Hình ảnh ấy làm cho tôi thêm thương, chắc chắn chị Bé đang tràn đầy khoái cảm. Với chị, lần đầu tiên tôi được mở mắt chiêm ngưỡng trọn vẹn một thân thể đàn bà, được thấy cái đẹp đầy đặn, sống thật, căng phồng hồn nhiên chứ không phải là những thứ để nhìn lên, tưởng tượng qua lời nói, hình ảnh mập mờ ẩn dụ. Khi nhắc thấy tôi chị cười tít cặp mắt lá dăm, vẩy ra tắm cùng. Mới đầu tôi ngần ngại, mẹ bảo rằng tắm mưa rất độc. Thật lạ, bà có thể đi phát truyền đơn, giấu “ phản tử phản động ” trong nhà, và sau này bà cũng không cực lực phản đối khi tôi, đứa con gái độc nhất, lăm le đòi học nghề phóng viên chiến trường, nhưng lại kiêng kỵ bao nhiêu thứ tử tử mủn liên quan đến phụ nữ, nào là quần áo con gái đàn bà không phơi qua đêm, nào ngày kinh nguyệt không được bước qua tủ thờ hay chõ rượu nếp vừa ủ. Sau này chẳng còn

sân gạch tàu, tôi trèo lên sân thượng buổi tối trời mưa. Không có ai ngoài tôi và cây cối mẹ trồng xum xuê như vườn nhỏ. Mọi thứ đều ướt đẫm, đều rũ rã liêu trai. Mặt đất cao hơn và mây thấp xuống, nhưng tôi ở giữa đất trời sung sướng đón những hạt nước tưới tuôn, cảm giác chỉ con người mình sáng long lanh chum bong bóng nước, thênh thang toàn diện.

Suốt thời gian ngoài xứ sở không còn thấy cánh tấm mưa, thế mà về đến nơi thì nó đã bay ra đầy. Vùng ngoại ô An Phú Đông mất điện lập lòe lửa nển, những thân cây gì không biết tên ngã nghiêng hai bên con đường đá trộn với bùn. Dây nhà viên lộ lợp tôn thấp chũm, chẳng xoè nổi một khúc hiên cho tôi đứng trú, phải co ro dưới tấm bạt của ông già sửa xe đạp. Gió phàn phật cơ hồ có thể giạt đứt rời những mảnh vải rách của chiếc áo ông ta. Con đường mới đổ xe đạp xe ba bánh xích lô người đi người lại chợt trống hẫng, chỉ còn mưa xiên bay tới tấp và mấy đứa bé ở trần vừa tắm vừa chạy đuổi nhau trên mặt lộ. Tấm bạt của ông già vụt thốc lên với gió, kéo sập hai đòn gỗ chống. Thế là trong giây phút nước quật xối người tôi, cùng khắp. Nước tuôn dọc theo những sợi tóc, áo quần đẫm dính vào người. Ông sửa xe lúi đi đâu chẳng biết, hộp keo vá bánh và cái bơm đặt trên mấy hòn gạch, những thứ còn lại lăn lóc trên mặt bùn. Mấy căn nhà và quán lá chung quanh cũng đang vật vờ, đám người lao động cùng xe đạp quang gánh đứng lại bên lề rờng rờng nhể nhài. Mưa đổ chưa đầy nửa giờ, cả vùng đất trước mắt cơ hồ thụt lún xuống với con người. Thêm một lần, mưa phơi bày rõ rượi nhếch nhác. Bao năm thềm tắm lại một trận mưa chẳng được, bây giờ bất ngờ tôi đứng đây giữa trời, trên mảnh đất ngoại ô sũng lầy, bên cạnh những con người nặng nề u uẩn âu lo. Trong không gian nhem nhèm tối này chắc gì ai nhìn ra ai, và dù áo quần còn dính trên da, tôi lại thấy mình thông thoáng. Nhưng tôi lấy gì đây che đây ? Bao nhiêu con người đang quay lại, mưa lột trần người đàn bà Việt kiều trước mắt họ. Nhưng họ có thấy tôi, con bé năm nào tắm mưa phơi phơi, thoải thuê tự do, giờ đây là một thiếu phụ lạc lõng co cụm ngọt ngào. Thông thoáng mà ngọt ngào. Giữa đám cành lá ôm ấp đồng lõa trên sân thượng bắt thần mọc những con mắt xoáy. Chúng xoáy vào trống lóc, sục bới vào đặc nghẽn. Cũng vẫn thân thể đẫm ướt ấy đã trở về, nhưng cái phần trần truồng bày ra không phải là hình hài thân xác, nó là những căn nhà, những bức tường trong tâm linh từng được loay hoay đắp bồi xây cất bằng tri thức và ước mơ. Nước cứ thế phủ phàng đập, nhà và tường như cát lở, tuôn tuột từ đầu xuống chân, hòa nhập vào muôn thứ lá cây đất đá rác rưởi đang ùa theo dòng ngập lụt lênh láng, như con thuyền giấy thời bé con cuộn vào cống rãnh.

Tật hay liên tưởng thường lôi tôi đi rất xa, đang ở một nơi tôi bay vút bao ngàn cây số sang chốn khác. Vì thế tôi từng cảm câu nhạc “ Nghe mưa nơi này lại nhớ mưa xa ” của anh Sơn đến thấm lòng. Một chiều leo xe qua vùng núi Pyrénées trời chập choạng tôi đã sợ, tôi vốn sợ khoảnh khắc hoàng hôn nhất của một ngày, nó có thể choáng lên cái đẹp hào quang của mặt trời đỏ rực nhưng vẫn nhuốm phủ một nỗi gì bấp bênh, chia lìa, âm khí. Vậy mà lúc ấy thêm mưa, mưa chẳng dòn dập như người ta thường nói mưa miền núi, một màn khinh khិត bụi nước li ti. Tôi lại bất chợt bay đi, rớt xuống, ngồi chênh vênh trên chiếc ghế con dưới mái hiên một quán cà-phê Hà Nội. Chiều mùa Giáng Sinh đã lách tách rỉ rả cơn mưa phùn. Cậu sinh viên tên T đến tìm tôi ở khách sạn với cô bạn cùng lớp, tôi vừa có một buổi nói chuyện khoa học với các sinh viên ngành Vật Lý tại đại học hôm qua. Trước lúc bước

vào giảng đường, tôi đã đứng lại ở bìa hành lang quét gió, ngó xuống khuôn viên đại học, mắt bỗng ngợp những tà áo dài trắng sáng rung sân trường Gia Long tôi cũ. Xao xuyến hơn bao giờ, hơn tất cả các lần thuyết trình trong hội thảo đồng người, trước mặt sẽ không phải là đồng nghiệp mà những em sinh viên cũng trẻ như tôi ngày nào. Trên đất nước mình, tôi sẽ trực diện với chính tôi của bao nhiêu năm trước. Khi rời bọc gỗ tôi bứt rứt bàng khuâng, cảm giác vừa qua một tương phùng ngậm ngùi lẫn ngỡ ngàng xa lạ. Không, không thể quay ngược thời gian. Và càng đặt câu hỏi tôi càng thấy mình trĩu nặng trong bầu trời ẩm ướt.

Cũng may, chiều nay T và cô bạn đã đến đây, mời “ cô ” đi uống cà-phê, chúng tôi trò chuyện thân tình về đời sống. Khi chia tay, đứng trên vỉa hè nhìn họ chum áo tôi đạp xe song song rẽ sang con đường cuối phố, tôi chợt hỏi những điều mình đã giảng hôm qua, nào định luật siêu dẫn, nào phản vật chất, nào lỗ đen và vượt thời gian...đem lại được gì cho họ ? Tất cả đều xa vời, không thực tế, chẳng dính dáng gì tới việc chất than củi vào lò nung gạch cậu ta phải vội về giúp bố, tới việc gò lưng đánh máy tài liệu mỗi đêm để kiếm tiền của cô sinh viên bờ vai vốn mỏng. Nhưng chẳng ngờ, gần một năm sau, tôi nhận được email của T. “ Em đã tốt nghiệp, đáng lẽ với hoàn cảnh gia đình em phải đi tìm việc nhưng em muốn tiếp tục làm luận án, những đề tài nghiên cứu cô nói hồi nào thật thích. Cô nghĩ sao ? ”. Trong phút giây tôi ngẩn người, lẩn tránh, với thực tế đời sống bên nhà tôi biết khuyên T thế nào cho hợp tình hợp cảnh. Nhưng lòng lại vui vui ngẫm nghĩ : hoá ra, chẳng phải việc làm nào cũng vô nghĩa. Nhớ đến khuôn mặt lạnh lùng, giọng nói rõ không e dè, các câu hỏi tìm hiểu chính xác của T, tự dưng loé lên niềm hi vọng : biết đâu đang khởi đầu một cái gì sẽ khác. Tôi viết cho T những suy nghĩ của mình. Nhiều ngày qua, im hơi lặng tiếng, ngỡ T đã theo hướng đi phù hợp với hoàn cảnh nhất, tôi chỉ mong dù là con đường nào em cũng đi được tới đích. Thế nhưng, một email khác : “ Em đã quyết định theo ngành nghiên cứu nhưng chưa biết nên chọn Vật lý ứng dụng hay Vật lý cơ bản. Cô cho em ý kiến ”. T lại làm tôi thêm ngạc nhiên, sao trong đời sống ấy em còn có thể phân vân như thế được ? Tôi tức thời bảo T, con đường ứng dụng mới đưa đến cơm áo, T nên thực tế hơn, tuy tôi nhớ ai đó từng nói người khoa học mơ mộng lãng mạn nhất, và dẫu rằng vũ trụ được xây trên những điều cơ bản. Xã hội, văn hóa và con người cũng thế, tôi từng đi tìm điều đó ở mỗi chuyến về.

Viết đến đây nhìn ra ngoài trời, con trăng vừa tròn hai bữa trước đã lên sớm, chênh chếch trên mái nhà hàng xóm cách một vườn bên. Gió đang ngắt đi những cánh lá cuối mùa, chao chao mãi mới rơi chạm vào mặt đất rồi lại bị gió bốc bay. Lá rụng về cội, ngày tôi đi du học mẹ nhắc nhở thế. Hôm tôi trở lại ngồi bên mẹ đêm ngày trước khi bà mất, đã lần lăm rồi nhưng vừa nói “ Con mới về ” thì bà hỏi “ Bao giờ con đi ? ”. Giọng mẹ quá yếu nhưng bình thản, không vương vấn muốn giữ chân tôi tựa bao lần trước, thể như vốn sẽ là vậy. Trời lúc này không mưa nhưng chạnh thấy những manh lá rơi, lại nhớ. Xứ này bốn mùa thay hoa đổi lá, thiên nhiên chuyển biến ngoạn mục với muôn sắc thái, mà sao lòng mình không cất nổi những mưa xa.

Mai Ninh

(giữa tháng 12. 2002)

(*) Truyện và thơ Nhã Ca.

(**) Lời nhạc Phạm Đình Chương.

Độc

ÂM VỌNG

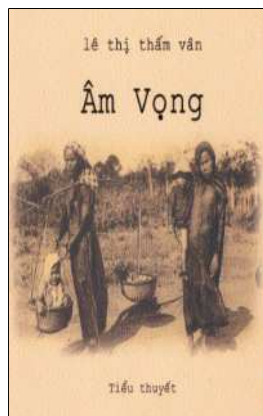
tiểu thuyết của

Lê Thị Thấm Vân

NXB Anh Thư - 2003

PO box 390910
Mountain View,
CA P4039-0910

Văn Ngọc



ÂM VỌNG không phải là một cuốn “ tiểu thuyết ” theo nghĩa thông thường. Nó nằm ngoài lệ. Không phải chỉ vì nó không có cốt truyện, không có mở đầu, cũng như không có kết thúc ! Tuy nhiên, tôi dám chắc rằng bạn sẽ đọc nó một cách say mê, vì tác phẩm của Lê Thị Thấm Vân chuyên chở không ít điều hấp dẫn, mà ở thời buổi này không thể nào bỏ qua được !

Những tám “ bi kịch nhỏ ”, những câu chuyện tình ái, tính dục, v.v., tuy không diễn ra trên quê hương xứ nằng (như trong truyện **Xứ Nằng** của cùng tác giả), nhưng chúng đã được những người Việt xa xứ đèo bồng sang đến tận vùng Bắc Cali !

Thực ra thì ở đâu mà chẳng có “ bi kịch ” ? Bi kịch nằm ngay trong lòng cộng đồng người Việt ở khắp mọi nơi, không chỉ riêng gì ở Cali. Nó nằm ngay trong tâm tưởng và thể xác của mỗi con người : ở đây, đối tượng chính là một thiếu phụ Việt kiều 40 tuổi, có cách sống và lối suy nghĩ tự do, độc đáo, dám nghĩ dám làm, song riêng phần dư lại cảm thấy khá cô đơn !

Một lần nữa, truyện của Lê Thị Thấm Vân lại lấy thân phận người phụ nữ làm đề tài trung tâm. Nhưng người phụ nữ này không phải bất cứ ai ! Đó là một nhân vật đa dạng, phức tạp, đầy nghị lực và khát vọng tự do, nhưng liệu nàng có thoát ra khỏi được những thành kiến và mặc cảm của cộng đồng và của chính mình không ?

“ Âm vọng ” ở đây phải chăng là tiếng gọi cội nguồn ?

Hay là tiếng vọng từ quá khứ, luôn luôn ám ảnh quấn quanh trong cuộc sống thường ngày và trong đầu óc của người thiếu phụ ấy ? Hay tiếng vọng từ Cõi Âm, tức cõi chết ? Từ biển khơi ? Vì biển khơi vừa là cửa sống, vừa là cõi chết đối với những thuyền nhân ? Tôi tìm mãi lời giải đáp. Không lẽ “ Âm Vọng ” lại còn có một ý nghĩa ẩn kín nào khác nữa ?

Người không tin, không mê, những truyện thần thoại, hoang đường, chắc sẽ chỉ đọc lướt qua những đoạn “ dẫn nhập ” – những truyện lấy từ trong **Lĩnh Nam Chích Quái** : Nhất Dạ Trạch, Âu Cơ, Mỵ Châu, Man Nương, mặc dầu họ vẫn biết rằng những truyện tích đó cần thiết để tạo nên một cấu trúc, và phần nào cũng cần thiết cho những điều tác giả muốn minh chứng. Và phải chăng, chúng cũng làm tăng thêm sự đa dạng của không gian truyện : từ không khí truyện tích cổ, bước sang tiểu thuyết đương đại ; từ những bức thư gián dị đến nao lòng của bà mẹ viết cho con, đến những đoạn văn, tùy bút, khá trừu tượng ?

Tôi vẫn thường nghĩ rằng, nhà văn có tài phải là người nói lên được những điều tế nhị nhất của cuộc sống, của tâm hồn, mà người bình thường, tuy đôi khi cảm nhận được, song không diễn đạt được bằng ngôn ngữ viết hay nói.

ÂM VỌNG là một tác phẩm giàu chất liệu của cuộc sống cộng đồng, đặc biệt là cộng đồng người Việt ở Cali. Nó đem cái không khí rất đặc biệt ở đây, với những nhân vật bằng xương bằng thịt, và những “ bi kịch nhỏ ” của họ. Cách kể chuyện sinh động, tự nhiên, không mặc cảm của tác giả, độ chính xác và nhuần nhuyễn của câu chữ, đã góp phần tạo nên một phong cách riêng biệt.

Nhân vật người thiếu phụ trong truyện là một nhà văn. Bà nói về quan niệm viết văn của mình như sau :

“ *Viết, là tự khẳng định, xác nhận. Viết là khám phá. Viết, cần sự an ủi, chia sẻ. Viết, mong muốn được tự do. Viết, là niềm cảm khoái. Viết, tranh giành sự độc lập, tự quyết. Viết, trong thời cảnh hiện nay hiếm hoi nghĩ đến sự đền đáp. Viết, một ám ảnh lớn lao. Viết, là một cách nhận ra khả năng giới hạn của nhận thức, nhưng tưởng tượng thì không bao giờ cạn kiệt. Viết, nói lên sự chọn lựa cách thế sống, thái độ sống. Nhà văn, người sử dụng tiếng nói, ngôn ngữ. Ngôn ngữ là ma lực quyến rũ. Viết, chấp nhận nghịch lý. Viết, say mê tìm kiếm cái mát mát khi không thể mát mát. Viết, trò chuyện với bóng mình. Viết, đi tìm giọng nói của nữ giới. Viết, là rị mọ, lục lội, tìm tòi, khám phá. Viết, cách thức tâm phân trị liệu. Viết, tìm lại ý nghĩa sự hiện hữu của mình trước những điều thiếu hụt. Viết, cũng là một cách tự huỷ diệt, bôi xóa. Viết, lựa chọn sự khó khăn, đồng thời không kém phần buồn tủi... (ÂM VỌNG, tr.63)*

Quả là người thiếu phụ ấy cần khẳng định vị trí xã hội của mình ! Thậm chí, bà cần khẳng định sự tồn tại của mình như một người đàn bà có ngang quyền với đàn ông, nhất là trong tình yêu nam nữ :

“ *Bà nắm cái laptop (máy vi tính xách tay) vương vức, nhỏ nhắn. Bà khẽ đưa tay vuốt ve nó, tỏ lòng biết ơn sâu xa. Qua rồi thời đại pen=penis, bút = buôi. Cơ chế phụ quyền đang trên đà rung rinh. Xương sườn đất sét A dong đã vỡ vụn. Thế kỷ (tới) đàn bà là đàn bà. Karma được định nghĩa lại, hiểu theo bản hợp đồng ký kết, giao kèo giữa con người và con người. Sinh đứa con gái hết còn là nỗi bất hạnh mà là niềm vinh hạnh. Trăm đứa con gái không bằng hòn đá đứa con trai trở thành câu diều dỏ của kẻ mất trí. Máy giặt ra đời giải quyết mỗi ngày hàng giờ cho tỉ người đàn bà ngồi còng lưng chà vò sát vắt, đóng áo quần gộp lại cao không thua những quả núi trên địa cầu. Những viên thuốc ngừa thai tí xíu như hạt gạo giải thoát thân xác người đàn bà, phải xoá sạch mọi biên cương, bờ cõi. Đã qua cái thuở xa xưa thiếu nữ xinh đẹp ngủ trong rừng đợi chờ chàng trai hào hoa phi ngựa cúi xuống ban bố nụ hôn, đánh thức sự thèm khát, phả sức sống cho nàng. Rồi chàng trai truất ngựa truy phong. Người thiếu nữ theo thời gian trở thành thiếu phụ bế con nhăn nheo chờ người đàn ông trở lại, người thiếu phụ trở thành vô dụng, vô tích sự đến độ hoá đá. Đàn ông đứng ngang hàng đáng Thượng Đế toàn năng, toàn quyền. Ban cho đàn bà sự sống, sự sướng. Và rồi, chính họ, vắt cạn sự sống, sự sướng nơi người đàn bà ”. (ÂM VỌNG, tr.65)*

Bà sẽ còn đẩy xa hơn nữa sự so sánh giữa hai phái về mặt tính dục :

“Tối qua mình nằm nghĩ thật tình như vậy : đàn ông khoẻ mạnh trẻ trung to con cỡ thằng Mẽ (Mexicain), một ngày ra ba lần là là hết xí quách, đi chân nam đá chân xiêu, mắt nhìn gà hoá chó. Còn con mẹ đàn bà, như tụi điếm, làm tình một ngày cả tá thằng đàn ông chẳng sao cả, vẫn ca vọng cổ, cái lương rất ư mùi mẫn, vẫn gánh nước đi khơi khơi... Đúng ra đàn bà có thể lấy một lúc nhiều chồng được, chứ tại sao một ông mà có hàng lối bà vợ được ??? (Trai năm thê bảy thiếp). Một bà có thể làm thoải mái ba thằng đàn ông trong cùng một lúc. Còn đàn ông là no way ! Không cách chi làm thoải mái được mẹ vợ thứ ba chứ đừng nói chi đến mẹ vợ thứ bảy !!! (Gái chính chuyên chỉ một chồng). Chắc vậy mà đàn ông hay sợ quê, thấy mình bị lép vế, yếu kém thua đàn bà nên ư toác họng uốn ngược thằng nào cũng mạnh mẽ cho ta đây mạnh khoẻ, sức lực dồi dào macho “đêm bảy ngày ba, loe ngoe chưa tính”. Dóc tổ mẹ. Toàn là một lũ nói cho đã miệng. Thằng nào cũng nhiều đào, nhiều em, nhiều vợ... Cả một lũ nằm mơ. Thời thì cho tụi nó ước ao sống tận cùng với những giấc mơ, nhưng trong thực tế tụi nó tự biết là đeo chẳng bao giờ đạt được.” (ÂM VỌNG, tr.126)

Tôi sẽ không bình luận thêm về những lời khẳng định của nhân vật nữ (khá đáng để) này, nhưng cũng phải công nhận rằng trong văn chương Việt Nam, ngoài Hồ Xuân Hương ra, tôi chưa thấy ai như Lê Thị Thấm Vân đã dám nói huých toét ra một số vấn đề tính dục như vậy, và bằng một giọng rất... sành sỏi, điệu nghệ !

Đoạn văn sau đây sẽ minh chứng thêm cho những điều tôi vừa nói ở trên :

“Làm đàn bà khổ hơn người làm ruộng làm rẫy làm nương bên nhà. Khổ hơn người Mẽ hái nho hái táo hái dâu bên này. Kiệt lực, kiệt sức, kiệt quệ. Mẽ hái, Việt gặt, còn có mùa màng hẳn hoi. Mình hái, gặt đàn ông Việt Mẽ Ấn quanh năm bốn mùa mà lúc nào cũng bị thất mùa. Cút loay hoay từ tóc tai da háng đùi vú lồn chim rốn bụng chẳng khác mấy cha thợ hớt tóc bên nhà uốn ép sẩy nhuộm cắt tỉa gội... đủ chín món ăn chơi.” (ÂM VỌNG, tr. 148)

Nhưng đọc ÂM VỌNG không phải chỉ để nghe những câu chuyện về tính dục ! Và chẳng, cuộc sống của người thiếu phụ tuổi 40 kia cũng không phải chỉ khuôn lại ở những cuộc làm tình, hoặc... thủ dâm ! Hoàn toàn không.

Nói về tuổi thơ của người thiếu phụ và nhân vật người bố (được gọi là ba) trong truyện – một nhân vật khá “nhút nhát” và mờ nhạt – tác giả viết :

“Ba cô không bao giờ dặn dò điều gì khi còn sống. Một lần trong giấc mơ đêm tân hôn, ba cô hiện về, đứng xa ở góc phòng có màu tối che chắn : “MÀY hãy làm người tự do. MÀY cứ sống như MÀY muốn sống. MÀY cứ đi nơi nào MÀY muốn đi. MÀY muốn nói những gì MÀY nghĩ. MÀY cứ làm bất cứ điều gì MÀY muốn”. Cô thức dậy, tưởng tượng khuôn mặt bên lên của ba cô trong giấc mơ. Những lời lẽ quyết liệt dám sống không làm cô ngạc nhiên, nhưng những chữ MÀY MÀY MÀY phát ra từ đầu miệng ba cô làm cô hoảng sợ suốt ngày hôm đó. Qua ngày hôm sau, trong lúc ân ái cùng chồng, cô lẩm thảm “có lẽ ba em không được chôn cất kỹ anh ạ”. (ÂM VỌNG, tr. 27)

Đọc ÂM VỌNG, người chưa từng đặt chân tới Cali cũng có được cái hứng thú khám phá ra một vùng đất lạ, nơi có một

cộng đồng đông đảo người Việt định cư sinh sống, mà không quên đem theo cái nền văn hoá ẩm thực hàng quán rất nên thơ của mình (ít ra là qua ngôn từ tiếng Việt !)

“Quán cà phê bà đến gần như mỗi buổi sáng, khi còn mang tên J.J., sau này đổi chủ, quán đổi lấy tên con đường. Tên trước lẫn tên sau không gì đặc biệt, như khuôn mặt tròn trịa trắng trẻo trơn tru của ông chủ mới. Bà gọi nó **Buổi Sáng** để phân biệt với những quán khác, như **Buổi Chiều**, bà hay ghé vào buổi chiều. **Nắng Đuối**, nắng nơi đây ăn lan rất nhanh. **Mưa Xối**, trần nhà ở đây lợp bằng kiếng, mùa mưa, nước trút như thác. **Biển Động**, quán nằm sát xa lộ 237 và 880, xe chạy ào ào nghe như sóng dội ngày giông...” (ÂM VỌNG, tr.40)

Người ta có cảm tưởng con người ở đây sống nhiều với kỷ niệm, hay đúng hơn, họ bị ám ảnh nhiều bởi những kỷ niệm đã khắc sâu vào đời họ – như những vết thương không thể nào lành da – khó có thể nào quên được.

Dưới đây là hình ảnh một cái tết ở Cali do người mẹ kể cho con trai ở xa :

“... Không khí tết vây quanh góc chợ Lion. Gió lùa thông thốc, lạnh buốt. Giọng Duy Khánh ca bài Xuân này con không về rất đổi ngậm ngùi, má đứng lặng nghe, đầu nhào và đỡ đi một chút. “Đón xuân này tôi nhớ xuân xưa...” Giọng Giao Linh nức nở giữa đám người tấp nập kẻ sắm người mua, lựa hàng, trả giá. Cũng người, cũng tiếng nói, cũng hàng quà, cũng tinh thần tết nhất, nhưng không khí tết trên đất người giờ đây chỉ sót lại bên trong góc chợ này. Phóng tầm mắt bên ngoài đường King, Tully, những chiếc xe đang lăn bánh hay dừng, chở người ngồi trên đó, má tin chắc rằng tết nhất chẳng có trong từ điển cuộc đời họ. Người níu người, níu lòng cố hương, níu không khí tết năm xưa nơi quê nhà, nơi chôn cuống rún, nơi những người thân yêu còn sống hay đã khuất. Má thấy tội tình làm sao con ạ” (ÂM VỌNG, tr. 197)

Song, nhức nhối hơn hết, vẫn là những kỷ niệm thuyên nhân với những hình ảnh khó có thể xoá nhoà được :

“Tối qua má nằm mơ, giấc mơ ngắn ngủi nhưng làm má buồn bã suốt cả ngày nay. Cảm giác đau đớn ở vùng tim, má lần má đưa tay xoa lên ngực trái như thể tự vuốt ve xoa dịu mình. Hình ảnh cái ghe giữa dòng nước, vạt chốc biến thành cái lá xoáy giữa dòng, nơi má con bị xoáy cùng cả trăm người khác. Trong giấc mơ, má ngửi mùi tanh tươi rong biển, rờ chạm mảnh gỗ nhám khô. Những ngón tay bấu chặt thành ghe, nhát dao chặt, đứt lìa ba ngón. Ba ngón tay rơi vãi, máu tuôn loang giữa biển khơi. Nhát dao nhanh gọn đến độ má chưa kịp bưng mắt. Nắng nóng ngát trời. Tiếng rên la. Tiếng ngen trong cuống họng. Ngã té bổ nhào của từng loạt bà mẹ gào thét ôm con. “Lạy, lạy họ đi con, lạy họ tha cho, con ơi !” Lạy những người đàn ông nói tiếng như tru, hú giống thú. Đám đàn bà con gái quỳ lạy vái van xin giữa tiếng rú cười hét hò quát tháo. Âm thanh thọc thủng tai. Hai bên đồng hiểu, người xin tha, kẻ không muốn. Chúng dùng hai chân đá và hai tay ghì. Những người đàn ông, con trai nhúc nhích là bị xô xuống biển. Ba ngón tay đã là lời cảnh cáo. Cái búa đập vào màng tang người đàn ông kháng cự đang nằm trong khoang không biết đã chết hay còn ngắc ngoải. Ba ngón tay níu lấy thành ghe như rán giầy giữa đồng lũ kêu cứu van lơn. Đám con nít lùa xuống khoang, níu chặt lấy nhau. Con ơi, níu lấy má. Má

thất kinh hồn vía, ôm chặt hai con vào lòng. Bốn bàn tay mà như trăm ngàn bàn tay bấu lấy chặt người má. Rồi nào có được tha ! Má nhắm mắt, hai con hiện hình, đốn đau tui hận đâm lì, rồi thiếp ngất, đốn đau rã tòi thân xác. Một cô gái lồm cồm bò dậy, nằm úp mặt lên ngực má, tí tì gọi má ơi ba ơi. Má lại nhắm nghiền mắt. Tiếng hai con gào gọi má. Má biết, má nghe, má nằm im điệp lặng. Nhắm mắt để được ôm ghì hai con, che chở cô gái. Người má nhão sinh như cọng bún dầm nước. Tiếng rên gào thét van xin bằng Việt Anh Pháp Tàu. Mặt trời chói lòà, nổ đom đóm. Khi sợ hãi quá, má bỗng bình tĩnh một cách lạnh lùng. Và ngay giây phút ấy, má phải sống. Sống hùng sống mạnh. Sống với bất cứ giá nào...(ÂM VỌNG, tr.257)

Âm vọng của biển khơi và của những cơn ác mộng xưa sẽ còn đeo đuổi người thiếu phụ ấy ngay cả trong những khoảnh khắc sống hiện tại bình yên nhất :

“ Minh thương của má,

Tối qua má ngồi coi cuốn video *Thuyền & Biển của nhà xuất bản Viên Thao*. Giọng ca Elvis Phương rên rĩ thổ than, điệu bộ (cổ) uốn éo khổ đau vì tình :

Chỉ có biển mới hiểu

Biển mệnh mông nhường nào

Chỉ có biển mới biết

Thuyền đi đâu về đâu

Những ngày không gặp nhau

Biển bạc đầu thương nhớ...

(Xuân Quỳnh, *Thuyền và Biển*)

Phải yếu đuối, lãng mạn, yêu đương tha thiết lắm mới nghĩ ra được lời lẽ như thế. Ví người tình mình là bể khơi, dào dạt những cơn sóng bao la phủ trùm. Xuân Quỳnh, nhà thơ nữ trong nước, sống và lớn lên ở miền Bắc đã sáng tác bài thơ đó.

Nhưng riêng má, và những người tị nạn vượt biên bằng đường biển, thì lời nhạc chỉ gọi lại nỗi kinh hoàng sợ hãi co rúm người. Nhạc vang dội kèm theo tiếng lũng bùng ghe máy nổ. Giọng hát vọng lại lời khẩn cầu van xin từ đáy biển khơi. Những đợt sóng cao hung hãn trùm phủ con thuyền mong manh trôi tuột dần vào không gian thăm thẳm trời đêm. Đốt lửa làm tín hiệu, đồng thời là đốm hy vọng, tin rằng, ngày mai trời lại sáng [...], hôn con”.(ÂM VỌNG, tr.273)

Văn Ngọc

Tìm đọc

HỢP LƯU

tập san văn học nghệ thuật biên khảo

18939 Magnolia Ave, Fountain Valley, CA 92708 USA

Tel (714) 965-4651 • Email : hopluu@saigononline.com

<http://www.hopluu.org/>

♦ nơi quy tụ những cây bút nổi tiếng

của trong nước và ngoài nước

♦ nơi gặp gỡ những tâm lòng tha thiết

với văn học Việt Nam

đại diện tại Âu châu : Mme Nguyễn Thị Xuân Sương

60 Ave Romain Rolland, F-93200 SAINT-DENIS

Tel : 33 (0)1 48 27 13 45

Lời người dịch : Tác giả Dominique de Villepin, sinh năm 1953, đương kim bộ trưởng Ngoại Giao Pháp, là người phát ngôn cho chính sách hòa bình đối lập với đường lối chiến tranh Bush-Blair trong vụ tập kích Irak đầu năm 2003. Nơi đầu sóng ngọn gió của bang giao quốc tế, ông đã đồng thời cho xuất bản một khảo luận về Thơ, **Ngôi ca những Người Cướp Lửa**, tượng trưng cho Người Làm Thơ, qua hình ảnh mượn của Arthur Rimbaud, lấy từ huyền thoại Prométhée.

Tác phẩm de Villepin hơn 800 trang, súc tích, là một chứng từ quan trọng và cụ thể của địa vị Thơ trong đời sống, ở nhiều tầng cấp, chiều kích và thời đại.

Gọi là một trường luận thi ca nghiêm minh cũng được. Hay một trường ca thi luận đằm say, cũng không sai.

Đặng Tiển dịch - Trang 35-37

giới thiệu và ghi chú

Pentecôte 2003

Trong tôi ngân vang những từ ngữ mang mang hy vọng và hăng say, chất muối và sự sống, ngọn lửa sưởi ấm những lúc buống tay và soi sáng vào cơn ngờ vực.

Một câu thơ Rimbaud hay Célán cũng đủ ngời sáng như vệt thuốc nổ chạy dài đến chân mây cuối một ngày. Nó đột nhiên bùng cháy, nổ tung giới hạn, treo mắt nhìn lên những vòm trời khác.

Trong khi các trò chơi quyền lực thiêu rụi, thì bếp lửa thi ca vẫn âm âm nguồn nhiệt lượng, tụ điểm của tâm thái ung dung và triều cảm trung dung. Ngọn lửa không cần cỗi mà nâng cao. Ngay trong đà suy thoái tự nguyện, nó vẫn minh chứng chiều cao. Không vết tro than, không bọt đắng cay nơi người cướp lửa, chỉ một niềm đằm say nói lên thế giới.

Qua những tấm gương phản chiếu, sau lớp lớp liễn trường vàng son, tôi đã từng thấy bao khuôn mặt méo mó vì sợ hãi, bao bàn tay co quắp, bao bước chân xiêu vẹo, tôi đã từng nghe bao lời lẽ tổn thương, dội vang những tràng cười và khinh mạn. Rồi khi ngọn triều công phẫn dâng lên, thì tiếng rì rầm bội tăng mấp mé các cung đình. Khi ấy, ngọn gió hùng hực lửa thổi tan ám khí của tuyệt vọng, cắt đứt dây neo, vạch ra con đường nơi khác khi mọi lối thoát đều bế tắc. Trên đỉnh hố hỏa sơn băng giá, ngọn núi thơ vọt lên từ những triền non thủng lỗ chỗ bao nhiêu cơ hàn và bão tố.

Bạn thơ ơi, tôi nợ các bạn niềm nôn nao và nổi bất bình. Tôi nợ nhau cơn khát khao và khát vọng một nét sáng trong tâm cảnh.

Từ những mặt nhật đầu tiên cuối thời Trung Cổ, con người bị ném tung như những miếng mồi, cảm thấy cô đơn trước thời gian dị hình, đồng lõa với bóng đêm 1) đe dọa và làm lóa mắt. Giữa ngục thất của bóng tối, thơ nắm giữ chìa khóa, đối mặt với những tâm địa bó buộc trong tín lý hay luận lý. Cùng với địa cầu quay tròn từ đó, và xô dịch những cái mốc của thời đại thì cảm lặng và gào thét đã chồng chất lên nhau, trộn lẫn vào nhau trong cõi hỗn mang. Và để vạch ra một lối đi giữa đám lầy, phải có tia sáng mới, đáp ứng với cái dị hình và phù phiếm. *Tài thơ như ngọn lửa (...bập bùng le lói nơi nơi/trong bóng đêm tia sáng rạng ngời) 2) .*

Nguồn sáng ấy phân chia thời đại. Và tạo ra hố sâu, từ một Villon trên thập ác tử hình đã dựng lên tâm vóc cho sự nghiệp,

Dominique de Villepin

Ngợi ca những Người Cướp Lửa

trong khi các núi lửa đang lùi bước trên mặt đất. Những kẻ đoan chính, người cướp lửa, chỉ sống còn sau điểm cao ngọn lửa bằng mã tấu và những ngọn đuốc sưởi ấm nhiệt tình, nung chảy cho đến chất vàng trên trang hợp bản.

Sau khi cung cấp lời ca cho bộ lạc, thơ đã cố gắng hiển tiếng nói cho con người để đốt sáng trần gian. Thơ đã tìm lại được tự do khuất lấp từ thời hang động ; dù rằng trong hoang mang choáng ngợp trước vô cùng, thơ vẫn phải tìm hơi ấm trong vòng tay những mô hình thượng cổ. Mỗi tia sáng hồ hẹn một bờ xa bến lạ, trước khi ngọn lửa phân biệt ngày đêm ngõ hầu vạch lối đi cho một *bước chân thẳng lợi* 3). Điều cần thiết, không hẳn là hy vọng, mà là một vùng đất thuận lợi cho cuộc khởi nghĩa, một không gian phản kháng trong vệt xe bốn mùa xuân hạ.

Bằng chinh phục chứ không phải trong sùng bái lạc hậu, mà có thể thử thách lời bùa chú phục sinh đời sống mới. Như vậy, những người cướp lửa có thể sải bước trên khắp nẻo đường bờ bụi rồi ôm một bó ớt cay, họ đã gìn giữ chất người và tuyên xưng một vương triều ngắn ngủi. Những *ống sáo*** thơ sơ* 4) sẽ duy trì bao nhiêu cuộc hợp hôn diễm lệ, thơ ôm ấp lấy đời qua những tác phẩm chân chính rờn rờn nước hồng sắc máu.

Ngọn lửa âm âm trong lòng huyền nhiệm, nơi người thơ tìm nguồn nước uống. Bằng trọn vẹn bản thể, bằng sáng tạo ngôn từ, người thơ lao mình vào một cuộc hành cước tìm nguồn. Vì huyền thoại Prométhée* không chỉ minh họa một việc ngợi ca động tác phạm pháp, hay chinh phục ngọn lửa cấm kỵ, khai minh cho mặt trời, hay tự hủy trong hỏa thiêu. Nó còn mang ám ảnh những tiếp xúc với vĩnh cửu trong khoảnh khắc, tiếp xúc với tuyệt đối trong phối pha, với trường cửu trong nhân sinh. Hình phạt cho người thơ sẽ là : tái sinh trong hiện tại triền miên, với niềm đau nổi nhức một lá gan vĩnh viễn bị rủa rới.

Cũng như lời thơ không chịu khuất mình tù hãm trong từ vựng và cú pháp thực dụng, người thơ khước từ số mệnh lẫn cái tầm thường trong cõi sống, lệ thuộc vào chu kỳ tuổi tác.

Người cướp lửa muốn vượt qua trường thành, chọc thủng bí ẩn, chiếm hữu sự trau dồi. Đối diện với thiếu vắng và mất mát, thi nhân thiết lập một hành trình câu thị, về một thời gian tính khác, một thân phận mới, một tri thức cao hơn, so với ngăn nắp của thói quen, những dập xóa và luyến láy, trở ngại cho việc nở trướng khai hoa.

Người anh em của Prométhée chính là Orphée** đã xuống âm ty tìm người hiền thê khuất bóng. Eurydice không trở về, nhưng người thơ đã thực thi được hành trình qua chuyển đồ của linh hồn, đã chiến thắng được cõi chết nhờ vào cây đàn***. Cây đàn có số giây tương đương với con số Thi Tiên, cây đàn đã khuất phục các ngư nữ Sirène và con ngục khuyển Cybère.

Dominique de Villepin

Eloge des Voleurs de Feu,

830 trang, nxb Gallimard, 2003, Paris

Ghi chú của tác giả :

- 1) William Shakespeare, Toàn Tập, Francois Victor Hugo dịch, 15 tập, 1859-1865, G.F. Flammarion tái bản, Richard III, Romeo và Juliette, Hamlet, 1979, tr. 130. Thời gian dị hình là một chủ đề liên tục trong tác phẩm Shakespeare, xuất hiện trong Kịch bản, qua bánh xe lịch sử nghiêng nát và biến dạng các thế kỷ, cũng như qua những bài thơ sonnets.
- 2) Pierre Ronsard, Bi Ca gửi J. Grevin, Toàn Tập, ấn bản Jean Ceard, Daniel Menager, Michel Simonin, nxb Gallimard, Pleiade, cuốn II, 1994, tr. 1112.
- 3) Arthur Rimbaud, Vĩnh Biệt Mùa Địa Ngục, trong Toàn Tập, ấn bản Piere Brunel, La Pochothèque, 1999, tr. 246.
- 4) Lời của Virgile (Bucolique, Thôn Ca, tập đầu) được Jacoby chủ bút báo Tiến Bộ — Progres — nhắc đến trong thư trả lời Rimbaud, tháng 11 năm 1870. Đăng lại trong Thư Tín. Ernest Delahaye trích dẫn trong *Kỷ niệm thân thiết với Rimbaud*, 1925. “ *Hoàn cảnh không thuận lợi cho những “ ống sáo thơ sơ ”*. Pierre Brunel trích dẫn trong *Người Không Tìm Rimbaud*, l’Herne, 1999, tr. 65.

Lời người dịch : những cước chú trên đây đều là của tác giả, có khi tỉ mỉ quá mức cần thiết. Nhưng nó chứng tỏ cách làm việc nghiêm túc, và tác giả chịu khó đọc sách mới. Trong cơn cao hứng, ông vẫn giữ phương pháp chính xác. Nói chung, các cước chú cần thiết cho người nghiên cứu về sau, và lắm khi mang lại những lý thú riêng : tư tưởng của tác giả có khi nằm trong những cước chú.

Ghi chú của người dịch :

* Prométhée : Một huyền thoại cơ bản trong văn hóa Hy Lạp và Tây Phương. Prométhée thuộc dòng họ Titan, được Thần Linh chiều nạt, đã cướp một bí ẩn của Thần Linh để cung cấp cho loài người, là ngọn lửa. Ngọn lửa làm khởi điểm cho Tri Thức đưa đến Văn Minh, và cuộc Phản Kháng của con người cưỡng lại Vật Chất và Định Mệnh.

Thần Linh ra tay trừng phạt, buộc Prométhée vào tảng đá cho ó điều ngày ngày rửa rói lá gan, lá gan ngày ngày mọc lại, cho đến khi Hercule dệt trừ loài ó và phóng thích.

Prométhée là đề tài của nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật Phương Tây.

** Orphée : một truyền thuyết phức tạp trong huyền thoại Hy Lạp. Orphée - con một nàng Thi Tiên (Muse) - là người phát minh cây đàn cithare và được thần Apollon ban cho cây đàn lyre 7 dây. Ông thêm 2 dây vào đàn, thành 9, cho đủ số các Thi Tiên, gồm 9 nàng .

Tiếng hát và điệu đàn mê hoặc thần linh, lẫn con người, từ cảm thú cho đến vật chất. Kết hợp lời thơ và điệu nhạc, Orphée khuất phục các Ngư Nữ (Sirènes), và con chó Cybère canh giữ âm ty, trên đường tìm lại người vợ đã chết là Eurydice. Chúa Âm ty bằng lòng cho nàng trở lại dương gian nếu Orphée không quay lại nhìn. Nhưng chàng đã vô tình nhìn lại, khiến cho Eurydice phải vĩnh viễn khuất bóng.

*** Cây đàn lyre đối lập với *ống sáo thơ sơ*, vì cây đàn cho phép vừa đàn vừa hát, kết hợp điệu nhạc với lời thơ ; trong khi ống sáo là một nhạc khí nguyên thủy, sử dụng hơi thở tự nhiên.

Ống sáo của Dionysos, so với cây đàn của Apollon là sự đối lập giữa Thiên Nhiên với Văn Hóa.

Trong bài này tác giả sử dụng nhiều điển tích trong văn học và truyền thuyết thế giới.

Xem “ Gái Nhảy ”

Tôi thuộc dạng người có tật dị ứng (chắc là đông ở cái thời buổi thống soái của phương tiện truyền thông đại chúng này) trước những hiện tượng ùn ùn kháo nhau đi xem một phim mới ra lò (của Hollywood). Thế nhưng, là một Việt kiều về thăm quê, thích xi-nê mà cũng canh cánh cùng nền điện ảnh nước nhà, tôi hào hứng xé rào. Vậy là, vào một buổi chiều bụi mưa lất phất thảng tư Hà Nội, ngồi rạp Tháng Tám, gần Hồ Gươm, xuất 2 giờ 30 trưa, tôi cùng một số khán giả (khoảng hơn trăm người, đa số trẻ trung, chỉ lưa thưa vài mống “ sồn sồn ” như tôi) đột nhập vào cái thế giới “ Gái Nhảy ” của đạo diễn Lê Hoàng và ê-kíp mà gần đây khiến giới trẻ Sài-Thành rồi Hà-Thành có phần xôn xao.

Đây là cái thế giới “ nhảy ôm ” của hai cô gái : Hoa (Mỹ Duyên), gia đình giàu có, được chiều chuộng nhưng bị bỏ bê, nghiện ma túy, nhiễm HIV, bất cần cả đến chuyện bán thân lấy thuốc và truyền bệnh cho đàn ông ; Hạnh (Minh Thư), tuổi thơ nghèo khổ, sa chân vào cái nghề bạc bẽo nhưng vẫn mơ một mái ấm gia đình, niềm vui duy nhất : đến thăm người đi sống lam lũ ở khu nhà sàn lụp xụp ven sông. Cuối phim : Hoa, mất mạng vì một liều chích heroin; Hạnh, biết mình cũng bị nhiễm HIV, thương tử phạm mình phạm bạn, thốt lên tiếng kêu thống thiết trước một hội nghị quốc tế về căn bệnh đáng sợ này. Đây cũng là xen cuối của phim : một thiên phóng sự xã hội phòng chống ma túy / HIV, lồng trong một câu chuyện với nhiều hướng gay gắt (một trận đánh hội đồng, một cuộc “ mua vui ” hội đồng, một trận trả thù hội đồng, vài cuộc ẩu đả giữa các nhân vật nữ, vài con hít chích heroin), và những chi tiết phác họa lên một số khía cạnh của nền kinh tế tiêu thụ hiện nay (nhà cửa, xe cộ, thời trang, nhạc “ trẻ ”, văn hóa sắc đẹp, hậu trường các cô ca-ve, du lịch Việt kiều ...

Nhìn chung, đối với một phim Việt Nam, “ Gái Nhảy ” được thực hiện qua một tiết tấu tương đối nhanh và động, ống kính hay di chuyển và thay đổi góc cạnh, theo standard làm phim hiện nay. Các biến cố tiến đến cao trào một cách có liều lượng và tuyến tính, nhằm tạo sự lôi cuốn, và giữ sự chú ý của người xem. Kịch bản, đối thoại, diễn xuất, chủ yếu dừng ở việc kể và miêu tả, không đặt nặng việc xây dựng, đào sâu tính cách nhân vật, đôi chỗ thiên về cách thể hiện sân khấu (cuộc tranh luận giữa cô nhà báo và ông chủ nhiệm khi nhân vật này tâm huyết đưa ra “ tuyên ngôn ” làm báo của mình ; hoặc trường đoạn tả cuộc cãi vã giữa các cô gái và nhân vật má mì, chủ vũ trường, vừa ôn ẻn vừa tàn nhẫn, khi tay này buộc các cô phải ráo riết tập dợt màn ca-ba-rê). Dàn dựng, trang phục, ánh sáng được thể hiện kĩ, nhưng âm nhạc, ở nhiều chỗ, lại tỏ vẻ “ làm phiền ” hơn là giúp sức khơi gợi cho hình ảnh (trừ đoạn Hạnh về thăm khu xóm nghèo, tiếng nhạc “ cụ thể ” phát đi từ một chiếc xe bán kem rong, hay gặp trên đường phố hiện nay, vắng vắng, lập đi lập lại, ám ảnh, gợi một một chiều kích nhân sinh thâm thúy).

Nếu nhìn điện ảnh dưới góc cạnh một ngôn ngữ khơi gợi thuần bằng hình ảnh và âm thanh, thì người ta cũng thấy trong “ Gái Nhảy ”, đạo diễn Lê Hoàng đã đưa vào phim vài xê-căng rất đẹp và hiệu quả. Chẳng hạn như đoạn quay gián tiếp tả một “ nghi thức dọn mình ” cho nhân vật Hạnh trước khi về lại, dù chỉ chốc lát, cái thế giới nghèo khó thanh bạch của người đi.

Để làm điều này, cô đã phải bơi qua một khúc sông dài, dòng sông rồi các gáo nước trong như tẩy sạch những ưu phiền của một cuộc sống thực tế tàn nhẫn trên thân thể cô, trả lại cô vẻ tươi mát trong bộ áo cánh mà nó đùa với trẻ nhỏ. Nhưng phải nói, cao điểm của cả phim là ở trường đoạn đẹp nhất và mang tính ước lệ cao nhất trong sự thể hiện hình ảnh : cảnh buổi sớm mai trên bãi biển, sau đêm Hoa phải chịu vùi dập để đổi heroin. Hưng phấn (có lẽ do tác động của thuốc hoặc những ước mơ bị ức chế), thướt tha trong chiếc áo dài trắng, Hoa được đàn trẻ cắm trại trên bờ cát, cũng mặc đồng phục trắng, ùa đuổi theo như trong một cuộc chơi cút bắt. Đoạn quay giàu tính mơ hồ và tưởng tượng, như một giấc mơ (đặc thù của ngôn ngữ điện ảnh, theo nhiều đạo diễn bậc thầy). Chỉ tiếc là tác giả đã hơi quá kéo dài trường đoạn này, và sau đó lại lấy hình đoàn trẻ một lần nữa ở đoạn tiếp (phải chăng là để chứng tỏ cho khán giả hiểu : đây chỉ là một thứ chủ nghĩa hiện thực như thông thường được phản ánh ?)

Mỹ Duyên trong vai Hoa, tuổi dưới vị thành niên, qua cách ăn mặc, làm người xem nghĩ đến cô gái mãi đảm trẻ, do Judie Foster thủ vai trong phim Taxi Driver hoặc một Lolita theo version gần đây (chính cô đã tự xưng mình là Lolita Hoa trong xê-căng ngồi xích đu trả lời cuộc chất vấn của nhà báo - rất đạt về đối thoại lẫn diễn xuất). Diễn viên nữ này đã thể hiện một lối đóng có hệ thống qua một kiểu ngôn ngữ “ cơ thể ” (lần đầu tiên thấy trong điện ảnh Việt Nam?), theo nghĩa là, qua những chuyển động, múa máy chân tay, nét mặt...v.v. cô tạo cho nhân vật một tính cách tâm lí luôn biến động, không yên, ức chế (ăn kem bằng cách mút tay, nhào lộn trên bãi biển, nhảy thót lên giường ngồi nức nở thổ lộ tâm sự với Hạnh trước khi tiêm liều heroin định mệnh...v.v.)

Ai cũng biết “ ăn khách ” và “ nghệ thuật ” là hai phạm trù, hai giá trị khác nhau. “ Gái Nhảy ” không gây xôn xao vì những khía cạnh nghệ thuật thuần điện ảnh của nó mà chủ yếu là ở những khía cạnh xã hội và thời sự. Cuốn phim là tiếng kêu cảnh báo/lên án tệ nạn ma túy - mãi đảm - HIV; và qua đó phần nào cho thấy một số tín hiệu về cái look bề ngoài của cả một thế hệ trẻ đang hình thành trong khung cảnh bùng ra của nền kinh tế thị trường, đời sống vật chất dồi dào hẳn lên, các tiêu chí về thời trang, về cái đẹp thân thể, về cách ứng xử, về cách tiêu thụ v. v., đang có những thay đổi mạnh mẽ so với các thế hệ trước. Hơn nữa, cùng với các khu vực khác trong sinh hoạt xã hội, văn hóa giải trí đại chúng, đã hoặc đang rục rịch hình thành cho chúng một thị trường và những siêu sao “ cây nhà lá vườn ” (sự nổi danh của vài nhà thiết kế thời trang, của một số ca sĩ nhạc trẻ, của đôi ba ban nhạc Rock...), sự thành công của “ Gái Nhảy ” theo chiều hướng này, có thể là một ví dụ như bước đột phá đối với điện ảnh trong nước. Chắc cuốn phim sẽ tạo một cái “ trend ” mới, rồi sẽ được nhiều nhà làm phim chú ý khai thác và đầu tư (Lê Hoàng và ê-kíp nghe đâu đã bắt đầu bắt tay vào việc thực hiện “ Gái Nhảy II ”).

Trở lại buổi chiều bụi mưa lất phất xem xi-nê ở Hà Nội, ra khỏi thế giới “ Gái Nhảy ”, dù tâm trạng có phần phấn khởi trước sự thành công của phim theo tinh thần : “ Trước mắt hãy coi khán giả là thước đo cao nhất. Hiện nay, điều cấp bách là kéo khán giả vào rạp ” (Lê Hoàng), nhưng trong tôi, nỗi canh cánh vẫn còn đó, về một nền điện ảnh không chỉ có khả năng thực hiện được những phim ăn khách “ cây nhà lá vườn ” như “ Gái Nhảy ”, mà còn sản sinh được cả những tác phẩm điện ảnh có tầm cao nghệ thuật như những thành tựu của nền điện ảnh Iran đương đại.

Vũ Ngọc Thăng

Đọc cuốn sách “ Giáo sư Lê Văn Thiêm ”

Bùi Trọng Liễu (*)

Cuốn sách này do đại học Quốc gia Hà Nội xuất bản năm 2003, nhân dịp kỷ niệm 85 năm ngày sinh của nhà toán học Lê Văn Thiêm (1918-1991), là một tập hồi ký dài 208 trang, với sự tham gia của nhiều tác giả.

Ông Thiêm người Hà Tĩnh, du học ở Pháp năm 1939, là cựu sinh viên Ecole Normale Supérieure (rue d’Ulm ở Paris). ông có một thời làm nghiên cứu ở Thụy Sĩ và ở đức ; ông bảo vệ tiến sỹ nhà nước về Toán ở đại học Paris năm 1949. Tiếp đó ông về nước tham gia kháng chiến năm 1949, thoát đầu ở Nam Bộ, rồi ra vùng kháng chiến Việt Bắc, trải qua nhiều chức vụ trong ngành giáo dục đào tạo và nghiên cứu. Ông thuộc lớp người “ mở đường ” xây dựng nền Toán học nói riêng và nền khoa học Việt Nam mới nói chung. Tất nhiên các bài viết đều nói lên những công lao của ông, cũng như về đức độ của ông. Nhưng không chỉ có vậy. đó cũng là những lời chứng có giá trị về một giai đoạn lịch sử của nước nhà, dù cho thỉnh thoảng, độ chính xác cũng chỉ tương đối. Tôi xin trích dưới đây vài đoạn (những đoạn viết nghiêng trong ngoặc [...] là do tôi chú thích thêm để câu dễ hiểu) :

– Trích bài ông **Nguyễn Văn Đạo**, giáo sư Cơ học, đại học Quốc gia Hà Nội :

Cha của giáo sư, ông Lê Văn Nhiêu, đậu cử nhân ở khoa thi Canh Tý (1900). Chú ruột, ông Lê Văn Huân, giạt giải nguyên năm 1916, [...] tham gia Duy Tân hội, [...] bị Pháp bắt, bị lưu đày 10 năm ở Côn đảo [...] lại tiếp tục hoạt động trong đảng Tân Việt [...] bị bắt giam lần thứ hai [...] mổ bụng tự sát vào năm 1929. Anh cả, ông Lê Văn Kỹ, đậu tiến sỹ đệ tam giáp lúc 28 tuổi trong khoa thi Mậu Ngọ (1918), [...]. Anh thứ hai Lê Văn Luân làm thường vụ tỉnh ủy Hà Tĩnh thời Xô Viết Nghệ Tĩnh, bị thực dân Pháp bắt và xử tử năm 1931. Năm 1930, cả cha và mẹ đều qua đời. Cảnh bản hàn của gia đình đông anh em, cảnh tiêu điều của xóm làng bị khủng bố trắng đã thúc giục anh ra đi. Anh vào Quy Nhơn, nương tựa người anh cả đang hành nghề thuốc ở đó [...]. Năm 1939, với thành tích đỗ thứ nhì kỳ thi PCB [ở đại học Hà Nội], Lê Văn Thiêm được nhận học bổng sang Pháp du học. [...]. [Sau khi bảo vệ luận án tiến sỹ nhà nước] Bằng tiền dành dụm được, Lê Văn Thiêm đã trở về nước qua đường bay Pari-Băng Cốc, rồi từ Băng Cốc bằng đường bộ qua Cam-pu-chia về rừng U Minh, khu 9 miền Nam tham gia kháng chiến chống Pháp, công tác tại sở Giáo dục Nam Bộ từ 19/12/1949. [Năm 1950] Giáo sư Lê Văn Thiêm được chính phủ điều động từ Nam Bộ ra Việt Bắc để nhận nhiệm vụ mới. Ba lô trên vai, giáo sư đã phải lội bộ 6 tháng theo đường rừng, dọc theo chiều dài của đất nước, qua những vùng rừng thiêng nước độc, “ vất dài lêu nghêu, muỗi kêu như sáo thổi ”. [...]. Ra đến Việt Bắc, năm 1951,

giáo sư được giao nhiệm vụ xây dựng trường Sư phạm Cao cấp và trường Khoa học Cơ bản, được cử giữ chức vụ Hiệu trưởng của hai trường này. [...]. Sau thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ dẫn tới kết thúc chiến tranh chống Pháp, năm 1954, giáo sư Lê Văn Thiêm tham gia tiếp quản các trường đại học Hà Nội, [...] được cử làm giám đốc đại học Sư phạm Khoa học Hà Nội. [Rời từ năm 1957-1970], phó hiệu trưởng đại học Tổng hợp Hà Nội, kiêm chủ nhiệm khoa Toán. [Vào năm 1970], giáo sư Lê Văn Thiêm được chính phủ điều động sang phụ trách viện Toán học thuộc viện Khoa học Việt Nam.

– Trích bài của ông **Lê Thạc Cán**, giáo sư, viện Môi trường và Phát triển bền vững :

Tháng 5/1951, cũng một số cán bộ trẻ của cơ quan của tỉnh Hà Tĩnh, tôi vô cùng sung sướng được tỉnh ủy giới thiệu đi học trường Khoa học Thực hành Cao cấp (KHTHCC) [mới được quyết định mở ở Việt Bắc, do ông Lê Văn Thiêm làm hiệu trưởng]. Theo sự bố trí của bộ Giáo dục, để được nhận vào trường, chúng tôi phải tới thị trấn Thọ Xuân ở Thanh Hóa gặp giáo sư Lê Văn Thiêm làm các thủ tục xét nhận vào trường. [...]. Nhóm chúng tôi đến địa điểm liên lạc, một làng quê có ngôi trường phổ thông tương đối lớn ở Thọ Xuân, vào một buổi chiều đầu hè nóng nực. Chúng tôi hết sức ngạc nhiên khi thấy hai bờ con kênh thủy lợi chảy qua làng đông nghịt trẻ em và thanh niên. Đám đông cho chúng tôi biết họ đang xem ông Lê Văn Thiêm, nhà bác học trẻ tuổi đang tắm và bơi trên kênh. [...]. Mấy hôm sau, sau khi thực hiện thủ tục kiểm tra nhập học, giáo sư Thiêm và người thư ký lên đường đi Việt Bắc bằng xe đạp, toàn bộ hành lý trong chiếc ba lô nhỏ. Những ngày sau đó các nhóm sinh viên chúng tôi cũng lần lượt lên đường. Chặng đường từ Thanh Hóa tới địa điểm liên lạc thuộc tỉnh Tuyên Quang dài trên 300 km, trong đó phần lớn là đường núi rừng hiểm trở. [...]. Sau gần 2 tuần lễ ngày nghỉ, đêm đi, trèo đèo, lội suối, qua những chặng đường có máy bay địch bắn phá hàng ngày, ban đêm thường có hổ báo qua lại, chúng tôi tới trường KHTHCC. Toàn bộ cơ ngơi của trường chỉ là một lán tre nứa dài khoảng 15m, một bếp cũng bằng tre nứa, và một ngôi nhà gỗ nhỏ ở ven đồi Quảng, một nhánh của sông Gâm. [...]. Giáo sư Thiêm họp toàn thể sinh viên, thông báo cho chúng tôi biết rằng theo chỉ thị của chủ tịch Hồ Chí Minh, trường đã đổi tên thành trường Khoa học Cơ bản (KHCB). Giáo sư kể rằng, tại một phiên họp của Hội đồng chính phủ bàn về giáo dục và đào tạo, lúc nói tới trường KHTHCC, có người tỏ ý ngần ngại về tên trường, không hiểu có thể dạy gì về kỹ thuật cao cấp trong điều kiện khó khăn tại chiến khu. Bác Hồ đã hỏi giáo sư Lê Văn Thiêm là ông sẽ dạy gì cho sinh viên KHTHCC. Giáo sư Thiêm trả lời rằng trước hết sẽ dạy khoa học cơ bản. Mọi người tỏ ý tán thành. Hồ Chủ tịch bảo thế thì hãy gọi là trường Khoa học Cơ bản. Tên trường KHCB đã có từ ý kiến đó của Bác Hồ.

Tháng 7 năm 1951, trong một buổi họp sinh viên, giáo sư Thiêm cho chúng tôi biết là với sự giúp đỡ của nhà nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Chính phủ đã quyết định thành lập khu học xá Việt Nam tại tỉnh Quảng Tây. [...]. Khu học xá Việt Nam, vào năm 1951 và vài năm sau đó, gồm một số giảng đường và lớp học bằng gỗ, lợp tranh, cùng với một số ký túc xá đặt trong các đền thờ của làng Tâm Hư, một làng quê nhỏ ở cách thành phố Nam Ninh, thủ phủ tỉnh Quảng Tây khoảng hơn

10 km. Giăng đường, ký túc xá đều không có lưới điện, nước máy. Nước ăn uống, tắm giặt do chúng tôi thay phiên nhau tự gánh từ hồ về. Các thầy giáo như giáo sư Thiêm, giáo sư Xiển, giáo sư Kon Tum cũng hàng ngày cùng chúng tôi gánh nước. Ánh sáng học ban đêm là đèn dầu. Giăng đường, lớp học đều không có bàn viết, ghế ngồi. Mỗi sinh viên, học sinh được phát một ghế nhỏ để ngồi và một bảng gỗ thay bàn viết. Mỗi lần lên lớp đều phải xách theo ghế và bảng. Điều tốt so với ở chiến khu Việt Bắc là khu học xá có hòa bình. [...]. Điều đáng chú ý là phương pháp đào tạo lấy khoa học cơ bản làm gốc của trường đã đem lại những thành công to lớn. Những người sinh viên do điều kiện gian khổ, thiếu thốn trong rừng sâu, hay tại làng Tầm Hư thôn dã, chỉ có thể học các môn Toán, Lý, Hóa học với vài ba tài liệu giáo khoa, nhưng sau hai năm học khoa học cơ bản của các trường đại học ở các nước xã hội chủ nghĩa tiên tiến đều trở thành những sinh viên, những nghiên cứu sinh xuất sắc. Những người trở về nước phục vụ chiến đấu, tiếp quản khoa học, kỹ thuật từ vùng tạm chiếm cũng đã có những cống hiến hết sức vẻ vang. [...]. Cái gì là nguyên nhân của những thành công này, ngành Khoa học giáo dục Việt Nam nên nghiên cứu. Là một người trong cuộc, tôi thấy một cách khái quát rằng đó là do tư tưởng giáo dục đúng đắn của giáo sư Lê Văn Thiêm, người sáng lập, chỉ đạo và điều hành trường KHCB. Nội dung chính của tư tưởng này là : lấy khoa học cơ bản làm gốc ; phát huy cao độ khả năng tự học và động cơ học tập đúng đắn của người học ; không tham dạy nhiều về khối lượng, mà chú ý chọn lọc kiến thức tinh hoa của thế giới. [...]. Nghiên cứu vận dụng tư tưởng giáo dục này là việc hết sức cần thiết trong giải quyết các khó khăn về giáo dục và đào tạo hiện nay ở ta.

– Trích bài ông **Nguyễn Văn Đạo**, giáo sư Cơ học, đại học Quốc gia Hà Nội :

Với ý thức nóng bỏng về những ứng dụng thực tiễn của lý thuyết hàm biến phức, giáo sư đã nắm bắt rất nhanh một thành tựu Cơ học mới của Liên Xô vào những năm 1960 - lý thuyết nổ định hướng của La-vren-chi-ep. [...]. Dưới sự chỉ đạo của [ông], một nhóm cán bộ khoa học trẻ của các viện nghiên cứu và các trường đại học đã đi sâu nghiên cứu ứng dụng lý thuyết này trong việc nạo, vét các kênh, mương, trong việc phục vụ giao thông thời chiến, trong việc khai thác mỏ, trong việc xây dựng công trình thủy điện Hòa Bình...[...] Giáo sư đã trực tiếp theo dõi công việc của một kỹ sư trẻ trong việc cải tiến máy kéo MTZ của Liên Xô theo kiểu bánh lông để làm đất trên ruộng lầy. Phải làm sao để máy kéo không bị lún quá sâu trong ruộng lầy có độ chặt từ một đến hai kilôgam trên một phân vuông, hơn nữa lại có thể làm nhỏ được đất mà không cần cày bừa gì cả, nghĩa là máy kéo chỉ cần chạy vài lượt là đất đã tơi nhuyễn và nông dân có thể cấy lúa được. Ông đã từng đạp xe đạp cả ngày đường để đến xã Tế Tiêu ở Hà Sơn Bình xem thử nghiệm sản phẩm mới này. Hôm đó trời rét, lại mưa lâm thâm, nhà toán học Lê Văn Thiêm đã xắn quần xắn xắn lội xuống ruộng bùn để xem kỹ góc chuyển động của các mấu bám bằng thép và tác dụng của nó khi máy chạy trên ruộng. Hôm đó, bà con nông dân kéo ra rất đông, lần đầu tiên trên cánh đồng ngập nước mênh mông đã có máy cày xuống chạy. Nhiều người phấn khởi, lội ừa xuống ruộng, đi theo một người đang lụi cùi ở phía sau máy kéo mà bùn đất đã làm lấm lem chiếc áo ngoài bạc phếch

của ông. Họ cũng không biết rằng đó chính là giáo sư toán học nổi tiếng Lê Văn Thiêm.

– Trích bài của bà **Hoàng Xuân Sính**, giáo sư Toán học, Trường đại học Sư phạm Hà Nội :

[...] Trí thức Việt kiều [du học ở Pháp] về nước đợt đầu là theo con đường phái đoàn của ta sang Pháp đàm phán năm 1946, lộ trình này không có gì gian nan. Đợt thứ hai chỉ có anh Thiêm. Sau này, anh Tạ Quang Bửu cho tôi hay, anh Thiêm phải sang Anh ở mấy tháng [?] để thực dân Pháp không nghi là về với kháng chiến, rồi từ Anh đi Thái Lan. Ở Thái Lan, anh Thiêm nhận nhiệm vụ áp tải vũ khí mua ở đó đưa về chiến khu Nam Bộ. Anh ở chiến khu Nam Bộ mấy tháng, sau mới đi bộ ra miền Bắc. [...] đối với anh chị em Việt kiều chúng tôi, chưa bao giờ phải phiêu lưu như vậy, thì chuyện về nước của anh Thiêm là một huyền thoại. Tôi không biết anh [Trần Đức] Thảo về nước thế nào, có nhiều khó khăn hay không, nhưng chắc chắn không mấy dễ dàng vì anh Thảo cũng về trong lúc còn kháng chiến. Sau anh Thảo, một loạt anh em Việt kiều về nước năm 1952, về rất dễ dàng, không phải giấy tờ gì cả, được cảnh sát Pháp bắt tại nhà, hỏi cung trong một ngày, làm giấy quyết định trục xuất sau khi hỏi cung, rồi đưa bằng tàu hỏa xuống cảng Marseille, từ đó xuống tàu biển tiến thẳng về cảng Sài Gòn, rồi vào khám Chí Hòa. Anh Phạm Huy Thông được “vinh dự” về như vậy. Cùng đợt về với anh Thông, ở tỉnh Toulouse nơi tôi đang học lúc đó, có anh Võ Văn Lạc. [...]. Người thanh niên Võ Văn Lạc, bí thư chi bộ Toulouse, năm đó mới ngoài hai mươi tuổi. Chuyện của anh cũng nên nhắc lại ở đây để thấy số phận mỗi Việt kiều trên con đường về với Tổ Quốc. Sau đêm anh vẫy chào từ biệt chúng tôi, gần chục năm sau tôi mới lại gặp anh, nhưng lần này trên đất Bắc. Do thực dân Pháp đã chuyển anh từ khám Chí Hòa ra nhà tù Hà Nội, rồi anh được chuyển đi cải tạo khi ta tiếp quản thủ đô vì trường hợp anh quá đặc biệt khó tin. Các anh khác ở lại khám Chí Hòa, sau 1954 được thả ra, chỉ có anh Lạc và anh Phạm Huy Thông bị thực dân Pháp chuyển ra ngoài Bắc. Anh Thông ở nhà tù Hải Phòng, còn anh Lạc ở nhà tù Hà Nội. Anh Thông là lãnh đạo của Việt kiều ở Pháp, nổi tiếng, luôn luôn có liên lạc với Trung ương, nên không xảy ra điều gì nhầm lẫn. Anh Lạc đi cải tạo đến năm 1958. May cho anh, một hôm đại tướng Võ Nguyên Giáp nhìn thấy anh trong đám tù cải tạo đang làm đường ở miền núi, thấy mặt mũi anh sáng sủa nhân hậu, hỏi chuyện anh và hiểu ngay câu chuyện mà người thường khó hiểu, đã đưa anh từ trại cải tạo về công tác ở Nhà xuất bản Sự Thật. [...]. Nếu không có ngọn đuốc đưa đường của các anh, chúng tôi không biết phải sống thế nào sau cái đêm tiễn các anh bị [Pháp] bắt về nước tống giam. Anh Thiêm và các anh cùng thế hệ với anh, đã ảnh hưởng đến chúng tôi như vậy. Nhưng có điều xót xa này, tôi thấy cần phải nói. Trong chuyến đi công tác cùng anh Thiêm năm 1974 [chuyến đi dự Hội nghị Quốc tế Toán học ở Vancouver] ⁽¹⁾, tôi thấy anh Thiêm có những sợ sệt rất vắn vơ mà Việt kiều tiếp xúc không hiểu được. Cùng cảnh ngộ, tôi chưa xót nhận ra. Anh Thiêm mới thoát khỏi một cuộc “tranh cãi” dài liên miên của đại học Tổng hợp, “tranh cãi” đến mức phải cho sinh viên nghỉ học dài dài để thầy tập trung họp “thảo luận”. Kết quả là Viện Toán được thành lập để anh Thiêm và anh Hoàng Tụy có chỗ làm việc ⁽²⁾. Ở anh Trần Đức Thảo, tôi cũng thấy những sợ sệt,

nhưng còn nặng nề hơn anh Thiêm nhiều. Tôi đau buồn phải nói ra điều này, nhưng tôi thấy đó là một điều tốt nếu nói được ra.

– Trích bài ông **Hoàng Tụy**, giáo sư, viện Toán học, Trung tâm khoa học Tự nhiên và Công nghệ quốc gia :

Đương nhiên giá như giáo sư Lê Văn Thiêm cứ tiếp tục sự nghiệp nghiên cứu ở Pháp hay ở Mỹ thì chắc chắn, với tài năng xuất sắc của mình, ông có thể có nhiều cống hiến to lớn hơn cho toán học và tên tuổi quốc tế của ông lẫy lừng hơn. Song ông đã lựa chọn trở về quê nhà, cùng chia sẻ khó khăn gian khổ với đồng bào, và thật sự tất cả những gì ông đã cống hiến cho Tổ quốc và cộng đồng toán học Việt Nam chỉ có thể khiến chúng tôi vô cùng biết ơn ông và tự hào về ông. [...].

Về phương diện con người, giáo sư Lê Văn Thiêm rất mực điềm đạm, khiêm tốn và nhân hậu, sống rất giản dị và nhiều lúc hóm hỉnh một cách thật dễ thương. Luôn luôn sẵn sàng giúp đỡ bất cứ ai cần đến và rất bao dung cao thượng, nhưng mặt khác ông lại là con người nguyên tắc, đấu tranh không khoan nhượng cho lẽ phải và chân lý. Những đức tính tựa hồ mâu thuẫn đó có lúc đã gây cho ông không ít rắc rối, nhưng những người hiểu ông đều hết sức cảm phục tấm lòng nhân ái, vị tha của ông.

– Trích bài ông **Nguyễn Cang**, giáo sư, đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh :

Vốn rất ít nói và không hay nói đến mình, nhưng tôi luôn luôn gắn thầy “ khai thác bí mật ” nhiều chi tiết với ý nghĩ đó sẽ là bài học tốt cho học sinh, sinh viên, thanh niên nước ta sau này. Những dịp may mắn gần Thầy trong những năm tôi làm việc ở Viện Toán, Viện Hàn lâm Khoa học Ba Lan, Thầy tiết lộ : “ Mình nhỏ hơn anh Tạ Quang Bửu 9 tuổi. Khi mình sang Pháp học thì anh Bửu đã về nước làm việc, có uy tín lớn trong giới trí thức, sinh viên. Lúc anh Bửu là thành viên Phái đoàn Chính phủ ta sang đàm phán với Chính phủ Pháp ở Paris [*Hội nghị Fontainebleau 1946*], anh Bửu có đến thăm mình và khuyên mình bắt luận trong hoàn cảnh nào cũng phải bảo vệ luận án Tiến sĩ quốc gia khoa học Toán học, vì càng có vị trí khoa học cao thì càng có uy tín để làm việc cho đất nước ”.

– Trích bài ông **Nguyễn Đình Ngọc**, giáo sư, đại học dân lập Thăng Long, nguyên thiếu tướng Công an, sau khi bảo vệ luận án tiến sĩ quốc gia về Toán ở Paris, mấy năm 1964, 1965 có làm giáo sư Toán đại học ở Pháp :

Năm 1952, khi học lớp “ điệp báo ” ở Sở Công an Liên khu IV, tôi đã nghe kể về thầy : [...] đã bỏ hết để về tham gia kháng chiến chống Pháp. Từ đó, tôi đã kính trọng thầy như một tấm gương sáng của một người trí thức yêu nước. [...]. Về Sài Gòn từ tháng 2 năm 1966, tôi đã dạy Toán theo các danh từ mà thầy và các đồng nghiệp đã chủ biên ở Hà Nội, và theo tinh thần đó mà bổ sung các danh từ chưa có trong đó. [...] Thật sung sướng khi đất nước thống nhất, tôi đã được gặp thầy, người thật việc thật ở hội nghị Toán học Bắc-Nam ở Thành phố Hồ Chí Minh với tư cách một “ giáo sư chế độ ngụy được chế độ ta lưu dụng ”, còn đang phụ trách phân hiệu Thủ Đức của Trường đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh. Chỉ mãi cuối năm 1977, khi trở về Hà Nội với tư cách một trung tá công an, tôi mới được lên viện Toán học ở Đội Cấn tham gia các sinh hoạt Toán-Cơ để học hỏi thêm và làm thông tin khoa học kỹ thuật

cho bộ trưởng Trần Quốc Hoàn và bộ Công an. Vì công tác ở bộ Công an vẫn là chính nên những gì thầy đề nghị tôi làm như dịch thuật cho các giáo sư dùng tiếng Pháp, tiếng Anh, phản biện các luận án (phó) tiến sĩ, các đề cương làm tiến sĩ (khoa học), vv. tôi đều cố gắng làm tốt nhất, noi theo tấm gương tận tụy, chí công vô tư, hết sức giúp đỡ lớp trẻ của thầy.

– Trích bài của nhà toán học **Laurent Schwartz** viết ngày 14/12/1991 :

Lê Văn Thiêm và Tạ Quang Bửu đã đấu tranh không mệt mỏi và hướng cuộc đấu tranh này tới việc đề cao chất lượng khoa học. Cả hai người đã phải trải qua những thời kỳ khó khăn. Chính Lê Văn Thiêm đã phải làm một bản tự kiểm điểm công khai về quan điểm “ chủ nghĩa nhân tài ”. Ông đã phải chịu đựng rất nhiều.

– Trích thư chia buồn của nguyên Thủ tướng **Phạm Văn Đồng**, gửi bà Lê Văn Thiêm ngày 12/7/1991 :

Có thể chị không biết hết những quan hệ thân tình giữa tôi và anh Thiêm trong suốt thời gian anh hoạt động và phấn đấu quên mình ở miền Bắc. [...] Anh Lê Văn Thiêm qua đời càng làm nổi bật tầm vóc và sự cống hiến của nhà toán học và người chiến sĩ cộng sản Lê Văn Thiêm. Đó là điều từ đáy lòng tôi muốn nói với chị và nói với hương hồn của người đã khuất, đồng thời có thể nói với mọi người.

Vì số dòng/trang có hạn, tôi không thể trích nhiều hơn. Cuốn sách còn có bài của nhiều tác giả khác : của ông Đặng Đình Áng, giáo sư đại học Quốc gia TPHCM (về sự gặp gỡ và cộng tác với ông Thiêm khi ông chuyển công tác vào Nam năm 1981), của ông Nguyễn Hữu Anh, giáo sư đại học Quốc gia TPHCM, Việt kiều cũ ở Mỹ và Canada (về vài kỷ niệm “ vui ” với ông Thiêm, đặc biệt là chuyến đi dự Hội nghị Quốc tế Toán học ở Helsinki 1978 (3)), của các ông Phan đình Diệu, giáo sư đại học Quốc gia Hà Nội và Nguyễn đình Trí, giáo sư đại học Bách khoa Hà Nội (cả hai thuở xưa là sinh viên của ông Thiêm), v.v. Chú ý là cuốn sách không chỉ là sự tập hợp những kỷ niệm về ông Lê Văn Thiêm mà còn cho một số thông tin về những cảnh ngộ khác nhau của những Việt kiều “ trên con đường về với Tổ Quốc ”. Nó cũng kể lại một số sự kiện mà tới nay ít ai chú ý, thí dụ như đã thấy trong các phân trích trên đây : một nét của cái nhìn của Hồ chủ tịch về vấn đề khoa học, điều kiện trú ngụ của Trường KHCN ở Trung quốc, cái sự “ hiểu ngay câu chuyện mà người thường khó hiểu ” của đại tướng Võ Nguyên Giáp, cái nhìn của ông Tạ Quang Bửu về việc nên học đến nơi đến chốn (khác với một số người một thời chủ trương là Việt kiều ở Pháp chẳng cần/chẳng nên “ học cao ”, na ná như việc chủ trương năng lượng là do sức kéo của con người mà ra, không cần coi trọng cơ giới), vv.

Riêng về phần tôi, (như tôi đã viết trong bài của tôi), tôi bắt liên lạc với ông Thiêm từ thuở những năm 1960 gì đó, và có thể nói là có quan hệ mật thiết, dù tôi chỉ thực sự gặp ông vào năm 1970, và những lần về nước sau đó, và chuyển ông qua Pháp trên đường đi Vancouver. Công lao của ông ngày nay đã được ghi nhận. Còn những gian nan ông gặp phải, cũng cần được nói lên. Tuy ông không bao giờ thổ lộ, tôi có nghe kể là có một thời một số người phê phán ông về sự “ sai lầm ” chú trọng cán bộ giỏi (“ giỏi ” theo nghĩa nghề nghiệp) và muốn tập trung họ về làm việc ở đại học cho có hiệu quả, nghĩa là đã không ưu tiên

các “ thành phần cơ bản ”. Làm công tác trí thức ở Việt Nam rất là khó, nhất là trong những năm chiến tranh. Không chỉ vì trang bị, mà còn có vấn đề giữa : lý thuyết và thực hành, cơ bản và ứng dụng, hồng và chuyên. Những khó khăn loại đó, ngay cả những nhà “ khoa học tự nhiên ” cũng gặp phải, chứ không chỉ những nhà văn, nhà thơ, khoa học xã hội và nhân văn(4)...

Ở xa nhìn về nước, tôi cũng biết được là, trong cuộc sống, những năm khó khăn đã thuộc về quá khứ. Về mặt công tác chuyên môn, chắc ngày nay cũng dễ dàng hơn trước. Mong rằng các thế hệ trí thức nối tiếp, không quên công lao và sự vất vả của những người đi trước mở đường, trong đó có nhà toán học Lê Văn Thiêm.

(*) **Bùi Trọng Liễu**, giáo sư đại học (Paris, Pháp)

Chú thích.

(1) Hội nghị quốc tế Vancouver (1974) có sự tài trợ cho đoàn Việt Nam (xem bài “ *Vài lời về ông Laurent Schwartz* ”, *Diễn Đàn* số 121). Lần này, đoàn gồm ông Lê Văn Thiêm và bà Hoàng Xuân Sính. Đoàn ghé Paris và phần nào được trang bị ở đây, trước khi đi Canada.

Trong bài dẫn trên, tôi cũng có kể rằng các nhà toán học Pháp và nước ngoài rất quý trọng ông Thiêm vì ông đã từ bỏ sự nghiệp riêng để theo “ nghĩa cả ”.

(2) Hội thành lập viện Toán học, ông Hoàng Tụy chuyển công tác từ đại học Tổng hợp về viện trước, rồi sau đó ông Thiêm chuyển về làm viện phó (nhưng không có viện trưởng) năm 1970. Mãi đến 1975, sau nhiều lần can thiệp của cả thủ tướng Phạm Văn Đồng, ông Thiêm mới được bổ nhiệm chính thức viện trưởng viện Toán học. Sự tồn tại của một viện nghiên cứu Toán học tách rời khỏi đại học, trong một đất nước còn nghèo, là một sự ngạc nhiên đối với một số nhà khoa học, thí dụ như đối với ông Laurent Schwartz, bởi vì nguyên nhân không dễ hiểu. Viết mấy dòng này, tôi đã “ trả nợ ” lời hẹn trước đây, trong đó có lời hẹn trong *Diễn Đàn* số 121, là kể chuyện này vào một dịp “ tâu hậu trà dư ” nào đó.

(3) Bốn năm sau Vancouver, Hội nghị quốc tế Toán học (1978) họp ở Helsinki. Ông Nguyễn Hữu Anh kể : “ *đoàn có 4 người do giáo sư Lê Văn Thiêm làm trưởng đoàn. [...] Hôm lên đường, trời mưa rất to. Xe đón giáo sư Thiêm ở ngõ Hàng Chuối mà đường ngập đến gần đầu gối. Sau mấy tiếng đồng hồ trên chiếc xe lộc cộc, chúng tôi mới đến sân bay Nội Bài. Tại đây, trong khi ngồi chờ lên máy bay, tôi tình cờ gặp một anh bạn Việt kiều từ Canada về chơi. Anh đưa cho tôi 50 dollars phòng khi bất trắc vì đoàn đã không lấy tạm ứng từ Ngân hàng vì ngại thủ tục quá rườm rà. Hóa ra số tiền mà anh bạn đưa đã giúp chúng tôi xoay sở khi mới đến Helsinki [vì khi đến nơi] thì nảy sinh vấn đề vì đó là lúc cuối tuần, Văn phòng Hội nghị đóng cửa. Nhờ có số tiền của anh bạn từ Canada, chúng tôi mới đi được xe bus từ sân bay về trung tâm thành phố. Tại đây, tôi đã để nghị và giáo sư Thiêm quyết cứ thuê phòng khách sạn ở, vì chưa phải trả tiền ngay. Ngày hôm sau, gặp Ban tổ chức Hội nghị nhận tiền tài trợ dự Hội nghị (đoàn được IMU tài trợ thông qua đề nghị của giáo sư Laurent Schwartz), chúng tôi mới thở phào ! ”. Câu chuyện này làm tôi liên tưởng đến hai chuyện tương tự. Hồi mới sau giải phóng, một cán bộ khoa học cao cấp sang Pháp dự Hội nghị ở UNESCO, khi đến thăm tôi, ông kể rằng máy bay đến chệch giờ, sứ quán không đón được, may ông được một người Pháp hảo tâm biếu ông một franc để ông gọi được điện thoại để có người ra đón. Ông Trần Đại Nghĩa cũng kể cho tôi nỗi lo của ông trong chuyến đổi máy bay ở thủ đô Áo để sang Pháp (do Hiệp hội khoa học kỹ thuật Việt Nam tại Pháp và một số hội đoàn Pháp chung mời năm 1983) mà trong túi không một đồng ngoại tệ ; ông chỉ lo lỡ*

chuyến máy bay thì không biết giải quyết ra sao. Cái thời bao cấp !

(4) Nhân đây xin cho tôi được liên tưởng dây mơ rễ má, và kể về một điều “ tiếc ” của tôi :

Năm 1969, hôm tôi nhận được bức thư của ông Tạ Quang Bửu (lúc đó đang là bộ trưởng đại học và THCN, mời tôi về làm việc trong nước 4 tuần, để thí điểm cho việc Việt kiều về nước làm việc ngắn hạn), cũng là hôm có buổi họp Việt kiều ở Paris để nghe ông Lê Đức Thọ giải thích tình hình đàm phán hội nghị Paris. Ông đã ngồi vào bàn, và sắp sửa nói, nhưng người xúm quanh còn rất đông. Nhắc lại là thuở ấy ông là nhân vật rất quan trọng, cho nên ngoài những Việt kiều có nhiệm vụ công tác với đoàn đàm phán nên có dịp gần gũi ông, còn thì cũng nhiều người khác muốn được ông biết đến. Cũng là chuyện nhàn của thời đó : “ Nam bắc lai châu xâm tế tế, đông tây chí biện đổ hân hân ”. Tôi vốn không được quen ông, và lại tôi cũng giữ ý. (Thuở đó, tôi cũng đã nghe “ đồn ” là ông Lê Đức Thọ vốn tên thật là Phan Đình Khải, và là con hay cháu gì đó của ông Phan Đình Hồ, tổng đốc Nam Định vào những năm thuộc thập niên 30. Vào năm 1936, chú H. của tôi du học ở Pháp về, có làm tri huyện tập sự ở Nam Định mấy tháng trước khi bị chết bệnh. Ông nội tôi vì có quen biết ông Phan Đình Hồ, nên có nhờ ông PDH viết cái “ thân chủ ” (bài vị) cho đám tang chú tôi ; cái đồ thờ ấy, ngày nay còn tồn tại. Thuở ấy, tôi “ giữ ý ” vì sợ mang tiếng là “ thấy người sang, bắt quàng làm họ ”...). Trở lại câu chuyện : tôi đang đứng ở cuối phòng, thì bỗng anh Huỳnh Trung Đồng, chủ tịch hội Việt kiều lúc đó, gọi tôi. Anh lách qua đám đông dắt tôi lại giới thiệu với ông Lê Đức Thọ, và anh bảo tôi đưa bức thư của ông Tạ Quang Bửu cho ông xem. Ông chỉ nói với tôi có mấy câu : “ *Trong nước chủ trương như thế. Ta rất chú ý đến trí thức Việt kiều. Anh nên thu xếp về sớm* ”. Đó là lần duy nhất tôi có dịp trao đổi với ông. Rồi tôi cũng nghĩ rằng ông chẳng nhớ tôi là ai. Bẵng đi hơn ba mươi năm, nghĩa là cách đây không lâu, một hôm một quan chức, nhân dịp qua Pháp, tình cờ kể cho tôi nghe là lúc sinh thời, ông Lê Đức Thọ hay hỏi thăm về trí thức Việt Kiều, và mỗi lần như vậy ông đều hỏi thăm về tôi. Đó là điều mà trong mấy chục năm tôi không được ai cho biết. Tôi nghe rồi cũng hãi, và tôi hỏi rằng không biết tôi có làm điều gì để ông “ nghi ” chăng, thì được trả lời rằng khi ông hỏi về ai, thì thường có hai khả năng : hoặc là ông “ nghi ”, hoặc là ông quý ; và trong trường hợp của tôi, thì ông không “ nghi ”. Tôi nghe rồi thì lại thấy “ tiếc ”, tiếc rằng nếu thực vậy và nếu thuở đó tôi được biết, thì có lẽ tôi thử cố len vào để được quen ông, chẳng phải vì tôi muốn cầu cạnh gì, mà chỉ để có dịp “ điều trần ” với ông về “ điều kiện làm việc của người trí thức trong nước ”, như tôi đã “ điều trần ” với các lãnh đạo khác trong nhiều năm. Tuy ngày nay chỉ là chuyện giả tưởng, nhưng tôi “ tiếc ” là vì thế, chẳng phải là tôi nghĩ rằng mình có thể góp phần làm thay đổi gì nhiều, nhưng ít ra mình cũng cố gắng hết sức mình, còn hơn là được quen ông mà cứ im lặng.

Diễn Đàn Forum

Directeur de publication: Nguyễn Quang Đổ * Imprimé par nos soins
Dépôt légal: 178/91 * Commission Paritaire: AS 73 324 * Prix: 6 €

Địa chỉ bưu điện:

BP 50, F-92340 Bourg la Reine (FRANCE)

Địa chỉ điện tử (E-mail):

diendan@diendan.org

Trang nhà : <http://www.diendan.org>

Đại diện các nước: xin coi thể lệ mua báo (trang 19)

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa PC (phông Unicode, VNI, TCVN, VPS, ...) ; hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet VIQR)